

Gia Lai, ngày 14 tháng 04 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

|                                    |                                                                                                                        |
|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên tổ chức:                       | Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)                                                        |
| Mã chứng khoán:                    | DBD                                                                                                                    |
| Trụ sở chính:                      | 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai                                                                 |
| Điện thoại:                        | 0256.3846500                                                                                                           |
| Fax:                               | 0256.3846846                                                                                                           |
| Người thực hiện công bố thông tin: | Bà Phạm Thị Thanh Hương                                                                                                |
| Chức vụ:                           | Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật                                                                          |
| Loại thông tin công bố             | <input checked="" type="checkbox"/> Định kỳ <input type="checkbox"/> Bất thường (24h) <input type="checkbox"/> Yêu cầu |

**Nội dung công bố:** Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/04/2025 tại website [www.bidiphar.com](http://www.bidiphar.com).

Chúng tôi xin cam kết rằng các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**Tài liệu đính kèm**

- Báo cáo thường niên năm 2025.

**Người đại diện theo pháp luật**

**Tổng Giám đốc**



**Phạm Thị Thanh Hương**



CHẤT LƯỢNG · HIỆU QUẢ · THỎA MÃN KHÁCH HÀNG

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



# DANH MỤC VIẾT TẮT

|       |                                      |
|-------|--------------------------------------|
| BCTC  | Báo cáo tài chính                    |
| BĐH   | Ban điều hành                        |
| CTCP  | Công ty cổ phần                      |
| CP    | Cổ phiếu                             |
| CBNV  | Cán bộ nhân viên                     |
| CSR   | Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp  |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông                 |
| ĐVT   | Đơn vị tính                          |
| HOSE  | Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh |
| HĐQT  | Hội đồng quản trị                    |
| HĐTV  | Hội đồng thành viên                  |
| GPKD  | Giấy phép kinh doanh                 |
| KTNB  | Kiểm toán nội bộ                     |
| TGD   | Tổng Giám đốc                        |
| UBKT  | Ủy ban kiểm toán                     |
| VHDN  | Văn hóa doanh nghiệp                 |
| SXKD  | Sản xuất kinh doanh                  |

## MỤC LỤC

### 1

#### THÔNG TIN CHUNG

|                                                             |    |
|-------------------------------------------------------------|----|
| THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ BIDIPHAR                             | 03 |
| QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN                             | 09 |
| GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2025                              | 11 |
| THÔNG TIN VỀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, SẢN XUẤT VÀ THỊ TRƯỜNG  | 12 |
| MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP             | 15 |
| CÁC RỦI RO                                                  | 16 |
| MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY                 | 17 |
| MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | 21 |

### 2

#### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

|                                                                        |    |
|------------------------------------------------------------------------|----|
| TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025               | 30 |
| DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN         | 32 |
| THÔNG TIN CỔ PHIẾU, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU | 33 |

### 3

#### BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

|                                                                                |    |
|--------------------------------------------------------------------------------|----|
| ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025 | 35 |
| NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ                          | 38 |
| KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI                                            | 39 |
| BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY | 40 |

### 4

#### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

|                                                                       |    |
|-----------------------------------------------------------------------|----|
| ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY       | 42 |
| ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY | 45 |

### 5

#### QUẢN TRỊ CÔNG TY

|                                                           |    |
|-----------------------------------------------------------|----|
| HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ                           | 47 |
| BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP | 49 |
| ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  | 51 |
| THÔNG TIN THÙ LAO, LƯƠNG THƯỞNG VÀ GIAO DỊCH NỘI BỘ       | 53 |

### 6

#### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

|                                               |    |
|-----------------------------------------------|----|
| THÔNG TIN CHUNG                               | 56 |
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                 | 57 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                     | 57 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT                 | 58 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 59 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT           | 60 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT        | 61 |

## THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Trong suốt 45 năm hình thành và phát triển, BIDIPHAR không ngừng đổi mới, sáng tạo để linh hoạt thích ứng với những biến động của thị trường, đồng thời từng bước bứt phá nhằm thực hiện sứ mệnh:

“ **CHĂM SÓC SỨC KHỎE**  
*Chia sẻ niềm vui* ”

Trên chặng đường phát triển, BIDIPHAR luôn trân trọng và ghi nhận sự đồng hành, ủng hộ của quý cổ đông, đối tác, đội ngũ CBNV cùng niềm tin của khách hàng – những yếu tố quan trọng góp phần tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của công ty.



Chủ tịch Hội đồng quản trị  
**TẠ NAM BÌNH**

*Kính gửi Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng cùng toàn thể CBNV!*

Năm 2025 lại là một năm khó khăn đối với Công ty do nhiều biến động của các yếu tố tác động đến ngành Dược Việt Nam như tỉ giá ngoại tệ tăng mạnh dẫn đến giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, thay đổi quy định pháp luật (về đấu thầu, kiểm soát thuốc kê đơn, hóa đơn và thuế) tác động lớn đến hoạt động kinh doanh dược phẩm. Trong bối cảnh đó, toàn thể Công ty đã nỗ lực không ngừng, vượt qua những khó khăn và đạt được những thành tựu nhất định, hoàn thành 97% kế hoạch về doanh thu và 103% chỉ tiêu về lợi nhuận. Kết thúc năm 2025, kết quả doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Bidiphar lần lượt đạt 1865 tỷ đồng và 292 tỷ đồng. Có được kết quả kinh doanh khả quan như vậy là sự nỗ lực không ngừng nghỉ của cả tập thể Bidiphar.

Tuy nhiên, trên cơ sở định hướng chiến lược, HĐQT nhận định rằng trong giai đoạn tới, Công ty cần tiếp tục củng cố nguồn lực nội tại nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng để khẳng định vị thế và phù hợp với triển vọng phát triển chung của ngành dược phẩm.

Do đó, trong thời gian tới, Công ty xác định việc tập trung nguồn lực vào các mục tiêu trọng tâm là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững. Trên cơ sở định hướng chiến lược, Công ty tập trung triển khai các nhóm mục tiêu chủ yếu sau:

- Thứ nhất, tiếp tục đầu tư và hoàn thiện các điều kiện để đáp ứng tiêu chuẩn GMP-EU đối với Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư và Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ, qua đó nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường.
- Thứ hai, thực hiện đa dạng hóa danh mục sản phẩm phân phối, ưu tiên các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong từng giai đoạn.
- Thứ ba, tiếp tục đa dạng hóa và phát triển các kênh phân phối, mở rộng độ bao phủ thị trường, nâng cao hiệu quả phân phối và giảm thiểu rủi ro từ việc phụ thuộc vào một kênh phân phối nhất định.

Trong suốt 45 năm hình thành và phát triển, Bidiphar luôn nỗ lực vượt qua các khó khăn, thách thức, từng bước củng cố năng lực và duy trì tăng trưởng ổn định. Với định hướng phát triển bền vững, Công ty đã và đang đóng góp tích cực vào công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, đồng thời khẳng định vị thế của mình trong ngành dược phẩm.

Một lần nữa thay mặt Bidiphar, tôi vô cùng trân trọng và biết ơn sự ủng hộ của Quý vị và mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng đồng hành bền vững của Quý vị trong thời gian tới.

Xin Trân trọng cảm ơn.

**Chủ tịch Hội đồng quản trị  
TẠ NAM BÌNH**

# THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ BIDIPHAR

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2025

THÔNG TIN VỀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, SẢN XUẤT  
VÀ THỊ TRƯỜNG

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ  
CHỨC DOANH NGHIỆP

CÁC RỦI RO

MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN  
CỦA CÔNG TY

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG  
VÀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



# THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ BIDIPHAR

TÊN GIAO DỊCH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH  
(BIDIPHAR)

TÊN TIẾNG ANH BINH DINH PHARMACEUTICAL AND MEDICAL EQUIPMENT  
JOINT STOCK COMPANY

TÊN VIẾT TẮT BIDIPHAR

SỐ ĐIỆN THOẠI (84-256) 3846500

ĐỊA CHỈ 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai

FAX +84 (256) 3846846

WEBSITE <https://bidiphar.com/>

MÃ CHỨNG KHOÁN DBD – NIÊM YẾT TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HCM  
(HOSE)

VỐN ĐIỀU LỆ 945.293.470.000 đồng



# GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

## TẦM NHÌN

TIẾP TỤC DUY TRÌ TRONG TOP 5 CÔNG TY DƯỢC PHẨM HÀNG ĐẦU VIỆT NAM CHUYÊN CUNG CẤP CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHẤT LƯỢNG CAO, PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG.

ĐẠT TOP 3 CÔNG TY DƯỢC PHẨM VIỆT NAM CHUYÊN CUNG CẤP CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHẤT LƯỢNG CAO VÀO NĂM 2030.

## SỨ MỆNH

### CHĂM SÓC SỨC KHỎE - CHIA SẺ NIỀM VUI

TIÊN PHONG TẠO RA SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ TỐT NHẤT NHẪM CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI VIỆT NAM.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### TÂM

#### TÂM SÁNG

Minh bạch, trung thực, giữ cam kết giữ lời hứa.

#### TÂM SOI

Luôn thấy mình là gốc rễ của vấn đề; Gương mẫu, soi mình trước khi soi người.

#### TÂM THẤU HIỂU

Tôn trọng, lắng nghe để thấu hiểu và tìm giải pháp để giải quyết các nhu cầu chính đáng của đồng nghiệp, khách hàng, đối tác.

### TRÍ

#### RÕ MỤC TIÊU

Làm việc luôn có mục tiêu/ KPIs.  
Lập kế hoạch, báo cáo và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

#### HAM HỌC HỎI

Liên tục học tập các kiến thức về quản trị, chuyên môn, kỹ năng,... để áp dụng trong công việc và làm tinh nhuệ bản thân, đội ngũ.

#### HỢP TÁC TỐT

Tôn trọng khác biệt  
Kết nối đồng nghiệp  
Quyết liệt tối cùng vì mục tiêu chung.

### TIẾN

#### DŨNG CẢM

Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Không ngại khó, không bỏ cuộc.

#### SÁNG TẠO

Luôn đổi mới, sáng tạo trong công việc.

#### TIÊN PHONG

Tiên phong ứng dụng Khoa học công nghệ và chuyển đổi số để tạo sự khác biệt.

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

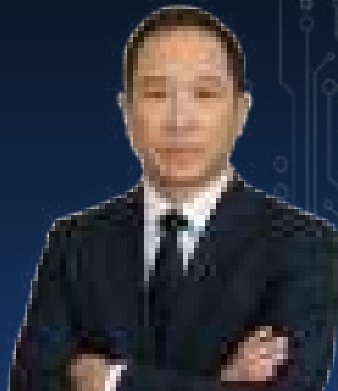
# ĐA DẠNG - ĐỘC LẬP - HIỆU QUẢ



# THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Chủ tịch Hội đồng quản trị **TẠ NAM BÌNH**

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh  
Ngày sinh: 29/11/1975



Ông Tạ Nam Bình giữ chức Chủ tịch HĐQT Bidiphar từ ngày 27/04/2024 đến nay. Trước đó, ông Bình giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Bidiphar từ ngày 20/04/2019 đến ngày 27/04/2024.

Ngoài ra, ông Bình còn giữ các chức vụ ở các doanh nghiệp khác:

- Phó chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bệnh viện Phụ sản Mê Kông.
- Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Sài Gòn Giá Trị.
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Du hành Sài Gòn.
- Chủ tịch HĐQT CTCP Tân Sơn.

## Thành viên Hội đồng quản trị **NGUYỄN TIẾN HẢI**

Trung cấp chuyên ngành Thuế  
Ngày sinh: 19/06/1972



Ông Nguyễn Tiến Hải là thành viên HĐQT Bidiphar từ ngày 27/04/2024 đến nay. Trước đó, ông Hải là thành viên HĐQT Bidiphar từ ngày 20/04/2019 đến ngày 31/03/2023 và Chủ tịch HĐQT Bidiphar từ ngày 31/03/2023 đến ngày 27/04/2024.

Ngoài ra, ông Hải còn giữ các chức vụ ở các doanh nghiệp khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Kim Tín.
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Kim Tín.

## Thành viên Hội đồng quản trị **TRƯƠNG THANH LIÊM**

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh  
Ngày sinh: 29/09/1983



Ông Trương Thanh Liêm là Thành viên HĐQT Bidiphar từ ngày 21/04/2023 đến nay. Ông Liêm giữ chức vụ Trưởng Ban KTNB Bidiphar từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/05/2025. Trước khi gia nhập Bidiphar, ông Liêm từng công tác tại Ngân hàng TMCP Nam Á và CTCP Chứng khoán MHB.

Ngoài Bidiphar, ông Liêm đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Value Plus.

## Thành viên Hội đồng quản trị **PHAN TẤN THƯ**

Cử nhân Kinh tế  
Ngày sinh: 28/03/1983



Ông Phan Tấn Thư là Thành viên HĐQT Bidiphar từ ngày 27/04/2024 đến nay.

Ngoài Bidiphar, ông Thư còn giữ các chức vụ ở các doanh nghiệp khác:

- Thành viên HĐQT kiêm TGD CTCP Chứng khoán Bảo Minh.
- Giám đốc CTCP Công nghệ mới Thiên Phúc.

## Thành viên Hội đồng quản trị **NGUYỄN THỊ MINH GIANG**

Kỹ sư Công nghệ thông tin  
Thạc sĩ Tài chính  
Ngày sinh: 30/04/1981



Bà Nguyễn Thị Minh Giang là Thành viên HĐQT Bidiphar kiêm Chủ tịch UBKT từ ngày 27/04/2024 đến nay; từ 01/05/2025 đến nay bà Giang kiêm nhiệm thêm chức vụ Trưởng Ban KTNB.

Ngoài Bidiphar, bà Giang còn giữ các chức vụ ở các doanh nghiệp khác:

- Sáng lập và TGD điều hành CTCP TIM Việt Nam.
- Thành viên độc lập HĐQT CTCP Nhựa Bình Minh.

## Thành viên Hội đồng quản trị **NGUYỄN NGỌC DŨNG**

Dược sĩ Chuyên khoa I  
Ngày sinh: 12/08/1969



Ông Nguyễn Ngọc Dũng là thành viên HĐQT Bidiphar từ ngày 21/04/2023 đến nay. Ông Dũng cũng giữ chức vụ Phó TGD Bidiphar từ tháng 10/2019 đến nay. Ông Dũng đã công tác tại Bidiphar từ tháng 08/1991 và lần lượt giữ các chức vụ như Nhân viên kế hoạch mua hàng, Nhân viên bán hàng, Trưởng hiệu thuốc, Trưởng Chi nhánh, Phó phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Marketing tại Bidiphar.

Ngoài Bidiphar, ông Dũng còn giữ các chức vụ ở các doanh nghiệp khác:

- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar.
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Dược liệu hữu cơ Bidiphar.



Thành viên Hội đồng quản trị

## **PHẠM THỊ THANH HƯƠNG**

Thạc sĩ Dược  
Ngày sinh: 10/07/1965



Bà Phạm Thị Thanh Hương công tác tại Bidiphar từ năm 2010 đến nay. Trong khoảng thời gian này, bà Hương giữ các chức vụ: 2010 - 02/2014: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế (TTBYT) tỉnh Bình Định và Giám đốc Công ty cổ phần Bidiphar I.

- 03/2014 – 04/2019: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó TGD Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế tỉnh Bình Định.
- 20/04/2019 – 17/04/2021: TGD Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar).
- 17/04/2021 – nay: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar).

Ngoài Bidiphar, bà Hương còn giữ các chức vụ ở các doanh nghiệp khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar.
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Dược liệu hữu cơ Bidiphar.

Trước khi làm việc tại Bidiphar, bà Hương từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Y Tế Bình Định từ năm 2001-2007 và Phó Giám đốc Sở Nội Vụ Bình Định từ năm 2007-2009.

# BAN ĐIỀU HÀNH TRÍ TUỆ - BẢN LĨNH - KIÊN HOẠT



# THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Tổng giám đốc

**PHẠM THỊ  
THÀNH HƯƠNG**

Thạc sĩ Dược  
Ngày sinh: 10/07/1965



Bà Phạm Thị Thanh Hương công tác tại Bidiphar từ năm 2010 đến nay. Trong khoảng thời gian này, bà Hương giữ các chức vụ:

- 2010 - 02/2014: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế (TTBYT) tỉnh Bình Định và Giám đốc Công ty cổ phần Bidiphar I.
- 03/2014 – 04/2019: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó TGD Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế tỉnh Bình Định.
- 20/04/2019 – 17/04/2021: TGD Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar).
- 17/04/2021 – nay: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar).

Ngoài Bidiphar, bà Hương còn giữ các chức vụ ở các doanh nghiệp khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar.
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Dược liệu hữu cơ

Trước khi làm việc tại Bidiphar, bà Hương từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Y Tế Bình Định từ năm 2001-2007 và Phó Giám đốc Sở Nội Vụ Bình Định từ năm 2007-2009.

Phó Tổng giám đốc - Kinh doanh

**NGUYỄN NGỌC DŨNG**

Dược sĩ Chuyên khoa I  
Ngày sinh: 12/08/1969



Ông Nguyễn Ngọc Dũng là thành viên HĐQT Bidiphar từ ngày 21/04/2023 đến nay. Ông Dũng cũng giữ chức vụ Phó TGD Bidiphar từ tháng 10/2019 đến nay. Ông Dũng đã công tác tại Bidiphar từ tháng 08/1991 và lần lượt giữ các chức vụ như Nhân viên kế hoạch mua hàng, Nhân viên bán hàng, Trưởng hiệu thuốc, Trưởng Chi nhánh, Phó phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Marketing tại Bidiphar.

Ngoài Bidiphar, ông Dũng còn giữ các chức vụ ở các doanh nghiệp khác:

- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar.
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Dược liệu hữu cơ Bidiphar.

Phó Tổng giám đốc - Sản xuất

**BÀNH THỊ  
NGỌC QUỲNH**

Thạc sĩ dược  
Ngày sinh: 16/09/1969



Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh công tác tại Bidiphar từ năm 1992 đến nay. Trong khoảng thời gian này, bà Quỳnh giữ các chức vụ nhân viên phòng nghiên cứu-sản xuất thuốc, Phó Giám đốc Công ty Bidiphar I, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và phát triển. Bà giữ chức vụ Phó TGD Công ty từ tháng 12/2021 đến nay.

Ngoài Bidiphar, bà Quỳnh còn là Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Dược liệu hữu cơ Bidiphar.

Kế toán trưởng

**ĐỖ HUY PHƯƠNG**

Cử nhân Tài chính Kế toán  
Ngày sinh: 11/07/1982



Ông Phương giữ chức vụ Kế toán trưởng Bidiphar từ ngày 01/09/2022 đến nay. Ông Phương đã công tác tại Bidiphar từ năm 2006 và lần lượt giữ các chức vụ như Nhân viên kế toán, Tổ trưởng Tổ kiểm soát nội bộ, Kế toán trưởng Công ty Bidiphar I và Phó phòng Kế toán Công ty.

Ngoài Bidiphar, ông Phương còn giữ các chức vụ ở các doanh nghiệp khác:

- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar.
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Dược liệu hữu cơ Bidiphar.

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

## 1980 - 1989 SẴN SÀNG CHO ĐỔI MỚI

**26/09/1980**

Bidiphar ra đời với tên gọi ban đầu là Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình.

**Năm 1992**

Doanh nghiệp Dược Việt Nam đầu tiên sản xuất thành công thuốc kháng sinh tiêm.

**05/05/1995**

Hợp nhất với Công ty Dược Vật Tư Y Tế Bình Định, trở thành Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định với tên viết tắt là Bidiphar.

**Năm 1997**

Doanh nghiệp đầu tiên nghiên cứu, sản xuất thành công Dung dịch tiêm truyền kháng sinh, vitamin và dịch đậm.

**Năm 1998**

Xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP-Asean, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO.

## 1990 - 1999 NHỮNG BƯỚC ĐI TIỀN PHONG

## 2000 - 2009 KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU

**Năm 2003**

Công ty Dược đầu tiên áp dụng công nghệ đông khô vào sản xuất dược phẩm, bước tiến mới của ngành Dược phẩm Việt Nam tại thời điểm đó.

**Năm 2006**

Mở rộng sản xuất vào các mảng kháng sinh, vitamin và dung dịch thẩm phân máu.

**Năm 2009**

Có 11 Dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, hệ thống kho đạt tiêu chuẩn GSP, phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP. Mạng lưới phân phối tại Bình định có 08 Chi nhánh, hơn 200 đại lý. Thành lập 3 chi nhánh tại Hà Nội, TP.HCM và Khánh Hòa.

## 2010 - 2018 VỮNG VÀNG HỘI NHẬP

### Năm 2012

Doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam sản xuất thành công Thuốc điều trị ung thư.

### Năm 2016

Doanh nghiệp có nhà máy sản xuất Thuốc điều trị ung thư đầu tiên tại Việt Nam đạt chuẩn GMP-WHO. Đạt Top 3 Doanh nghiệp Dược uy tín Việt Nam.

### Năm 2017

Hợp tác với Tập đoàn Kyorin (Nhật Bản) và được chuyển giao kỹ thuật nghiên cứu in-vitro (Phương pháp nghiên cứu vi sinh vật, tế bào và các phân tử sinh học ở điều kiện phòng thí nghiệm).

### 15/06/2018

Chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE, mã chứng khoán là DBD.

### Năm 2021

Nghiên cứu thành công quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên điều trị ung thư.

### Năm 2022

Hợp tác triển khai Nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP-EU. Đạt Top 5 Doanh nghiệp Dược uy tín Việt Nam.

## 2019 - 2025 CHUYỂN MÌNH CHO TƯƠNG LAI

### Năm 2023

Khánh thành Nhà máy sản xuất Thuốc điều trị ung thư theo tiêu chuẩn GMP-EU. Khởi công xây dựng Nhà máy sản xuất Thuốc vô trùng thể tích nhỏ theo tiêu chuẩn GMP-EU.

### Năm 2024, 2025

Top 4 Doanh nghiệp Dược uy tín Việt Nam.

Top 50 doanh nghiệp niêm yết năm 2025 theo Forbes Việt Nam.

# GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU 2025

**TOP 4**

Công ty sản xuất  
được phẩm uy tín  
năm 2025

**TOP 10**

Doanh nghiệp đổi  
mới sáng tạo và  
kinh doanh hiệu  
quả 2025

**TOP 50**

Doanh nghiệp  
niêm yết tốt nhất  
trên sàn chứng  
khoán

**TOP 50**

Công ty kinh doanh hiệu  
quả nhất việt nam

**TOP 10**

ESG 2025 ngành dược –  
thiết bị y tế

**TẬP THỂ**

có nhiều thành tích xuất  
sắc trong sự nghiệp xây  
dựng và phát triển ngành  
khoa học và công nghệ

**3 HUY CHƯƠNG  
VÀNG**

Vì sức khỏe cộng đồng

**BÔNG HỒNG VÀNG  
VIỆT NAM**

Năm 2025

**DOANH NGHIỆP**

đạt chuẩn công bố thông  
tin (IR Award 2025)

## THÔNG TIN VỀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, SẢN XUẤT VÀ THỊ TRƯỜNG

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH: SẢN XUẤT THUỐC, HÓA DƯỢC VÀ DƯỢC LIỆU

#### THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ

Năm 2012, Bidiphar đã đánh dấu sự thành công với việc được Bộ Y tế cấp phép lưu hành cho sản phẩm thuốc điều trị ung thư đầu tiên. “Quả ngọt” này đã trở thành tiền đề để Bidiphar hiện thực hóa giấc mơ sản xuất thuốc điều trị ung thư cho người Việt, đưa Bidiphar trở thành doanh nghiệp Dược hàng đầu tại Việt Nam sản xuất thành công loại dược phẩm đặc biệt này. Đến năm 2016, Bidiphar là doanh nghiệp có

nhà máy sản xuất Thuốc điều trị ung thư đầu tiên tại Việt Nam đạt chuẩn GMP-WHO.

Đến nay, danh mục thuốc điều trị ung thư của Bidiphar có hơn 40 sản phẩm dùng để điều trị cho nhiều loại bệnh ung thư khác nhau. Dòng sản phẩm này đã được tin tưởng và sử dụng tại hầu hết các bệnh viện chuyên khoa và có khoa ung bướu, như Bệnh viện K, Bệnh viện Ung Bướu TP.HCM, Bệnh viện Chợ Rẫy, Bệnh viện Bạch Mai.



#### DUNG DỊCH THẨM PHÂN

Năm 2011, Bidiphar là một trong những doanh nghiệp đầu tiên sản xuất dòng sản phẩm dung dịch thẩm phân trên thị trường. Đến nay, dòng sản phẩm này đạt được niềm tin cao từ các bệnh viện, bác sĩ, bệnh nhân và đứng Top 2 thị phần Việt Nam. Bidiphar không ngừng đầu tư công nghệ phát triển các dòng sản phẩm mới, cải tiến công

thức nhằm đem đến chất lượng cuộc sống tốt hơn cho bệnh nhân chạy thận. Dung dịch thẩm phân gồm 02 dạng là Dung dịch thẩm phân máu và Dung dịch thẩm phân phúc mạc.

Bidiphar vừa ký kết biên bản ghi nhớ (MOU) với Crearene AG, công ty có trụ sở tại Frauenfeld, Thụy Sĩ, để phát triển các giải pháp điều trị bằng CREATINE cho bệnh nhân chạy thận. Đây là bước đệm quan trọng trong việc tiến tới ký hợp đồng chuyển giao bản quyền, mang lại những bước tiến mới trong việc phát triển dòng sản phẩm này của Việt Nam.



## KHÁNG SINH

Bidiphar cung cấp đa dạng các sản phẩm thực phẩm chức năng và dược liệu, được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chất lượng cao. Năm 1992, Bidiphar đã nghiên cứu và sản xuất thành công dòng sản phẩm kháng sinh tiêm. Sự thành công này không chỉ riêng Bidiphar mà còn của ngành Dược Việt Nam khi lần đầu tiên một công ty Dược trong nước có thể sản xuất được dạng sản phẩm đặc biệt này.

Năm 1997, sản xuất thành công dạng dược phẩm Dung dịch tiêm truyền kháng sinh, Vitamin và Acid amin. Bước đột phá này đã phá vỡ sự độc quyền của các tập đoàn Dược phẩm nước ngoài, góp phần ổn định giá trên thị trường,

giúp Bidiphar vươn lên trở thành doanh nghiệp sản xuất Dược hàng đầu Việt Nam với dòng sản phẩm đặc trị thiết yếu sử dụng tại các cơ sở điều trị.

Năm 2003, Bidiphar tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong ứng dụng công nghệ bào chế tiên tiến để cho ra đời dòng sản phẩm thuốc tiêm đông khô.

Bidiphar hiện có danh mục sản phẩm kháng sinh đa dạng, bao gồm:

- 37 hoạt chất kháng sinh: Được sử dụng trong việc sản xuất các sản phẩm kháng sinh của công ty.
- 82 sản phẩm kháng sinh: Bao gồm các dạng bào chế như thuốc tiêm, thuốc viên và các dạng khác.



## THỰC PHẨM CHỨC NĂNG - DƯỢC LIỆU

Bidiphar cung cấp đa dạng các sản phẩm thực phẩm chức năng và dược liệu, được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người tiêu dùng, bao gồm các dòng sản phẩm bổ sung vitamin và khoáng chất, hỗ trợ xương khớp, hỗ trợ chức năng gan, hỗ trợ thần kinh, hỗ trợ bệnh nhân đái tháo đường,...

Bidiphar sở hữu vườn dược liệu đạt chuẩn GACP-WHO, trồng 12 loại dược liệu quý như Thìa canh, Cà gai leo, Chè dây, Đương quy, Đảng sâm, Ba kích, Hà thủ ô. Việc sở hữu vùng dược liệu đạt chuẩn giúp Bidiphar đảm bảo nguồn nguyên liệu sạch, chất lượng cao cho sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả và an toàn cho các sản phẩm dược liệu và thực phẩm chức năng.



# THÔNG TIN VỀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, SẢN XUẤT VÀ THỊ TRƯỜNG

## HỆ THỐNG SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI CỦA BIDIPHAR

### SẢN XUẤT

**CÁC PHÂN XƯỞNG SẢN XUẤT TẠI TRỤ SỞ CHÍNH BIDIPHAR**  
Số 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quy Nhơn Nam, Gia Lai

**CÁC NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẠI CHI NHÁNH BIDIPHAR NHƠN HỘI**  
Lô A3.01- A3.02- A3.03 Khu A Khu Kinh tế Nhơn Hội, Phường Quy Nhơn Đông, Gia Lai



## PHÂN PHỐI PHỦ SÓNG TOÀN BỘ 63 TỈNH THÀNH

16 CN TRONG CẢ NƯỚC VÀ 01 CÔNG TY PHÂN PHỐI



### CÁC CHI NHÁNH:

1. CN BIDIPHAR TẠI HÀ NỘI
2. CN BIDIPHAR TẠI PHÚ THỌ
3. CN BIDIPHAR TẠI HẢI PHÒNG
4. CN BIDIPHAR TẠI THANH HÓA
5. CN BIDIPHAR TẠI NGHỆ AN
6. CN BIDIPHAR TẠI QUẢNG TRỊ
7. CN BIDIPHAR TẠI ĐÀ NẴNG
8. CN BIDIPHAR TẠI QUẢNG NGÃI
9. CN BIDIPHAR TẠI TUY PHƯỚC
10. CN BIDIPHAR TẠI ĐAKLAK
11. CN BIDIPHAR TẠI KHÁNH HÒA
12. CN BIDIPHAR TẠI ĐỒNG NAI
13. CN BIDIPHAR TẠI TP HCM
14. CN BIDIPHAR TẠI CẦN THƠ
15. CN BIDIPHAR TẠI TIỀN GIANG
16. CN BIDIPHAR TẠI KIÊN GIANG

### THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU:

1. LAOS
2. YEMEN
3. MONGOLIA
4. CAMBODIA
5. MYANMAR

KÊNH ETC CUNG ỨNG CHO  
HƠN **2.000** CƠ SỞ Y TẾ

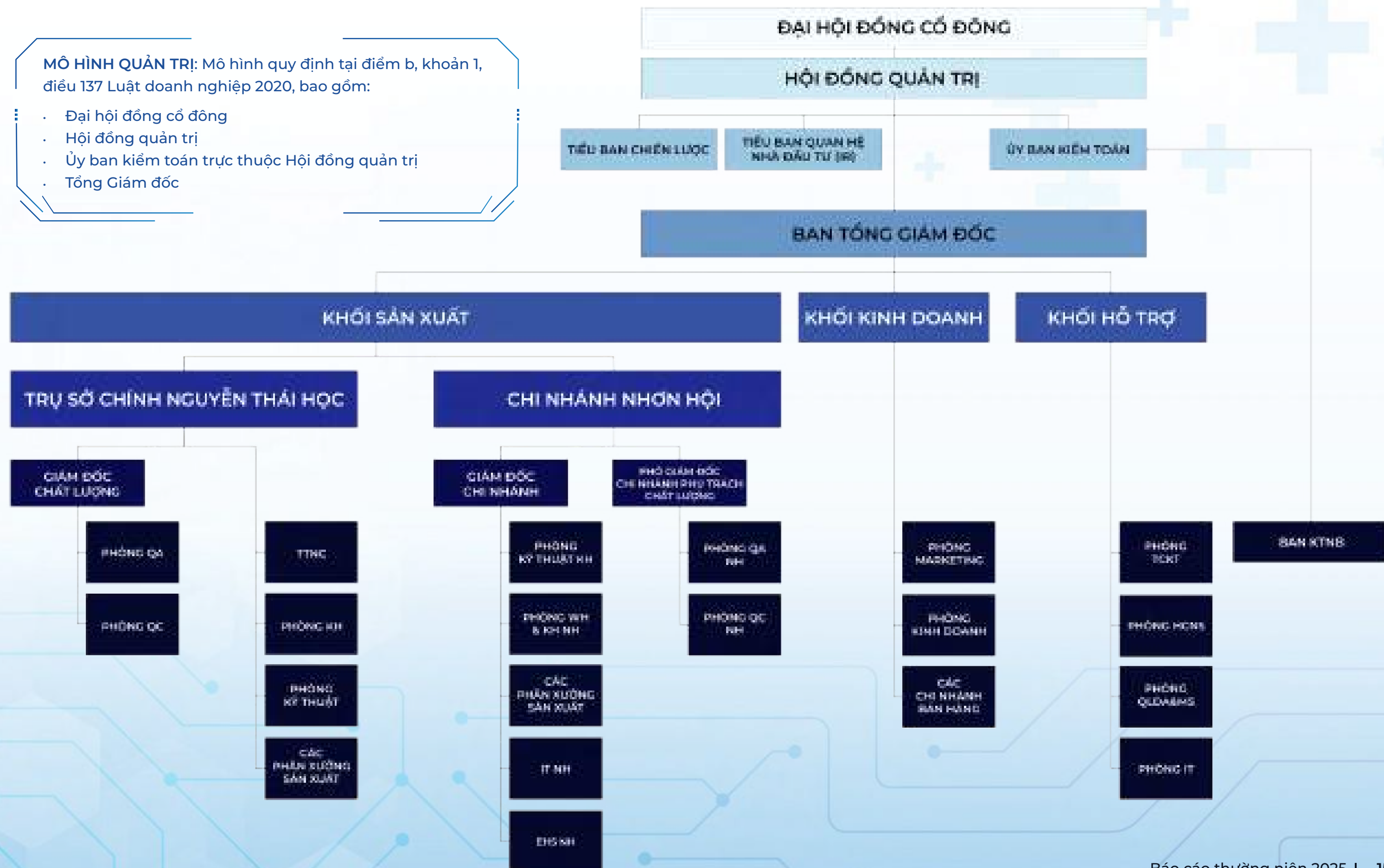
KÊNH OTC CUNG ỨNG CHO  
GẦN **16.000** NHÀ THUỐC,  
QUẦY THUỐC TRÊN TOÀN QUỐC.

**CÔNG TY PHÂN PHỐI:** CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI BIDIPHAR

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

**MÔ HÌNH QUẢN TRỊ:** Mô hình quy định tại điểm b, khoản 1, điều 137 Luật doanh nghiệp 2020, bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị
- Tổng Giám đốc



# CÁC RỦI RO

## CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU TRONG NĂM 2025

CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU ĐƯỢC BIDIPHAR ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYỀN MỘT CÁCH HỆ THỐNG, ĐẢM BẢO TẤT CẢ CÁC RỦI RO ĐƯỢC KIỂM SOÁT KỊP THỜI, HIỆU QUẢ

|                       | NHẬN DIỆN RỦI RO                                                                                                                                                                                                                                                                  | GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| RỦI RO NGOẠI CẢNH     | Các yếu tố bên ngoài có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Bidiphar bao gồm các yếu tố như kinh tế, chính trị, quy định, chính sách, cạnh tranh, biến động của thị trường, môi trường, xã hội, hành vi tiêu dùng của khách hàng và tác động của thiên tai hoặc dịch bệnh. | <p>Thiết lập một hệ thống toàn Công ty để theo dõi liên tục các yếu tố bên ngoài, xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro để nắm bắt sự thay đổi của các yếu tố ngoại cảnh có thể ảnh hưởng đến Bidiphar.</p> <p>Ngoài ra, việc phát triển thương xuyên kế hoạch kinh doanh và đa dạng hóa hoạt động kinh doanh có thể giúp giảm thiểu tác động tiêu cực từ những biến động ngoại cảnh; đảm bảo tối ưu hóa chi phí trong quá trình vận hành, đảm bảo lợi nhuận trong kinh doanh.</p> |
| RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC | Công ty có thể gặp phải các vấn đề về quản lý và sử dụng lao động, thiếu hụt nhân sự kỹ năng cao, giữ chân nhân tài và sự gia tăng đột biến về nhu cầu nhân sự.                                                                                                                   | Xây dựng chính sách nhân sự rõ ràng, chú trọng vào việc đào tạo và phát triển kỹ năng cho nhân viên, đồng thời tạo dựng môi trường làm việc an toàn và tích cực để thu hút và giữ chân nhân tài.                                                                                                                                                                                                                                                                               |

|                            | NHẬN DIỆN RỦI RO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| RỦI RO CÔNG NGHỆ THÔNG TIN | <p>Với sự phát triển nhanh của công nghệ thông tin, Bidiphar có thể gặp phải thách thức về chi phí đầu tư hợp lý cho công nghệ và nguồn nhân lực, khả năng liên kết đồng bộ các phần mềm/hệ thống; tối ưu hóa dữ liệu/quy trình phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.</p> <p>Ngoài ra, Công ty có thể gặp phải các rủi ro về an ninh mạng và bảo mật dẫn đến việc có thể rò rỉ thông tin do tấn công mạng hoặc lỗi bảo mật.</p> | <p>Xây dựng chiến lược Công nghệ thông tin cho từng giai đoạn, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>Xác định các công nghệ mang lại giá trị tối ưu nhất để đầu tư, đảm bảo mọi khoản đầu tư đều hợp lý và phục vụ trực tiếp cho mục tiêu sản xuất kinh doanh.</li><li>Xác định lộ trình thực hiện đầu tư các công nghệ để đảm bảo phù hợp với mục tiêu và nguồn lực từng thời kỳ.</li></ul> <p>Xây dựng hệ thống bảo mật để bảo vệ thông tin khách hàng và dữ liệu Công ty khỏi các cuộc tấn công mạng.</p> <p>Đánh giá định kỳ hệ thống IT, phát triển và thực hiện các chính sách bảo mật thông tin chặt chẽ.</p> <p>Áp dụng các biện pháp như mã hóa dữ liệu, quản lý truy cập, và phân quyền sử dụng hợp lý.</p> <p>Liên tục đào tạo nhân viên về an ninh mạng và nâng cao nhận thức về rủi ro công nghệ là yếu tố quan trọng để giảm thiểu rủi ro từ nguồn nhân lực.</p> |
| RỦI RO DANH TIẾNG          | <p>Các vấn đề liên quan đến chất lượng sản phẩm, hành vi của nhân viên hoặc lãnh đạo, các vụ việc pháp lý và sự tiếp xúc tiêu cực trên truyền thông xã hội.</p> <p>Vấn đề về bảo vệ thương hiệu cũng được Công ty quan tâm khi Công ty đã ghi nhận các trường hợp giả mạo thương hiệu Bidiphar.</p>                                                                                                                                   | <p>Thực hiện giám sát phản hồi của khách hàng, truyền thông để đánh giá và phản hồi kịp thời đối với các sự cố/thông tin tiêu cực.</p> <p>Phối hợp với các cơ quan chức năng để đối phó với hành vi giả mạo thương hiệu Bidiphar.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| RỦI RO HOẠT ĐỘNG           | Hoạt động sản xuất và kinh doanh hàng hóa là dược phẩm, liên quan trực tiếp đến sức khỏe con người luôn có rủi ro về chất lượng trong quá trình vận hành.                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO, GMP, GLP, GSP, GDP trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| RỦI RO MÔI TRƯỜNG          | Việc sản xuất dược phẩm dẫn đến việc tạo ra nhiều chất thải, bao gồm cả chất thải nguy hại như hóa chất, phụ phẩm thuốc độc tế bào.                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Áp dụng các phương pháp xử lý chất thải theo tiêu chuẩn GMP và các quy định pháp luật liên quan để giảm thiểu tác động đến môi trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC  
PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG  
NGÀNH DƯỢC PHẨM TRONG NĂM 2025

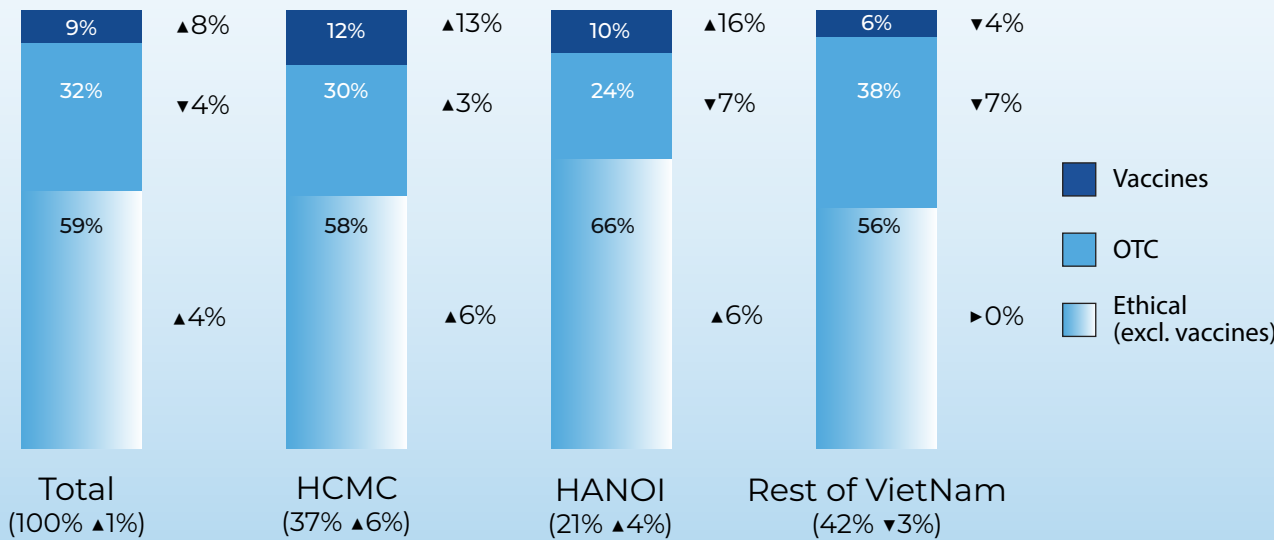
TỔNG QUAN  
THỊ TRƯỜNG DƯỢC THEO IQVIA-2025

|                                      | DOANH THU 2024 (TỶ VND) | TĂNG TRƯỞNG 2024/2023 | DOANH THU 2025 (TỶ VND) | TĂNG TRƯỞNG 2025/2024 | TỈ TRỌNG | GHI CHÚ                                                      |
|--------------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|----------|--------------------------------------------------------------|
| TỔNG THỊ TRƯỜNG                      | 223.050                 | 11%                   | 234.794                 | 5%                    | 100%     |                                                              |
| NHẬP KHẨU                            | 128.560                 | 12%                   | 139.630                 | 9%                    | 59%      | Tỉ trọng hàng ngoại nhập/sản xuất trong nước                 |
| SẢN XUẤT TRONG NƯỚC                  | 94.490                  | 8%                    | 95.164                  | 1%                    | 41%      |                                                              |
| SẢN XUẤT TRONG NƯỚC – KÊNH BỆNH VIỆN | 31.284                  | 9%                    | 31.282                  | 0%                    | 33%      | Tỉ trọng kênh bệnh viện/kênh bán lẻ hàng sản xuất trong nước |
| SẢN XUẤT TRONG NƯỚC – BÁN LẺ         | 63.206                  | 12%                   | 63.882                  | 5%                    | 67%      |                                                              |

Bảng số liệu cho thấy quy mô thị trường dược năm 2025 đạt 234.794 tỷ VND, tăng 5% so với năm 2024, tuy vẫn duy trì tăng trưởng nhưng đã chậm lại so với mức 11% của năm trước. Thuốc nhập khẩu tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 59% thị trường và tăng trưởng 9%, cho thấy nhu cầu đối với sản phẩm ngoại vẫn ở mức cao. Trong khi đó, thuốc sản xuất trong nước chỉ tăng nhẹ 1%, đạt 95.164 tỷ VND, phản ánh áp lực cạnh tranh lớn từ hàng nhập khẩu.

Xét trong cơ cấu thuốc sản xuất trong nước, kênh bán lẻ chiếm tỷ trọng chủ đạo với 67% và tăng trưởng 5%, cho thấy đây vẫn là động lực chính của thị trường nội địa. Ngược lại, kênh bệnh viện gần như không tăng trưởng (0%), với doanh thu duy trì quanh mức 31.282 tỷ VND. Điều này cho thấy dư địa mở rộng của thuốc sản xuất trong nước tại kênh bệnh viện còn hạn chế và cần các giải pháp để cải thiện khả năng cạnh tranh.

TĂNG TRƯỞNG VÀ TỈ TRỌNG  
THEO NHÓM THUỐC VÀ THEO KHU VỰC

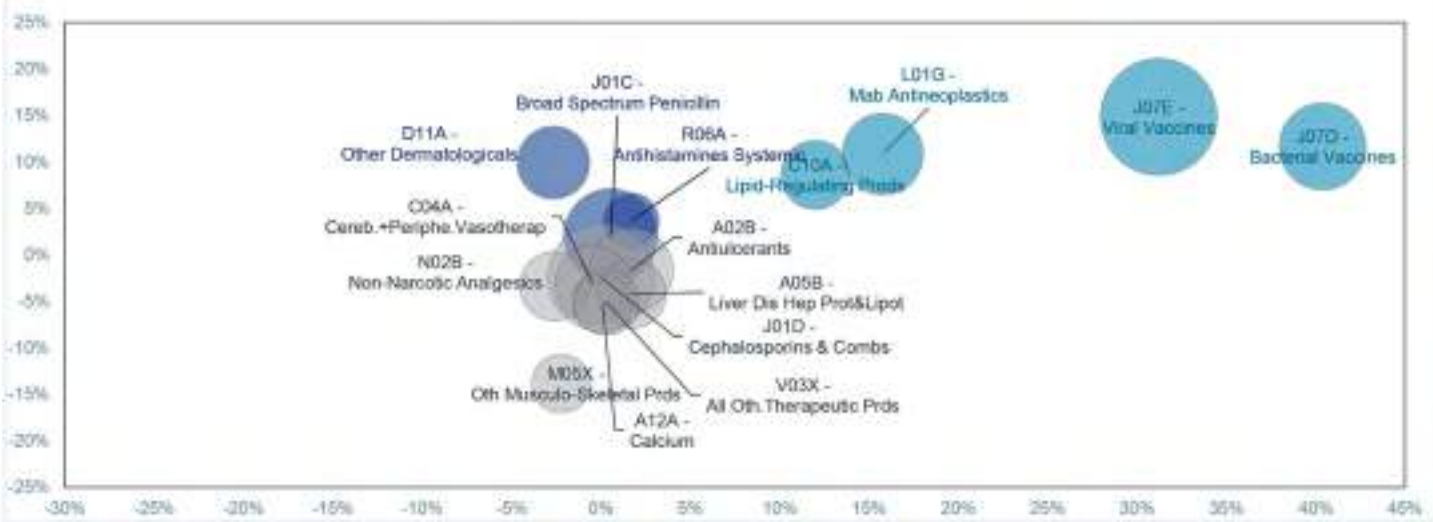


Nhóm thuốc kê đơn (Ethical, không bao gồm vaccine) vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu thị trường ở tất cả các khu vực, dao động từ 56–66%. Trong khi đó, nhóm OTC chiếm tỷ trọng đáng kể, đặc biệt tại khu vực ngoài Hà Nội và TP.HCM (38%), phản ánh vai trò mạnh của kênh bán lẻ tại các tỉnh.

Về tăng trưởng, nhóm Rx ghi nhận mức tăng tại cả TP.HCM (+6%) và Hà Nội (+6%), góp phần duy trì tăng trưởng chung của thị trường. Ngược lại, nhóm OTC chỉ tăng tại TP.HCM (+3%) nhưng giảm tại Hà Nội (-7%) và khu vực còn lại (-7%). Nhóm vaccine có mức tăng trưởng khá tích cực tại các đô thị lớn, đặc biệt tại Hà Nội (+16%) và TP.HCM (+13%). Nhìn chung, tăng trưởng thị trường có sự khác biệt giữa các khu vực và nhóm sản phẩm, với động lực chính đến từ nhóm thuốc kê đơn tại các thành phố lớn.

TĂNG TRƯỞNG  
THEO NHÓM DƯỢC LÝ

Total Vietnam market -Top 15 leading ATC3 (Sales by value, Mn USD; FY 2025 growth, %)



Biểu đồ cho thấy sự phân hóa rõ rệt về tăng trưởng giữa các nhóm thuốc ATC3 tại thị trường Việt Nam năm 2025. Nhóm vaccine virus (J07E) ghi nhận mức tăng trưởng khoảng +15%, trong khi vaccine vi khuẩn (J07D) tăng khoảng +10%, đồng thời cũng là hai nhóm có quy mô thị trường lớn. Nhóm kháng thể đơn dòng điều trị ung thư (L01G – Mab antineoplastics) đạt mức tăng trưởng khoảng +15%, và thuốc điều chỉnh lipid (C10A) tăng khoảng +8%, phản ánh nhu cầu ngày càng tăng đối với thuốc điều trị ung thư và các bệnh tim mạch – chuyển hóa.

Ngược lại, một số nhóm thuốc phổ biến có xu hướng tăng trưởng thấp hoặc suy giảm. Chẳng hạn, thuốc giảm đau không gây nghiện (N02B) và các sản phẩm cơ xương khớp khác (M05X) ghi nhận mức tăng trưởng âm, khoảng -3% đến -10%. Nhìn chung, thị trường đang dịch chuyển theo hướng ưu tiên các nhóm thuốc chuyên khoa và có giá trị cao, trong khi các nhóm thuốc điều trị thông thường chịu áp lực cạnh tranh lớn và tăng trưởng chậm hơn.

# CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC



## CƠ HỘI

### Tác động bên ngoài

- Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng tăng lên.
- Hoạt động chăm sóc sức khỏe toàn dân được nhà nước quan tâm hơn.
- Nhiều văn bản pháp luật được ban hành, hỗ trợ ngành dược trong nước phát triển.

### Nội tại Bidiphar

- Thương hiệu công ty ngày càng tăng - Top 4 Doanh nghiệp dược uy tín và đạt nhiều giải thưởng mới.
- Danh mục sản phẩm đa dạng, các dòng SP TUT, DD thận, KS tiêm đã tạo được niềm tin tại các bệnh viện.
- Hệ thống phân phối rộng khắp toàn quốc, được quản trị tốt hơn với các công cụ hỗ trợ (SAP, DMS, Power BI...).
- Hệ thống chất lượng ngày càng chặt chẽ hơn, tuân thủ các quy định.
- Nhà xưởng, trang thiết bị thường xuyên được bổ sung, nâng cấp.
- Nhân sự tâm huyết, gắn bó lâu dài với công ty.



## THÁCH THỨC

- Diễn biến thời tiết phức tạp, thiên tai kéo dài tại nhiều địa phương gây thiệt hại lớn về cơ sở vật chất, hàng hóa cũng như ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Các chính sách về thuế/hóa đơn/kiểm soát thuốc kê đơn, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động bán hàng kênh Nhà thuốc.
- Việc sắp xếp lại đơn vị hành chính sau ngày 01/07/2025 làm thay đổi địa bàn quản lý, xáo trộn một số hoạt động kinh doanh, nhất là kênh Bệnh viện.
- Việc thanh kiểm tra của các cơ quan quản lý gia tăng trong khi nhiều thủ tục vẫn phải xin phép và thời gian được cấp phép rất lâu.
- Công ty hiện đang triển khai nhiều dự án (dự án đầu tư và dự án quản trị, chuyển đổi số) nên quá tải nguồn lực; kinh nghiệm của đội ngũ liên quan đến các dự án mới còn hạn chế.
- Cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, nhiều số đăng ký mới của đối thủ ra đời.
- Công ty chưa có dây chuyền đạt chứng nhận GMP-EU.

# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA CÔNG TY

ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Đạt  
**TOP 3**

Doanh nghiệp sản xuất  
Dược phẩm uy tín Việt Nam

Đạt tiêu chuẩn  
**GMP-EU**

Cho 3 dây chuyền

- Thuốc Ung thư
- Thuốc Tiêm vô trùng thể tích nhỏ
- Thuốc viên Non-Betalactam

Đạt doanh thu hàng  
sản xuất trên

**3500 TỶ**

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI

Để đạt được các mục tiêu đề ra, Công ty đã xác định các mục tiêu trọng tâm và tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện. Cụ thể:

1

### Triển khai đầu tư

nâng cao năng lực sản xuất và tiêu chuẩn chất lượng

Công ty đã và đang tiếp tục đầu tư và hoàn thiện các điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng tiêu chuẩn GMP-EU cho Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư và Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ, qua đó từng bước nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường.

2

### Triển khai đa dạng hóa

và tối ưu hóa danh mục sản phẩm

Công ty luôn chú trọng đầu tư và dành tối đa nguồn lực cho công tác R&D để không ngừng nghiên cứu các sản phẩm mới và cải tiến chất lượng các sản phẩm hiện hành nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm phân phối theo định hướng ưu tiên các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh, phù hợp với chiến lược phát triển trong từng giai đoạn.

3

### Triển khai phát triển

và mở rộng hệ thống kênh phân phối

Công ty luôn dành nhiều nguồn lực để xây dựng và hoàn thiện hệ thống phân phối theo hướng tập trung tối đa vào hiệu quả. Trong hiện tại và tương lai, Công ty tiếp tục đa dạng hóa và phát triển các kênh phân phối, mở rộng độ bao phủ thị trường, nâng cao hiệu quả phân phối, đồng thời giảm thiểu rủi ro từ việc phụ thuộc vào một kênh phân phối nhất định.

# KẾ HOẠCH NĂM 2026

Đạt Doanh thu  
**> 2.100 TỶ**

Lợi nhuận trước thuế  
**375 TỶ**

*ESG:*  
Tiếp tục phát triển vùng trồng Dược liệu, sử dụng năng lượng mặt trời, bảo vệ môi trường, xử lý rác thải, nước thải...

Nâng cao hiệu quả việc cập nhật tuân thủ các văn bản pháp luật: 100% VBPL liên quan đến hoạt động của Công ty được cập nhật, truyền thông áp dụng & theo dõi kế hoạch hành động.

Trước ngày **31/12/2026** hoàn thành:

- Đánh giá GMP EU cho nhà máy Thuốc ung thư
- Thẩm định toàn bộ hệ thống thiết bị sản xuất và phụ trợ, đánh giá vệ sinh, thử nghiệm nghiệm cứu cho Nhà máy SVI.



*Quản trị nhân sự:*

- Vận hành phần mềm và xây dựng các báo cáo phân tích quản trị, phát hiện vấn đề và đề xuất cải tiến dựa trên dữ liệu phần mềm NSTL.
- Nâng năng suất lao động > 10% dựa trên cải tiến quy trình kết hợp với số hóa.
- Trên 95% công việc hoàn thành đúng deadline.

*Truyền thông, xây dựng thương hiệu:*

- Duy trì **TOP 4** Doanh nghiệp Dược uy tín.
- Đạt chứng nhận thương hiệu quốc gia cho ít nhất 2 dòng sản phẩm.

*Quản trị tài chính:*

Hoàn thiện quy trình và báo cáo quản trị tài chính (tồn kho, dòng tiền, giá thành, chi phí bán hàng, chi phí hoạt động chi nhánh...) đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong tất cả các hoạt động chính của Công ty.

Tiếp tục ưu tiên đầu tư cho hoạt động R&D và phát triển sản phẩm mới.

Tiếp tục đẩy mạnh **CHUYỂN ĐỔI SỐ**: triển khai SAP S4 Hana, xây dựng báo cáo quản trị Power BI, ứng dụng AI, xây dựng ứng dụng Zalo mini app,...

Hoàn thiện quy trình quản trị chuỗi cung ứng, nâng cao hiệu quả dự báo, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực, triển khai sản xuất đáp ứng yêu cầu kinh doanh.

## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tại Bidiphar, mục tiêu và định hướng phát triển bền vững tập trung và xoay quanh ba khía cạnh Môi trường (Environment), Xã hội (Social) và Quản trị Công ty (Governance) - ESG.

### CHÚNG TÔI CAM KẾT HÀNH ĐỘNG CÓ TRÁCH NHIỆM TRÊN CẢ 3 KHÍA CẠNH E, S VÀ G

#### MÔI TRƯỜNG (E)

- Bidiphar cam kết sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách có trách nhiệm.
- Bidiphar sẽ xây dựng lộ trình giảm phát thải khí nhà kính theo lộ trình quốc gia thông qua việc minh bạch theo dõi và rà soát việc phát thải khí nhà kính trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Bidiphar tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý nguồn thải, giảm thiểu lượng chất thải.
- Bidiphar nâng cao việc sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên thông qua việc kiểm soát thường xuyên năng lượng, nguyên vật liệu, cắt bỏ lãng phí đồng thời hướng đến sử dụng năng lượng tái tạo hợp lý.

#### XÃ HỘI (S)

- Bidiphar tạo dựng môi trường đa dạng, công bằng và hòa hợp trong doanh nghiệp bằng việc lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt, phân quyền kèm theo trách nhiệm, khuyến khích tạo cơ hội và ghi nhận xứng đáng.
- Bidiphar quan tâm chăm sóc cho đội ngũ về nhiều khía cạnh như sức khỏe tinh thần, kết nối xã hội, sự bền vững về tài chính... thông qua các chương trình phúc lợi cho nhân viên.
- Bidiphar phát triển nguồn lực con người thông qua các kế hoạch, chính sách nhân sự và các hoạt động khuyến khích sự học tập của nhân viên.
- Bidiphar lan tỏa các giá trị tốt đẹp bằng các hoạt động thực thi trách nhiệm xã hội (CSR).

#### QUẢN TRỊ (G)

- Bidiphar tăng cường hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị thông qua mô hình quản trị phù hợp và tương tác hiệu quả với các bên liên quan.
- Bidiphar thúc đẩy cân bằng lợi ích của Công ty, cổ đông với lợi ích của các bên liên quan.
- Bidiphar cam kết thực hành các thông lệ tốt về kế toán thông qua việc áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế và hệ thống báo cáo tài chính, kế toán minh bạch và công khai theo yêu cầu và khuyến nghị của các cơ quan quản lý nhà nước.
- Bidiphar cam kết minh bạch thông tin doanh nghiệp và tuân thủ pháp luật bằng việc trình bày và công khai đầy đủ, kịp thời các thông tin doanh nghiệp và tuân thủ tất cả các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh.

# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## MÔI TRƯỜNG

### KHÍ NHÀ KÍNH

#### KHÍ NHÀ KÍNH LÀ LOẠI KHÍ TRONG KHÍ QUYỂN GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH

Bidiphar không nằm trong danh mục các Cơ sở phát thải Khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành công thương theo Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/08/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Tuy nhiên, nhận thức được tác động đến môi trường của việc phát thải khí nhà kính, Bidiphar đang trong lộ trình thực hiện hoạt động kiểm kê khí nhà kính kết hợp với xây dựng hệ thống quản lý năng lượng theo chuẩn ISO 50001 để tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải.

### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

#### SỬ DỤNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ NGUYÊN VẬT LIỆU

Tối ưu hóa sản xuất nhằm tiết kiệm nguyên vật liệu là một trong những mục tiêu quan trọng của Bidiphar nhằm đạt được các mục tiêu về kinh doanh của Công ty. Bidiphar đã xây dựng và đang thực hiện theo các quy trình về kiểm soát nguyên vật liệu sử dụng và giảm hao hụt trong quá trình sản xuất theo các tiêu chuẩn ISO và GMP liên quan.



### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

**NĂNG LƯỢNG LÀ YẾU TỐ CHỦ CHỐT TRONG SẢN XUẤT. VIỆC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ KHÔNG CHỈ GIÚP GIẢM CHI PHÍ SẢN XUẤT MÀ CÒN GIẢM LƯỢNG KHÍ PHÁT THẢI GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG.**

Các loại năng lượng được sử dụng ở Bidiphar:

**Điện:** Dùng trong sản xuất như vận hành hệ thống máy sản xuất, điện chiếu sáng và hệ thống máy lạnh.

**Gas:** Dùng trong một số công đoạn sản xuất.

**Xăng/Dầu:** Dùng trong các phương tiện di chuyển, vận hành lò hơi và vận hành máy phát điện.

| NĂM THỐNG KÊ | 2022       | 2023       | 2024      | 2025      |
|--------------|------------|------------|-----------|-----------|
| Điện (kWh)   | 11.576.746 | 12.143.962 | 9.488.393 | 9.695.763 |
| Dầu DO (lít) | 142.748    | 153.700    | 164.100   | 179.800   |

#### KIỂM SOÁT NĂNG LƯỢNG

Tiết kiệm và giảm mức tiêu thụ năng lượng được Bidiphar thực hiện trong nhiều năm qua thông qua việc khuyến khích người lao động đăng ký và thực hiện các sáng kiến, giải pháp tiết kiệm năng lượng hằng năm.

#### TỐI ƯU THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Bidiphar xây dựng quy trình quản lý sản xuất để liên tục điều phối hoạt động sản xuất định kỳ nhằm tối ưu hóa thời gian sản xuất và tiết kiệm năng lượng.



## NƯỚC

### NƯỚC ĐÓNG VAI TRÒ QUAN TRỌNG TRONG MỌI LĨNH VỰC SẢN XUẤT Ở BIDIPHAR

Nhận thức được vai trò quan trọng của tài nguyên này, Bidiphar đã và đang thực hiện nhiều biện pháp để tối ưu hóa và sử dụng nước một cách hiệu quả phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

| NĂM THỐNG KÊ           | 2022    | 2023    | 2024    | 2025    |
|------------------------|---------|---------|---------|---------|
| Nước (m <sup>3</sup> ) | 142.036 | 183.747 | 207.713 | 281.188 |

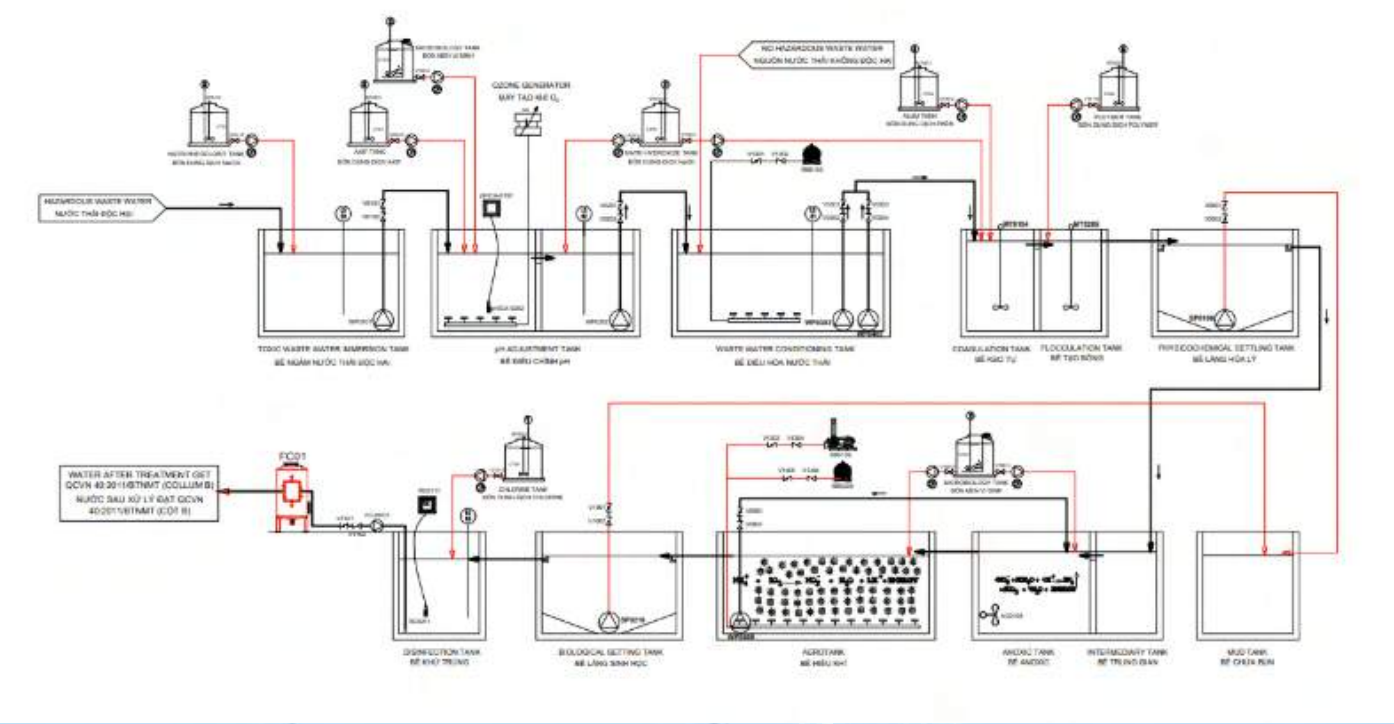
## NƯỚC THẢI & CHẤT THẢI

Bidiphar chú trọng đầu tư hệ thống thu gom xử lý nước thải tuân thủ các tiêu chuẩn liên quan tại Trụ sở chính và tại Chi nhánh Nhơn Hội (02 cơ sở thực hiện hoạt động sản xuất). Hoạt động quản lý nước thải & chất thải của Công ty tuân thủ theo 02 Quy trình (i) quản lý chất thải thông thường và (ii) quản lý chất thải nguy hại.

## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2025, Bidiphar không bị xử phạt vi phạm về hành do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Công ty hài hòa giữa mục tiêu sản xuất kinh doanh với các mục tiêu bảo vệ môi trường bằng cách từng bước sử dụng công nghệ mới an toàn sức khỏe cho người lao động và góp phần bảo vệ môi trường.

### HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI CHI NHÁNH NHƠN HỘI (Công suất: 40m<sup>3</sup>/Ngày đêm)



# |CƠ CẤU NHÂN SỰ

|                                                                 |                                   | 2024          | 2025            |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------|-----------------|
| Tổng số nhân sự (bao gồm BTC)                                   |                                   | 1380          | 1393            |
|                                                                 | Ban điều hành                     | 05            | 04              |
|                                                                 | Quản lý cấp trung                 | 60            | 60              |
|                                                                 | Nhân viên                         | 1315          | 1329            |
| Cơ cấu nhân sự (trừ BTGD, KTNB)                                 |                                   | 1372          | 1387            |
|                                                                 | Trực tiếp sản xuất                | 344           | 347 (25,0%)     |
|                                                                 | Trực tiếp bán hàng                | 327           | 303 (21,8%)     |
|                                                                 | Hỗ trợ sản xuất (gồm Dự án mới)   | 347           | 378 (27,3%)     |
|                                                                 | Hỗ trợ kinh doanh (gồm chi nhánh) | 288           | 291 (21,0%)     |
|                                                                 | Hỗ trợ chung (TCHC, IT, KT,..)    | 66            | 68 (4,9%)       |
| Tuyển mới (bao gồm nhân sự tuyển năm 2024, nhận việc từ 1/2025) |                                   | 175           | 137             |
| Nghỉ việc                                                       |                                   | 99            | 124             |
| Mức lương bình quân/người/tháng                                 |                                   | 10 triệu đồng | 10,5 triệu đồng |



# CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao.
2. Chú trọng đào tạo và phát triển năng lực đội ngũ.
3. Đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động và tuân thủ đầy đủ các quy định về phúc lợi cho người lao động.
4. Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, công bằng, tôn trọng sự khác biệt.
5. Tuân thủ các quy định pháp luật, tiêu chuẩn chuyên ngành về an toàn lao động.
6. Tuân thủ các quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy (PCCC).



## |HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Tại Bidiphar, việc tạo ra lợi thế từ nguồn nhân lực luôn được chú trọng và đầu tư. Trong đó, hoạt động đào tạo được đặc biệt quan tâm và làm gương từ các cấp lãnh đạo. Cơ hội học tập được tạo ra như nhau cho tất cả các vị trí với chính sách, quy trình đào tạo minh bạch, rõ ràng về quyền lợi và trách nhiệm giữa người học, quản lý trực tiếp, giảng viên, giúp nhân viên đủ năng lực làm việc cho vị trí đang đảm nhiệm và sẵn sàng phát triển lên vị trí cao hơn cho những cá nhân tiềm năng.



# MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NỔI BẬT 2025



AI và các ứng dụng trong doanh nghiệp



An toàn lao động và sơ cấp cứu



Kỹ năng bán hàng Kênh Nhà Thuốc



Đào tạo sinh viên Đại học Y dược thực tế hè

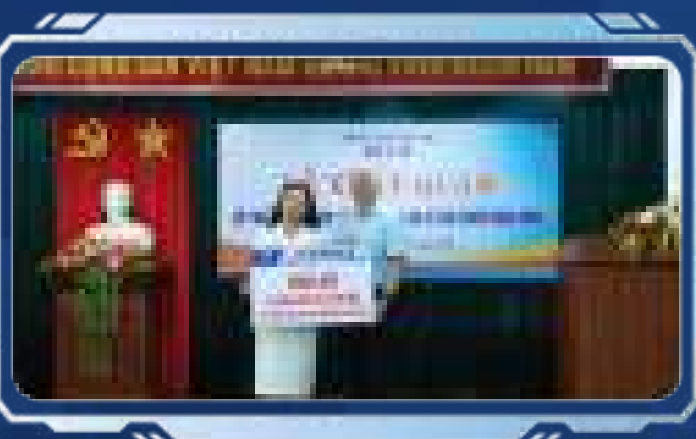


Kỹ năng lãnh đạo

# TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

## Tôn vinh giá trị đẹp - Góp phần xây dựng An sinh xã hội

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, hằng năm Bidiphar bố trí ngân sách từ 2-4 tỷ đồng cho các hoạt động trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR), qua đó khẳng định cam kết đồng hành cùng cộng đồng và đóng góp tích cực cho công tác an sinh xã hội. Một số chương trình tiêu biểu Bidiphar đã và đang triển khai gồm:



Hỗ trợ y tế 4000 cơ sở thuốc cho đồng bào miền Bắc sau bão số 11.



Bidiphar đồng hành cùng Chủ tịch tỉnh Phạm Anh Tuấn thăm và tặng quà Tết tại trại giam Kiên Sơn nhân dịp Tết Ất Tỵ 2004.



Bidiphar đồng hành cùng Bộ trưởng Bộ Y tế Hồ Quốc Dũng thăm và tặng quà Tết cho đồng bào và An Dương nhân dịp Tết Ất Tỵ 2005.



Bidiphar đồng hành cùng Chủ tịch Tỉnh Phạm Anh Tuấn thăm và tặng quà Tết cho người dân xã Diêm Điền nhân dịp Tết Ất Tỵ 2005.



Chuyến dịch 20 năm đồng hành cùng bệnh nhân thân Việt Nam, thăm và tặng quà cho 500 bệnh nhân thân nhân sinh đang điều trị tại 17 cơ sở y tế trên toàn quốc.



Hỗ trợ y tế 3000 cơ sở thuốc cho đồng bào miền Trung.



Hỗ trợ y tế 1000 cơ sở thuốc cho địa phương dân Gia Lai.



Hỗ trợ y tế 2000 cơ sở thuốc cho đồng bào miền Trung lũ lụt.



Ứng hỗ 1 ngày lương dân Mặt trận tổ quốc phường Quý Nhơn Nam nhằm ứng hỗ đồng bào trên phục hồi.



Ứng hỗ 500 triệu dân Mặt trận tổ quốc tỉnh Gia Lai.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ  
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ  
VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

THÔNG TIN CỔ PHIẾU, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG,  
THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| STT | CHỈ TIÊU                                | ĐVT     | 2021    | 2022    | 2023    | 2024    | 2025    | % TĂNG/ GIẢM (2025/2024) |
|-----|-----------------------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|--------------------------|
| 1   | Doanh thu thuần                         | Tỷ đồng | 1.558,5 | 1.554,8 | 1.651,8 | 1.727,5 | 1.865,4 | 8%                       |
| 2   | Giá vốn hàng bán                        | Tỷ đồng | 935,9   | 787,2   | 853,3   | 895,0   | 981,0   | 10%                      |
| 3   | Lợi nhuận gộp                           | Tỷ đồng | 622,6   | 767,7   | 798,5   | 832,6   | 884,4   | 6%                       |
| 4   | Biên lợi nhuận gộp                      | %       | 40,0    | 49,4    | 48,3    | 48,2    | 47,4    | (2%)                     |
| 5   | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | Tỷ đồng | 230,9   | 298,7   | 322,0   | 329,1   | 349,1   | 6%                       |
| 6   | Lợi nhuận khác                          | Tỷ đồng | 1,6     | -0,1    | -1,9    | -3,95   | -3,05   | 22,8%                    |
| 7   | Lợi nhuận trước thuế                    | Tỷ đồng | 232,4   | 298,6   | 320,1   | 325,1   | 346,1   | 6%                       |
| 8   | Lợi nhuận sau thuế                      | Tỷ đồng | 189,1   | 243,6   | 269,1   | 275,2   | 291,9   | 6%                       |

Giai đoạn 2021–2025, tình hình tài chính của Công ty duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định. Năm 2025, doanh thu thuần đạt 1.865,4 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2024; trong khi giá vốn hàng bán tăng 10%, khiến biên lợi nhuận gộp giảm nhẹ xuống 47,4%. Tuy vậy, hiệu quả hoạt động kinh doanh vẫn được duy trì khi lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 349,1 tỷ đồng, tăng 6% so với năm trước. Bên cạnh đó, khoản lỗ khác đã thu hẹp so với năm 2024. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2025 lần lượt đạt 346,1 tỷ đồng và 291,9 tỷ đồng, tăng 6%, tiếp tục khẳng định sự tăng trưởng ổn định của Công ty.

## CƠ CẤU DOANH THU

| STT | CHỈ TIÊU                                           | 2024 (tỷ đồng) | TỶ TRỌNG (%) | 2025 (tỷ đồng) | TỶ TRỌNG (%) | % TĂNG/GIẢM (2025/2024) |
|-----|----------------------------------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|-------------------------|
| 1   | <b>Tổng doanh thu</b>                              | <b>1.817,3</b> | <b>100</b>   | <b>1.946,6</b> | <b>100</b>   | <b>7%</b>               |
| 1.1 | Doanh thu bán dược phẩm sản xuất                   | 1752,3         | 96,42        | 1.879,2        | 96,54        | 7%                      |
| 1.2 | Doanh thu bán dược phẩm mua ngoài                  | 35,7           | 1,96         | 39,8           | 2,05         | 11%                     |
| 1.3 | Doanh thu bán vật tư y tế                          | 8,4            | 0,46         | 4,8            | 0,69         | (43%)                   |
| 1.4 | Doanh thu bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ | 18,6           | 1,02         | 13,3           | 0,25         | (28%)                   |
| 1.5 | Khác                                               | 2,3            | 0,13         | 9,5            | 0,49         | 413%                    |
| 2   | <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                | <b>89,7</b>    | <b>100</b>   | <b>81,2</b>    | <b>100</b>   | <b>(9%)</b>             |
| 2.1 | Chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán         | 86,1           | 96,00        | 74,7           | 91,99        | (13%)                   |
| 2.2 | Hàng bán trả lại                                   | 3,6            | 4,00         | 6,5            | 8,01         | (19%)                   |
| 3   | <b>Doanh thu thuần</b>                             | <b>1.727,5</b> | <b>-</b>     | <b>1.865,4</b> | <b>-</b>     | <b>8%</b>               |

Năm 2025, tổng doanh thu của Công ty đạt 1.946,6 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2024. Doanh thu tiếp tục tập trung chủ yếu ở nhóm dược phẩm do Công ty sản xuất với tỷ trọng khoảng 96,5% tổng doanh thu và ghi nhận mức tăng trưởng 7%. Doanh thu từ dược phẩm mua ngoài cũng tăng 11%, trong khi doanh thu từ vật tư y tế và nguyên liệu, bao bì có xu hướng giảm so với năm trước. Bên cạnh đó, các khoản giảm trừ doanh thu giảm 9%, góp phần giúp doanh thu thuần năm 2025 đạt 1.865,4 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2024. Cơ cấu doanh thu nhìn chung tiếp tục duy trì ổn định với dược phẩm sản xuất là nguồn đóng góp chủ lực của Công ty.

CÁC CHỈ TIÊU  
TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| KHẢ NĂNG THANH TOÁN                   | ĐVT | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 | % TĂNG/<br>GIẢM |
|---------------------------------------|-----|------|------|------|------|------|-----------------|
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành) | Lần | 3,30 | 3,08 | 3,02 | 3,21 | 2,52 | (21%)           |
| Hệ số thanh toán nhanh                | Lần | 2,42 | 1,97 | 1,85 | 2,11 | 1,90 | (10%)           |

Năm 2025, các chỉ số thanh khoản của Công ty có xu hướng giảm so với năm 2024, với hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh lần lượt đạt 2,52 lần và 1,90 lần, tương ứng giảm 0,69 lần (21%) và 0,21 lần (10%) so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu vốn tăng lên trong bối cảnh Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư trong năm 2025. Tuy vậy, các chỉ số vẫn duy trì ở mức an toàn, cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty vẫn được đảm bảo.

| CƠ CẤU VỐN              | ĐVT | 2021  | 2022  | 2023  | 2024  | 2025  | % TĂNG/<br>GIẢM |
|-------------------------|-----|-------|-------|-------|-------|-------|-----------------|
| Hệ số nợ/Tổng tài sản   | %   | 26,87 | 28,52 | 27,96 | 26,63 | 33,14 | 24%             |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | %   | 36,73 | 39,89 | 38,81 | 36,30 | 49,56 | 37%             |

Năm 2025, các chỉ số đòn bẩy tài chính của Công ty tăng so với năm 2024, với hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 33,14% và 49,56% (so với mức 26,63% và 36,30% của năm 2024). Diễn biến này phản ánh việc Công ty gia tăng sử dụng nguồn vốn vay trong bối cảnh đẩy mạnh hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, các chỉ số vẫn duy trì ở mức hợp lý, cho thấy cơ cấu vốn tiếp tục đảm bảo an toàn tài chính.

| NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG           | ĐVT  | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 | % TĂNG/<br>GIẢM |
|------------------------------|------|------|------|------|------|------|-----------------|
| Vòng quay hàng tồn kho       | Vòng | 3,68 | 2,23 | 1,82 | 1,80 | 2,25 | 5%              |
| Vòng quay tổng tài sản       | Vòng | 1,00 | 0,90 | 0,85 | 0,81 | 0,77 | (5%)            |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Lần  | 0,90 | 0,90 | 0,85 | 0,81 | 0,77 | (5%)            |

Năm 2025, hiệu quả hoạt động của Công ty có sự cải thiện trong quản lý hàng tồn kho khi vòng quay hàng tồn kho đạt 2,25 vòng, tăng 5% so với năm 2024. Ngược lại, vòng quay tổng tài sản và doanh thu thuần trên tổng tài sản giảm nhẹ xuống 0,77 lần, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản chưa theo kịp tốc độ gia tăng quy mô tài sản trong bối cảnh Công ty đẩy mạnh đầu tư. Nhìn chung, hiệu quả hoạt động vẫn được duy trì ổn định.

| KHẢ NĂNG SINH LỜI                                             | ĐVT | 2021  | 2022  | 2023  | 2024  | 2025  | % TĂNG/<br>GIẢM |
|---------------------------------------------------------------|-----|-------|-------|-------|-------|-------|-----------------|
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                      | %   | 12,13 | 15,66 | 16,29 | 15,93 | 15,65 | (2%)            |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)                 | %   | 17,75 | 19,52 | 19,30 | 16,57 | 16,81 | 1%              |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)                   | %   | 12,62 | 14,10 | 13,85 | 12,15 | 11,25 | (7%)            |
| Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (OPM) | %   | 14,81 | 19,21 | 19,50 | 19,05 | 18,72 | (2%)            |

Năm 2025, các chỉ tiêu sinh lời của Công ty nhìn chung duy trì ở mức ổn định so với năm 2024. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần và biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lần lượt đạt 15,65% và 18,72%, giảm nhẹ so với năm trước do chi phí đầu vào và chi phí hoạt động gia tăng. Trong khi đó, ROE đạt 16,81%, tăng nhẹ 1% so với năm 2024, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu vẫn được duy trì. ROA giảm xuống 11,25%, phản ánh quy mô tổng tài sản tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trong bối cảnh Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư.

| CHỈ TIÊU           | ĐVT     | 2021    | 2022    | 2023    | 2024    | 2025    | % TĂNG/<br>GIẢM |
|--------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|-----------------|
| Tổng Tài sản       | Tỷ đồng | 1.559,5 | 1.895,7 | 1.988,9 | 2.264,2 | 2.596,2 | 15%             |
| - Tài sản ngắn hạn | Tỷ đồng | 948,2   | 1.247,8 | 1.260,7 | 1.476,3 | 1.480,0 | 0,25%           |
| - Tài sản dài hạn  | Tỷ đồng | 611,3   | 647,9   | 728,2   | 787,9   | 1.116,2 | 42%             |
| Nợ phải trả        | Tỷ đồng | 419,0   | 540,6   | 556,1   | 603,1   | 860,2   | 43%             |
| - Nợ ngắn hạn      | Tỷ đồng | 287,0   | 405,5   | 418,0   | 460,2   | 587,7   | 28%             |
| - Nợ dài hạn       | Tỷ đồng | 132,0   | 135,1   | 138,1   | 142,9   | 272,6   | 91%             |
| Vốn chủ sở hữu     | Tỷ đồng | 1.140,5 | 1.355,1 | 1.432,8 | 1.661,1 | 1.736,0 | 5%              |

Năm 2025, tổng tài sản của Công ty đạt 2.596,2 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2024. Trong đó, tài sản dài hạn tăng mạnh 42%, phản ánh việc Công ty đẩy mạnh đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, trong khi tài sản ngắn hạn duy trì ổn định. Nợ phải trả tăng 43%, chủ yếu do nợ dài hạn tăng 91% và nợ ngắn hạn tăng 28%, cho thấy Công ty gia tăng sử dụng nguồn vốn vay để tài trợ cho các hoạt động đầu tư. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu vẫn tiếp tục tăng 5%, góp phần duy trì nền tảng tài chính ổn định và đảm bảo cơ cấu nguồn vốn an toàn.

## DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

| STT | Dự án đầu tư                                                                                     | Tình hình thực hiện                                                                                                 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, kinh doanh.                                  | Thực hiện đầu tư, mua sắm theo chủ trương được HĐQT phê duyệt và tình hình hoạt động của Công ty trong năm.         |
| 2   | Sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng sản xuất.                                                           | Thực hiện đầu tư, mua sắm theo chủ trương được HĐQT phê duyệt và tình hình hoạt động của Công ty trong năm.         |
| 3   | Xây dựng Chi nhánh và các Dự án đầu tư xây dựng khác.                                            | Thực hiện đầu tư, mua sắm theo chủ trương được HĐQT phê duyệt và tình hình hoạt động của Công ty trong năm.         |
| 4   | Đầu tư, mua sắm thiết bị cho Dự án Nhà máy sản xuất thuốc ung thư.                               | Thực hiện mua sắm theo chủ trương đã được ĐHĐCĐ thông qua và nội dung chi tiết được HĐQT phê duyệt theo thẩm quyền. |
| 5   | Đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ và mua sắm máy móc, thiết bị. | Thực hiện mua sắm theo chủ trương đã được ĐHĐCĐ thông qua và nội dung chi tiết được HĐQT phê duyệt theo thẩm quyền. |



THÔNG TIN CỔ PHIẾU, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG,  
THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

|                                          |                                     |
|------------------------------------------|-------------------------------------|
| LOẠI CỔ PHẦN:                            | CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG                  |
| MÃ CHỨNG KHOÁN:                          | DBD                                 |
| SÀN CHỨNG KHOÁN:                         | HOSE                                |
| VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY:                     | 945.293.470.000 ĐỒNG                |
| SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH:         | 94.489.262 CỔ PHIẾU                 |
| MỆNH GIÁ:                                | 10.000 ĐỒNG/1 CỔ PHIẾU              |
| SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ:                   | 40.085 CỔ PHIẾU                     |
| SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU TỰ DO CHUYỂN NHƯỢNG:   | 93.587.233 CỔ PHIẾU                 |
| SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG: | 942.114 CỔ PHIẾU                    |
| NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC:                  | NGÀY 31/12/2025                     |
| KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP:                       | CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM |

CƠ CẤU SỞ HỮU  
THEO LOẠI CỔ ĐÔNG

| STT          | ĐỐI TƯỢNG                               | SỐ LƯỢNG<br>CỔ PHIẾU | TỶ LỆ SỞ HỮU<br>(%) | SỐ LƯỢNG<br>CỔ ĐÔNG | CƠ CẤU CỔ ĐÔNG |         |
|--------------|-----------------------------------------|----------------------|---------------------|---------------------|----------------|---------|
|              |                                         |                      |                     |                     | TỔ CHỨC        | CÁ NHÂN |
| 1            | Cổ đông Nhà nước                        | 12.485.606           | 13,21%              | 01                  | 01             | 0       |
| 2            | Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI           | -                    | -                   | -                   | -              | -       |
|              | - Trong nước                            | -                    | -                   | -                   | -              | -       |
|              | - Nước ngoài                            | -                    | -                   | -                   | -              | -       |
| 3            | Cổ đông lớn                             | 10.053.550           | 10,64%              | 01                  | 01             | 0       |
|              | - Trong nước                            | -                    | -                   | -                   | -              | -       |
|              | - Nước ngoài                            | 10.053.550           | 10,64%              | 01                  | 01             | 0       |
| 4            | Công đoàn Công ty                       | 877.087              | 0,93%               | 02                  | 02             | 0       |
|              | - Trong nước                            | 877.087              | 0,93%               | 02                  | 02             | 0       |
|              | - Nước ngoài                            | -                    | -                   | -                   | N/A            | N/A     |
| 5            | Cổ phiếu quỹ                            | 40.085               | 0,04%               | 01                  | 01             | N/A     |
| 6            | Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) | -                    | -                   | -                   | -              | -       |
| 7            | Cổ đông khác                            | 70.073.019           | 75,19%              | 2306                | 36             | 2270    |
|              | - Trong nước                            | 66.554.533           | 70,40%              | 2255                | 19             | 2236    |
|              | - Nước ngoài                            | 4.518.486            | 4,78%               | 51                  | 17             | 34      |
| TỔNG CỘNG    |                                         | 94.529.347           | 100,00%             | 2311                | 41             | 2270    |
| Trong đó:    |                                         |                      |                     |                     |                |         |
| - Trong nước |                                         | 79.957.311           | 84,58%              | 2259                | 23             | 2236    |
| - Nước ngoài |                                         | 14.572.036           | 15,42%              | 52                  | 18             | 34      |

THỐNG KÊ THAY ĐỔI  
VỐN CHỦ SỞ HỮU

| LẦN ĐĂNG KÝ       | LÝ DO           | NGÀY PHÁT HÀNH | VỐN ĐIỀU LỆ<br>(đồng) |
|-------------------|-----------------|----------------|-----------------------|
| CẤP LẦN ĐẦU       | Đăng ký lần đầu | 01/09/2010     | 146.866.000.000       |
| ĐIỀU CHỈNH LẦN 1  | Đăng ký bổ sung | 13/11/2013     | 155.564.818.097       |
| ĐIỀU CHỈNH LẦN 2  | Đăng ký bổ sung | 01/03/2014     | 268.627.000.000       |
| ĐIỀU CHỈNH LẦN 3  | Đăng ký bổ sung | 27/03/2014     | 268.627.000.000       |
| ĐIỀU CHỈNH LẦN 4  | Đăng ký bổ sung | 12/12/2014     | 268.627.000.000       |
| ĐIỀU CHỈNH LẦN 5  | Đăng ký bổ sung | 01/01/2015     | 419.182.790.000       |
| ĐIỀU CHỈNH LẦN 6  | Đăng ký bổ sung | 25/10/2016     | 523.790.000.000       |
| ĐIỀU CHỈNH LẦN 7  | Đăng ký bổ sung | 24/04/2019     | 523.790.000.000       |
| ĐIỀU CHỈNH LẦN 8  | Đăng ký bổ sung | 12/03/2020     | 523.790.000.000       |
| ĐIỀU CHỈNH LẦN 9  | Đăng ký bổ sung | 06/07/2021     | 576.124.440.000       |
| ĐIỀU CHỈNH LẦN 10 | Đăng ký bổ sung | 04/07/2022     | 748.835.590.000       |
| ĐIỀU CHỈNH LẦN 11 | Đăng ký bổ sung | 04/05/2023     | 748.835.590.000       |
| ĐIỀU CHỈNH LẦN 12 | Đăng ký bổ sung | 04/07/2024     | 935.938.470.000       |
| ĐIỀU CHỈNH LẦN 13 | Đăng ký bổ sung | 01/08/2025     | 935.938.470.000       |
| ĐIỀU CHỈNH LẦN 14 | Đăng ký bổ sung | 11/09/2025     | 945.293.470.000       |

# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT  
KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC,  
CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM  
VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CHUNG  
NHỮNG ĐIỂM SÁNG TRONG NĂM 2025

1. Doanh thu đạt 1.946 tỷ, tăng trưởng 7% . Lợi nhuận đạt 103% so với kế hoạch, tăng trưởng 6%.
2. Hoàn thành cơ bản việc xây dựng, lắp đặt, mua sắm cho nhà máy SVI.
3. Hoạt động quản trị tài chính có nhiều tiến bộ: quản lý tốt công nợ, tồn kho, dòng tiền (bao gồm chu kỳ chuyển đổi tiền mặt giảm 57 ngày. Nợ xấu giảm 55%, Nợ quá hạn giảm 25%; Lợi nhuận tài chính tăng 14 tỷ đồng so với năm 2024).
4. Hoạt động quản trị nhân sự có nhiều tiến bộ: hoàn thiện lương 3P toàn công ty, tổng đãi ngộ, xây dựng từ điển năng lực, xây dựng ngân hàng KPI, thiết lập dữ liệu các quá trình chi tiết, luân chuyển cán bộ, đào tạo nhân sự kế thừa...
5. Hoạt động mua sắm của Ban QLDA và Phòng Kế hoạch đạt hiệu quả tốt nhờ hoạt động đấu thầu, tìm kiếm, đánh giá lựa chọn NCC.
6. Hoạt động chuyển đổi số tiếp tục được chú trọng (Triển khai phần mềm Nhân sự tiền lương, Zalo OA, Power BI Công nợ, Cải tiến PM DMS và SAP đáp ứng yêu cầu các bộ phận, triển khai công cụ bảo mật thông tin Antivirus, triển khai hợp đồng điện tử, App kiểm tra kiến thức đầu ngày cho TDV; số hóa hệ thống theo dõi lịch sử thiết bị).
7. Thương hiệu công ty tiếp tục được khẳng định thông qua các giải thưởng: Duy trì Top 4 DN Dược uy tín, Top 50 DN niêm yết trên sàn, Top Công nghiệp 4.0 VN, Top 10 DN đổi mới sáng tạo; Top 10 “ Nơi làm việc tốt nhất” ngành Dược.
8. Tổ chức hiệu quả chuỗi hoạt động Kỷ niệm 45 năm thành lập Bidiphar. Công tác tài trợ và hoạt động vì cộng đồng.
  - Tổ chức một số chương trình vì cộng đồng và phúc lợi xã hội với số tiền 1,6 tỷ đồng, tiêu biểu như: Chương trình “Chạy vì bệnh nhân Ung thư”, Chương trình “đồng hành cùng 1.251 bệnh nhân Thận”...
  - Hỗ trợ 10.000 túi thuốc trị giá 1,8 tỷ đồng và 1,6 tỷ đồng cho đồng bào bị ảnh hưởng bão số 13 và lũ lụt ở Thái Nguyên, Huế, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Gia Lai.
9. Thực hiện hơn 370 sáng kiến toàn công ty, mang lại hiệu quả hàng chục tỷ đồng.
10. Đạt thành tích xuất sắc trong chương trình thử nghiệm thành thạo của Viện kiểm nghiệm thuốc TW cho cả hai phòng kiểm nghiệm Nguyễn Thái Học và Nhơn Hội.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT  
KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025

| CHỈ TIÊU                                | ĐVT     | 2024    | 2025    | %THAY ĐỔI |
|-----------------------------------------|---------|---------|---------|-----------|
| Tổng giá trị tài sản                    | Tỷ đồng | 2.264,2 | 2.596,2 | 14,66%    |
| Doanh thu thuần                         | Tỷ đồng | 1.727,5 | 1.865,4 | 7,98%     |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | Tỷ đồng | 329,1   | 349,1   | 6,08%     |
| Lợi nhuận khác                          | Tỷ đồng | -4,0    | -3,05   | 22,8%     |
| Lợi nhuận trước thuế                    | Tỷ đồng | 325,1   | 346,1   | 6,46%     |
| Lợi nhuận sau thuế                      | Tỷ đồng | 275,2   | 291,9   | 6,07%     |

Năm 2025, quy mô tài sản của Công ty đạt 2.596,2 tỷ đồng, tăng 14,66% so với năm 2024, cho thấy xu hướng mở rộng hoạt động. Doanh thu thuần đạt 1.865,4 tỷ đồng, tăng 7,98%, phản ánh sự tăng trưởng ổn định trong hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 349,1 tỷ đồng, tăng 6,08%, cho thấy hiệu quả hoạt động được duy trì tích cực. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 346,1 tỷ đồng và 291,9 tỷ đồng, tăng tương ứng 6,46% và 6,07% so với năm trước. Bên cạnh đó, khoản lỗ từ hoạt động khác giảm so với năm 2024, góp phần cải thiện kết quả lợi nhuận chung của Công ty.

DOANH THU THUẦN

DOANH THU KÊNH BỆNH VIỆN

Năm 2025, doanh thu kênh bệnh viện đạt 1.173,9 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch và tăng 10% so với năm 2024 (1.062 tỷ đồng). Đây vẫn là kênh đóng góp lớn nhất vào tổng doanh thu của Công ty.

DOANH THU KÊNH NHÀ THUỐC

Doanh thu kênh nhà thuốc năm 2025 đạt 642,6 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 89% kế hoạch, tăng nhẹ 2% so với năm 2024 (630,7 tỷ đồng). Sự tăng trưởng chậm phản ánh những thách thức của thị trường bán lẻ dược phẩm, bao gồm sự thay đổi trong hành vi mua sắm của khách hàng và quy định chặt chẽ hơn đối với thuốc kê đơn. Ngoài ra, sự cạnh tranh từ các chuỗi nhà thuốc lớn cũng gây áp lực lên doanh số.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

| CHỈ TIÊU         | 2024 (TỶ ĐỒNG) | TỶ TRỌNG (%) | 2025 (TỶ ĐỒNG) | TỶ TRỌNG (%) | %2025/ 2024 |
|------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|-------------|
| Tổng tài sản     | 2.264,2        | 100          | 2.596,2        | 100          | 114,66      |
| Tài sản ngắn hạn | 1.476,3        | 65,20        | 1.480,0        | 57,01        | 100,25      |
| Tài sản dài hạn  | 787,9          | 34,80        | 1.116,2        | 42,99        | 141,67      |

Năm 2025, tổng tài sản của Công ty đạt 2.596,2 tỷ đồng, tăng 14,66% so với năm 2024, cho thấy quy mô tài sản tiếp tục được mở rộng. Tài sản ngắn hạn đạt 1.480,0 tỷ đồng, gần như đi ngang so với năm trước (tăng 0,25%), khiến tỷ trọng giảm từ 65,20% xuống còn 57,01% trong cơ cấu tài sản. Ngược lại, tài sản dài hạn tăng mạnh 41,67%, đạt 1.116,2 tỷ đồng, làm tỷ trọng tăng từ 34,80% lên 42,99%. Sự gia tăng đáng kể của tài sản dài hạn cho thấy Công ty đang đẩy mạnh đầu tư vào các tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dài hạn. Nhìn chung, cơ cấu tài sản có xu hướng chuyển dịch theo hướng gia tăng tỷ trọng tài sản dài hạn, phản ánh chiến lược đầu tư và mở rộng hoạt động của Công ty.

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

| CHỈ TIÊU         | 2024 (TỶ ĐỒNG) | TỶ TRỌNG (%) | 2025 (TỶ ĐỒNG) | TỶ TRỌNG (%) | %2025/ 2024 |
|------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|-------------|
| Tổng nợ phải trả | 603,1          | 100          | 860,2          | 100          | 142,63      |
| Nợ ngắn hạn      | 460,2          | 76,30        | 587,7          | 68,31        | 127,71      |
| Nợ dài hạn       | 142,9          | 23,7         | 272,6          | 31,69        | 190,76      |

Năm 2025, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 860,2 tỷ đồng, tăng 42,63% so với năm 2024, cho thấy mức độ sử dụng nguồn vốn vay và nghĩa vụ tài chính gia tăng. Nợ ngắn hạn đạt 587,7 tỷ đồng, tăng 27,71%, tuy nhiên tỷ trọng trong tổng nợ giảm từ 76,30% xuống còn 68,31%. Trong khi đó, nợ dài hạn tăng mạnh 90,76%, đạt 272,6 tỷ đồng, làm tỷ trọng tăng từ 23,7% lên 31,69%. Sự gia tăng đáng kể của nợ dài hạn cho thấy Công ty có xu hướng tăng cường huy động nguồn vốn dài hạn để phục vụ nhu cầu đầu tư và mở rộng hoạt động. Nhìn chung, cơ cấu nợ có sự chuyển dịch theo hướng gia tăng tỷ trọng nợ dài hạn, góp phần cân đối hơn về kỳ hạn nguồn vốn.

# GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY CON

## CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI BIDIPHAR

**Vốn điều lệ:** 30 TỶ ĐỒNG

**Tỷ lệ sở hữu của Bidiphar:** 100%

**Ngành nghề kinh doanh chính:** Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn thuốc tân dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, dược liệu, mỹ phẩm; Bán buôn dụng cụ, vật tư y tế).

Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar (BTC) là mảng ghép giúp Bidiphar kiện toàn hệ thống phân phối của Công ty. BTC phân phối các sản phẩm mua ngoài và các sản phẩm do Bidiphar sản xuất.

| CHỈ TIÊU                                          | 2024<br>(ĐVT:triệu đồng) | 2025<br>(ĐVT:triệu đồng) | %2025/2024 |
|---------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------|
| Tổng tài sản                                      | 44.040,1                 | 51.346,7                 | 116,59%    |
| Doanh thu thuần                                   | 168.177,6                | 179.639,7                | 106,82%    |
| Giá vốn hàng bán                                  | 135.620,4                | 145.191,4                | 107,06%    |
| Doanh thu từ hoạt động tài chính                  | 97,9                     | 229,7                    | 234,63%    |
| Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính | (21.040,6)               | (23.413,2)               | (111,28%)  |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                 | 11.614,5                 | 11.264,8                 | 96,99%     |
| Lợi nhuận khác                                    | (243,3)                  | (521,1)                  | (214,18%)  |
| Lợi nhuận trước thuế                              | 11.371,2                 | 10.743,7                 | 94,48%     |
| Lợi nhuận sau thuế                                | 9.014,9                  | 8.466,8                  | 93,92%     |

## CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU HỮU CƠ BIDIPHAR

**Vốn điều lệ:** 5 TỶ ĐỒNG

**Tỷ lệ sở hữu của Bidiphar:** 100%

**Ngành nghề kinh doanh chính:** Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (Chi tiết: Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, chế phẩm dược, hóa dược và dược liệu).

Công ty TNHH MTV Dược liệu hữu cơ Bidiphar (Biormed) là mảng ghép giúp Bidiphar kiện toàn hệ thống sản xuất của Công ty. Hiện tại, Biormed chủ yếu nuôi trồng dược liệu hữu cơ và cung cấp cho Bidiphar để sản xuất các sản phẩm có nguồn gốc dược liệu, tiêu biểu như:

- Thìa canh - Hebamic, có tác dụng hỗ trợ hạ đường huyết cho bệnh nhân mắc bệnh đái tháo đường.
- Cà gai leo và Mật nhân - Dưỡng can Bidiphar, có tác dụng hỗ trợ thải độc gan.
- Chè dây - Nhất vị linh, có tác dụng hỗ trợ giảm các triệu chứng của bệnh viêm dạ dày, tá tràng.

| CHỈ TIÊU                                          | 2024<br>(ĐVT:triệu đồng) | 2025<br>(ĐVT:triệu đồng) | %2025/2024 |
|---------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------|
| Tổng tài sản                                      | 6.238,1                  | 6.855,7                  | 109,90%    |
| Doanh thu thuần                                   | 2.420,0                  | 1.733,1                  | 71,62%     |
| Giá vốn hàng bán                                  | 1.259,1                  | 1.923,2                  | 152,74%    |
| Doanh thu từ hoạt động tài chính                  | 136,9                    | 135,7                    | 99,12%     |
| Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính | 198,7                    | 292,7                    | 147,31%    |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                 | 1.099,1                  | 347,1                    | 31,58%     |
| Lợi nhuận khác                                    | 5,0                      | 398,4                    | 7968,00%   |
| Lợi nhuận trước thuế                              | 1.104,2                  | 51,2                     | 4,64%      |
| Lợi nhuận sau thuế                                | 1.104,2                  | 47,6                     | 4,31%      |

1

Điều chỉnh cơ cấu tổ chức phù hợp với thay đổi địa bàn hành chính

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện các điều chỉnh về cơ cấu tổ chức nhằm phù hợp với việc sắp xếp lại địa bàn hành chính theo chủ trương của Chính phủ. Đồng thời, Công ty tiến hành rà soát, sắp xếp lại địa bàn hoạt động của các chi nhánh bán hàng và cơ cấu lại một số phòng ban, đơn vị trên nguyên tắc bảo đảm tính phù hợp, nâng cao hiệu quả quản lý và tối ưu hóa nguồn lực.

2

Chuẩn hóa khối lượng công việc, định biên và hệ thống quản trị nhân sự

Công ty bước đầu ghi nhận những chuyển biến tích cực trong việc rà soát và hoàn thiện các nội dung liên quan đến khối lượng công việc, định biên nhân sự, xây dựng ngân hàng KPIs và chuẩn hóa vị trí công việc. Để triển khai các thay đổi một cách đồng bộ và phù hợp, Công ty đã xây dựng và chuẩn hóa toàn bộ các quy trình chính của Công ty cũng như của từng phòng ban, đơn vị, tạo nền tảng cho công tác quản trị theo hướng bài bản và minh bạch.

3

Hoàn thiện chính sách phúc lợi theo hướng minh bạch và nhất quán

Các chính sách về tiền lương, đãi ngộ và phúc lợi đối với người lao động tiếp tục được rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa theo hướng rõ ràng, minh bạch, góp phần bảo đảm quyền lợi của người lao động và nâng cao mức độ gắn kết của đội ngũ nhân sự trong toàn Công ty.

4

Tăng cường hiệu quả phối hợp và điều hành trong toàn hệ thống

Hoạt động chỉ đạo, điều hành và phối hợp giữa Ban điều hành với các phòng ban, đơn vị, cũng như giữa các phòng ban, đơn vị với nhau ngày càng được triển khai xuyên suốt, chặt chẽ và hiệu quả hơn, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động chung và hỗ trợ việc thực hiện các mục tiêu sản xuất – kinh doanh của Công ty.

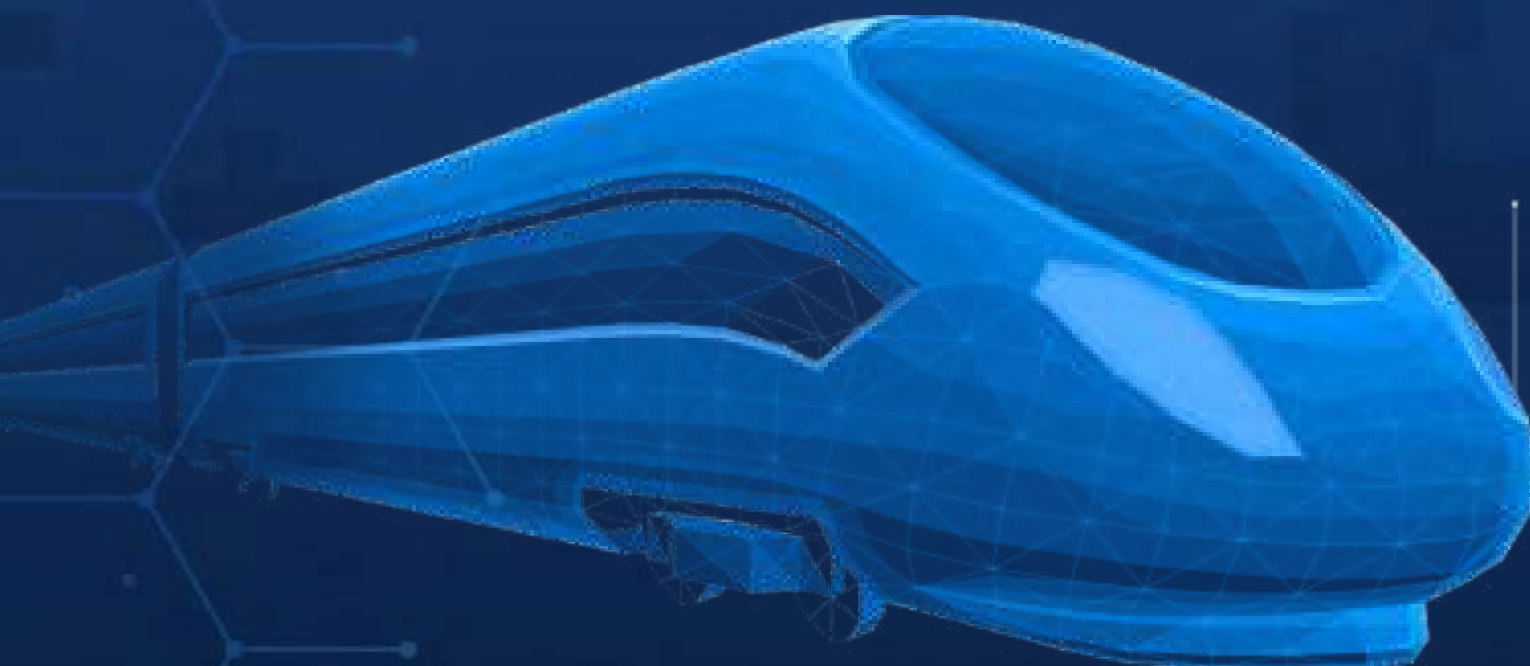
## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Ban điều hành tập trung mọi nguồn lực để thực hiện theo:

- Các mục tiêu trong năm 2026.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn của công ty.  
(02 nội dung này đã trình bày ở Chương 1 – Thông tin chung)

Hội đồng quản trị có cơ chế theo dõi và giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị và thường xuyên tương tác với Ban điều hành ngoài những cuộc họp định kỳ để theo dõi thông tin

và đưa ra những chỉ đạo kịp thời. Trong quá trình hoạt động, Ban điều hành thực hiện báo cáo định kỳ và theo yêu cầu để xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



## KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2026 TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

| STT | CHỈ TIÊU             | ĐVT     | THỰC HIỆN 2025 | KẾ HOẠCH 2026 | % TĂNG TRƯỞNG |
|-----|----------------------|---------|----------------|---------------|---------------|
| 1   | Vốn điều lệ          | Tỷ đồng | 945            | 945           | 0%            |
| 2   | Tổng doanh thu       | Tỷ đồng | 1.947          | 2.090         | 7%            |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 344            | 375           | 9%            |

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MỚI

Ban điều hành tiếp tục đánh giá và thực hiện các công việc liên quan để hoàn thiện phương án đầu tư Dự án Nhà máy OSD-Non Betalactam đã được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ  
**LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM  
VỀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ CỦA CÔNG TY**

Hằng năm, Ban điều hành chủ động triển khai các hoạt động liên quan đến trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội theo ngân sách và chủ trương được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Trong năm 2025, Ban điều hành đã hoàn thành xuất sắc các hoạt động đối với môi trường

và xã hội, chi tiết các hoạt động tại Chương 1 của Báo cáo này. Trong năm 2026, Ban điều hành sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao các hoạt động thực hiện trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội theo kế hoạch và chiến lược đã đề ra, góp phần duy trì sự phát triển bền vững của Doanh nghiệp.



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

TẬP THỂ ĐỘI NGŨ BIDIPHAR ĐÃ CÓ MỘT NĂM 2025 TƯƠNG ĐỐI ỔN ĐỊNH, VƯỢT QUA NHIỀU THÁCH THỨC CẢ BÊN TRONG LẪN BÊN NGOÀI.

**97%**  
KẾ HOẠCH DOANH THU  
NĂM 2025

**103%**  
KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN  
NĂM 2025

THỰC HIỆN TỐT CÁC NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI  
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, MANG LẠI LỢI  
ÍCH CAO CHO CÁC CỔ ĐÔNG, TẬP THỂ  
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI.

### CHI TRẢ CỔ TỨC

Hoàn tất việc chi trả cổ tức của năm 2024 vào năm 2025 bằng tiền mặt.

### BỐI CẢNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Năm 2025, hoạt động sản xuất – kinh doanh của Bidiphar diễn ra trong bối cảnh đan xen giữa cơ hội và thách thức. Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân tiếp tục gia tăng, trong khi công tác chăm sóc sức khỏe toàn dân ngày càng được Nhà nước quan tâm và đầu tư. Cùng với đó, nhiều văn bản pháp luật mới được ban hành theo hướng hỗ trợ ngành dược trong nước, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.

Ở chiều ngược lại, diễn biến thời tiết phức tạp và thiên tai kéo dài tại nhiều địa phương đã gây thiệt hại về cơ sở vật chất, hàng hóa và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – kinh doanh. Các chính sách liên quan đến thuế, hóa đơn và kiểm soát thuốc kê đơn tiếp tục tác động đáng kể đến hoạt động bán

hàng qua kênh nhà thuốc. Việc sắp xếp lại các đơn vị hành chính sau ngày 01/07/2025 làm thay đổi địa bàn quản lý, gây xáo trộn nhất định, đặc biệt đối với kênh bệnh viện.

Bên cạnh đó, hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý gia tăng trong khi nhiều thủ tục hành chính vẫn kéo dài thời gian phê duyệt. Công ty đồng thời triển khai nhiều dự án đầu tư, quản trị và chuyển đổi số, dẫn đến áp lực lớn về nguồn lực và yêu cầu năng lực triển khai. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt với sự gia tăng các số đăng ký mới từ đối thủ, việc Công ty chưa có đầy đủ chứng nhận GMP-EU tiếp tục là một thách thức trong việc mở rộng thị trường và nâng cao vị thế cạnh tranh.

### TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thông tin về cuộc họp và Nghị quyết của Đại  
hội đồng cổ đông năm 2025

| STT | Số Văn bản      | Ngày       | Nội dung                              |
|-----|-----------------|------------|---------------------------------------|
| 1   | 55/BB-ĐHĐCĐ2025 | 26/04/2025 | Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2025   |
| 2   | 56/NQ-ĐHĐCĐ2025 | 26/04/2025 | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 |

# ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG 2025

## HOẠT ĐỘNG SALES VÀ MAREKTING

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai đội ngũ bán hàng chuyên trách cho nhóm khách hàng Chuỗi – Nhà phân phối (NPP), đồng thời mở rộng mạng lưới NPP và đưa sản phẩm vào các chuỗi trên toàn quốc, qua đó ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu 30%. Công tác quản trị bán hàng được nâng cao thông qua việc lập kế hoạch, thực hiện báo cáo tuần của ASM trên OneDrive và tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ. Kết quả đấu thầu tiếp tục được cải thiện khi số lượng trúng thầu của 500 gói thầu chính trong năm tăng 38%, trong đó nhóm sản phẩm chủ lực đạt tỷ lệ trúng thầu 92%. Công ty triển khai nhiều chương trình bán hàng trọng điểm, bao gồm các chương trình

“khuyến mãi vàng”, mua vàng trực tiếp từ Công ty và giao đến từng Chi nhánh, đồng thời định hướng danh mục và triển khai các chương trình khuyến mãi tặng hàng nhằm tối ưu chi phí bán hàng và thúc đẩy tăng trưởng doanh thu kênh nhà thuốc. Bên cạnh đó, việc phối hợp với bộ phận Công nghệ thông tin trong triển khai biểu mẫu, kiểm tra chéo các chương trình khuyến mãi trên hệ thống trước khi áp dụng, chuẩn hóa quy trình lập lệnh giao hàng trên SAP cho toàn bộ đơn hàng của Chi nhánh và bộ phận liên quan, cùng với việc đưa sản phẩm SPM Eyetamin New ra thị trường thành công, đã góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và kết quả kinh doanh chung.

## HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

Trong năm 2025, hoạt động quản trị tài chính của Công ty ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực. Công tác quản lý tồn kho được cải thiện rõ rệt, trong đó tồn kho trên 12 tháng và tồn kho từ 9–12 tháng giảm 50% so với năm 2024, đồng thời tỷ lệ sản phẩm có hạn dùng dưới 6 tháng giảm liên tục qua từng tháng. Quản lý công nợ tiếp tục được kiểm soát hiệu quả với nợ xấu giảm 55% và nợ quá hạn giảm 25% so với năm 2024, qua đó góp phần cải thiện đáng kể dòng tiền và làm cho lợi nhuận tài chính tăng thêm 14 tỷ đồng so với năm trước. Nhờ

những cải thiện đồng bộ trong quản trị vốn lưu động, chu kỳ chuyển đổi tiền mặt của Công ty đã giảm 72 ngày so với năm 2024. Bên cạnh đó, Công ty tăng cường phân tích báo cáo tài chính định kỳ hằng tháng và hằng quý nhằm kịp thời tham mưu cho Ban điều hành và báo cáo Hội đồng quản trị, đồng thời ban hành mới Quy trình thanh toán và Quy trình kiểm soát giá thành, cũng như đang xây dựng các quy trình quản lý thuế, trích lập dự phòng giảm giá tồn kho và lập kế hoạch, kiểm soát ngân sách.

## CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ, NHÂN SỰ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục hoàn thiện và triển khai Quy chế Tổng đãi ngộ với cơ cấu bao gồm tiền lương, 07 loại thưởng, 05 loại phụ cấp và 19 loại phúc lợi, đồng thời điều chỉnh tăng mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội theo Quy chế lương Chi nhánh và Phân xưởng. Các chính sách hỗ trợ và khen thưởng được thực hiện đầy đủ, bao gồm hỗ trợ thăm nhà hơn 150 triệu đồng, hỗ trợ xăng xe cho lực lượng bán hàng 900 triệu đồng, chi tiếp khách nội bộ hơn 1,3 tỷ đồng, thưởng cho tập thể và cá nhân xuất sắc 950 triệu đồng, và thưởng đột xuất 80 triệu đồng cho các cá nhân tham gia hiệu quả trong công tác phòng chống bão lụt và phòng cháy chữa cháy. Công ty cũng ban hành và chuẩn hóa nhiều quy trình quản trị nhân sự như quy trình đăng ký ngày nghỉ, chấm công – tính lương và quy

trình khen thưởng sáng kiến, trong đó đã chi thưởng cho 370 sáng kiến với tổng giá trị 1,152 tỷ đồng. Song song đó, Công ty xây dựng ma trận đào tạo cho các vị trí công việc với 625 SOP áp dụng trên toàn Công ty, đồng thời hoàn thiện từ điển năng lực, ngân hàng KPIs và triển khai luân chuyển cán bộ nhằm đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa. Trên cơ sở chuẩn hóa chức năng, nhiệm vụ và các quá trình chính của từng phòng ban, Công ty từng bước thiết lập dữ liệu chi tiết phục vụ xác định định mức lao động, định biên, mô tả công việc, KPIs và đánh giá rủi ro, đồng thời xây dựng dự thảo Quy trình đánh giá năng lực và triển khai các chương trình đào tạo cho đội ngũ quản lý kế cận từ cấp phó phòng trở lên, làm tiền đề cho việc đánh giá năng lực từ năm 2026.

## HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG NỘI BỘ VÀ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức hiệu quả chuỗi hoạt động kỷ niệm 45 năm thành lập Bidiphar, qua đó góp phần củng cố hình ảnh và giá trị thương hiệu. Song song với đó, công tác tài trợ và các hoạt động vì cộng đồng tiếp tục được quan tâm và triển khai tích cực với tổng giá trị 1,6 tỷ đồng thông qua nhiều chương trình phúc lợi xã hội tiêu biểu như chương trình “Chạy vì bệnh nhân Ung thư” và chương trình “Đồng hành

cùng 1.251 bệnh nhân Thận”. Trước những thiệt hại do bão số 13 và lũ lụt gây ra, Công ty đã kịp thời hỗ trợ 1,6 tỷ đồng nhằm chia sẻ khó khăn với đồng bào tại các địa phương bị ảnh hưởng. Ngoài ra, Công ty còn trao tặng 10.000 túi thuốc với tổng trị giá 1,8 tỷ đồng cho người dân tại các tỉnh Thái Nguyên, Huế, Đà Nẵng, Đắk Lắk và Gia Lai, thể hiện rõ trách nhiệm xã hội và cam kết đồng hành cùng cộng đồng.

## HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Trong năm 2025, giá thành sản phẩm của Công ty được cải thiện đáng kể nhờ việc đa dạng hóa nguồn cung nguyên vật liệu, tối ưu quy mô lô mua hàng, khai thác dữ liệu thị trường nhập khẩu và tăng cường đàm phán với các nhà cung cấp, qua đó ghi nhận tổng giá trị tiết kiệm chi phí mua nguyên vật liệu trên 3,5 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty chủ động bổ sung các nguồn nguyên

vật liệu thay thế, kiểm soát sớm hồ sơ DMF và gia hạn retest nguyên vật liệu, giúp giảm thiểu rủi ro gián đoạn sản xuất và nâng cao tính chủ động trong việc đáp ứng kế hoạch sản xuất. Song song với công tác quản trị chi phí, Công ty triển khai hiệu quả các hoạt động nhằm khai thác tối đa năng lực sản xuất, đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường.

## HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Trong năm 2025, Bidiphar đã hoàn thành việc đánh giá GSP, đánh giá tái chứng nhận GACP, đồng thời thực hiện đầy đủ các đợt đánh giá giám sát theo các tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017, ISO 9001:2015 và ISO 13485. Công ty triển khai, đánh giá và xử lý kịp thời 99% các thay đổi của hệ thống chất lượng và sản phẩm đúng thời hạn, bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy trình đánh giá, phê duyệt và kiểm soát thay đổi, qua đó hạn chế rủi ro trong quá trình áp dụng. Song song đó, Công ty chủ động rà soát, bổ sung và áp dụng các nguồn nguyên vật liệu

phù hợp vào sản xuất nhằm bảo đảm chất lượng và tính ổn định của sản phẩm. Công tác cập nhật và triển khai các hướng dẫn GMP-WHO cùng 22 quy định, thông tư mới được hoàn thành, góp phần nâng cao mức độ tuân thủ và đáp ứng yêu cầu thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý. Ngoài ra, Công ty đã chủ động nhận diện 70 rủi ro chất lượng đối với hệ thống và sản phẩm, đồng thời kiểm soát hiệu quả chi phí kiểm nghiệm, tiết kiệm 2,5 tỷ đồng và bảo đảm việc trả kết quả kiểm nghiệm kịp thời phục vụ nhu cầu sản xuất.

## HOẠT ĐỘNG SỐ HÓA

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản trị và vận hành. Dự án triển khai phần mềm nhân sự – tiền lương đã hoàn thành khoảng 90% khối lượng công việc và dự kiến chính thức đưa vào vận hành trong Quý II/2026. Công ty triển khai Zalo Official Account, ứng dụng tin nhắn ZNS để thông báo trạng thái giao hàng và thanh toán cho khách hàng kênh nhà thuốc từ tháng 6/2025, qua đó nâng cao tính minh bạch và chất lượng dịch vụ khách hàng, đồng thời phát triển các báo cáo Power BI phục vụ quản trị doanh thu và công nợ. Bên

cạnh đó, các phần mềm DMS và SAP tiếp tục được cải tiến để đáp ứng nhu cầu của các bộ phận, với việc phát triển thêm các mã giao dịch (T-code) nhằm khai thác hiệu quả hệ thống SAP ERP cho công tác thống kê, kiểm soát và quản trị dữ liệu. Song song đó, Công ty triển khai các giải pháp bảo mật thông tin, áp dụng hợp đồng bán hàng điện tử cho 100% khách hàng, phát triển ứng dụng kiểm tra kiến thức đầu ngày cho đội ngũ trình dược viên, và thực hiện số hóa hệ thống theo dõi lịch sử vận hành, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

CĂN CỨ ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ THỰC HIỆN VIỆC KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TRONG VIỆC ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT - KINH DOANH VÀ TRIỂN KHAI CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ, HĐQT TRONG NĂM 2025.

- Các thành viên HĐQT thường xuyên tham dự các cuộc họp của Ban điều hành và trao đổi thường xuyên với Ban điều hành. Qua đó, Hội đồng quản trị nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, các quyết định, hoạt động quản lý, điều hành của Ban điều hành và Hội đồng quản trị có sự phối hợp rất tốt nhằm đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời, đúng đắn để vượt qua những thách thức của thị trường và doanh nghiệp để đạt được những kết quả tốt nhất cho kinh doanh.

- Ngoài ra, các Ủy ban/Tiểu ban của HĐQT đã tổ chức các cuộc họp, tư vấn và phản biện, trao đổi làm việc chuyên môn với Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành về những nội dung phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban điều hành, đồng thời qua đó đánh giá về tình hình hoạt động của Công ty ở các lĩnh vực khác nhau.

- HĐQT giám sát chặt chẽ Tổng Giám đốc, Ban điều hành trong công tác quản trị công ty, quản lý rủi ro trong kinh doanh và tài chính, đảm bảo việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của Nhà nước.

- Nhìn chung, HĐQT ghi nhận Tổng Giám đốc - Ban điều hành và toàn thể CBNV tuy chưa hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 nhưng đã nỗ lực không ngừng và có kết quả đáng ghi nhận.

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA CÔNG TY

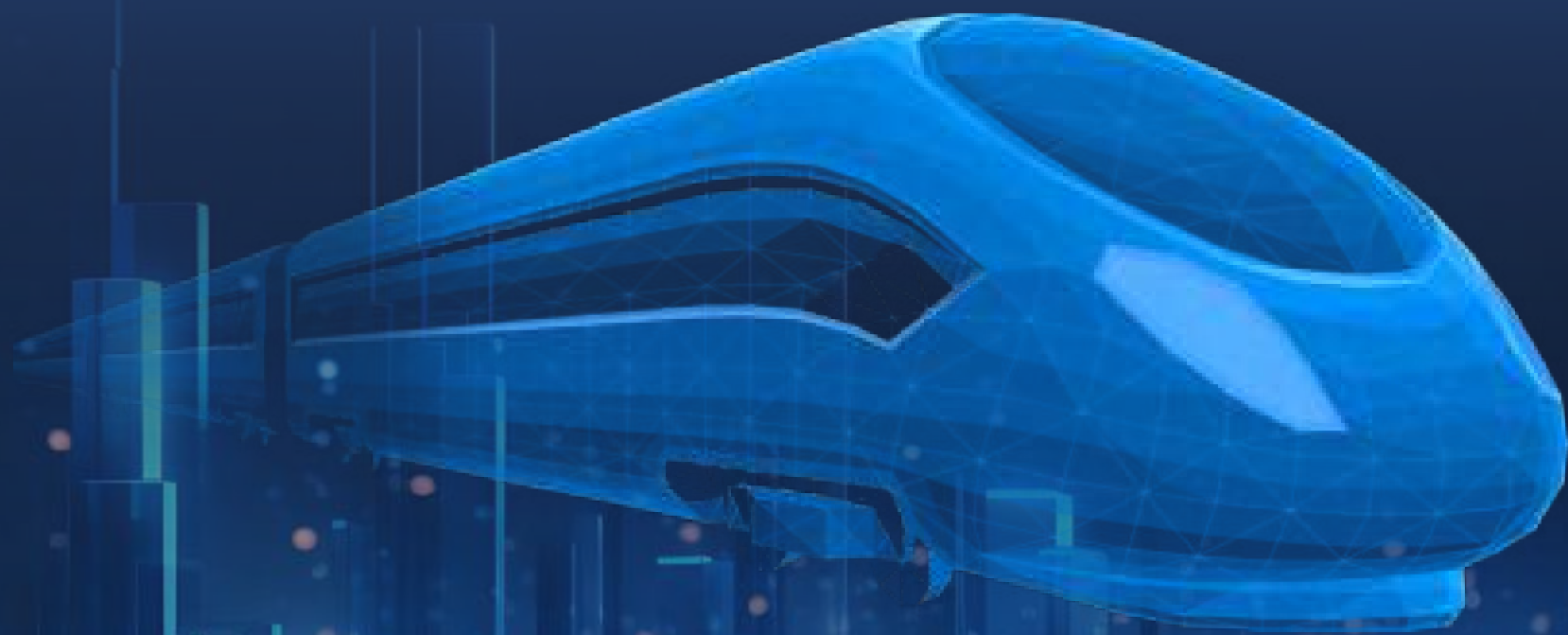
**ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN  
NĂM 2030**

**TOP 3**  
Doanh nghiệp sản xuất  
Được phẩm uy tín Việt Nam

Đạt tiêu chuẩn **GMP-EU**  
cho 3 dây chuyền:  
• Thuốc Ung thư  
• Thuốc Tiêm vô trùng thể tích nhỏ  
• Thuốc viên Non-Betalactam

Doanh thu hàng sản xuất trên  
**3500 TỶ**

# QUẢN TRỊ CÔNG TY



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ CÁC TIỂU BAN THUỘC  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG TIN THÙ LAO, LƯƠNG THƯỞNG  
VÀ GIAO DỊCH NỘI BỘ

HOẠT ĐỘNG CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- HĐQT hoạt động hiệu quả bằng cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn cao về quản trị và công bố thông tin minh bạch, hiệu quả trong mọi hoạt động của doanh nghiệp.
- HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp trong năm 2025, theo đúng các trình tự, thủ tục quy định pháp luật, các quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản thông qua các nền tảng online.
- Thông qua các cuộc họp và lấy ý kiến biểu quyết, HĐQT đã ban hành các biên bản/ng nghị quyết/quyết định thực hiện các quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Đối với việc đảm bảo quyền lợi cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông và tăng cường sự tham gia hiệu quả và cân bằng lợi ích của các bên liên quan: HĐQT đã thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ các giao dịch nội bộ và bên có liên quan một cách hiệu quả bằng việc ban hành Quy định về kiểm soát giao dịch với người có liên quan vào ngày 14/09/2024.

Quy định này được thiết lập và thực thi một cách cẩn trọng, đảm bảo sự tuân thủ đúng theo quy định pháp luật và các nguyên tắc minh bạch. Bằng cách này, Công ty luôn đảm bảo sự minh bạch trong các giao dịch, tránh xung đột lợi ích, tạo dựng một môi trường hoạt động đáng tin cậy và ổn định, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững và hài hòa cho tất cả các bên liên quan.

- HĐQT luôn đẩy mạnh việc phát triển văn hóa doanh nghiệp hướng đến sự phát triển bền vững và xây dựng hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ vào là một trong những mục tiêu quan trọng của Công ty.
- Về hoạt động của các Ủy ban/Tiểu ban trực thuộc HĐQT: nhìn chung, Ủy ban Kiểm toán và các Tiểu ban trực thuộc HĐQT của Bidiphar được HĐQT đánh giá là hoạt động tốt trong năm 2025 trong việc tham mưu, xây dựng, góp ý, giám sát triển khai các bản kế hoạch kinh doanh và vận hành của Công ty. Các ý kiến đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh - vận hành được ghi nhận và lập kế hoạch thực hiện trong năm 2025.

CUỘC HỌP  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | THÀNH VIÊN HĐQT       | SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ | TỶ LỆ THAM DỰ HỌP | LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP |
|-----|-----------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Tạ Nam Bình           | 5/5                      | 100%              | N/A                     |
| 2   | Nguyễn Thị Minh Giang | 5/5                      | 100%              | N/A                     |
| 3   | Phạm Thị Thanh Hương  | 5/5                      | 100%              | N/A                     |
| 4   | Nguyễn Ngọc Dũng      | 5/5                      | 100%              | N/A                     |
| 5   | Nguyễn Tiến Hải       | 4/5                      | 80%               | Bận việc cá nhân        |
| 6   | Phan Tấn Thư          | 5/5                      | 100%              | N/A                     |
| 7   | Trương Thanh Liêm     | 5/5                      | 100%              | N/A                     |

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH | NGÀY       | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|--------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 02/NQ-HĐQT               | 08/01/2025 | Nghị quyết về việc thông qua Báo cáo hoạt động Kiểm toán nội bộ năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025                                                                                                                            |
| 2   | 03/QĐ-HĐQT               | 08/01/2025 | Quyết định về việc bổ sung nhân sự Ban KTNB                                                                                                                                                                                        |
| 3   | 05/NQ-HĐQT               | 21/01/2025 | Nghị quyết về Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Tiểu ban IR                                                                                                                                                                          |
| 4   | 06/BC-DBD                | 21/01/2025 | Báo cáo quản trị năm 2024                                                                                                                                                                                                          |
| 5   | 08/NQ-HĐQT               | 06/02/2025 | Nghị quyết về việc thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Tiểu ban chiến lược 06 tháng cuối năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025                                                                                               |
| 6   | 11/NQ-HĐQT               | 12/02/2025 | Nghị quyết về việc thông qua nội dung trình ĐHĐCĐ về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025                                                                                                                                         |
| 7   | 14/QĐ-HĐQT               | 19/02/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu XL4: Hệ thống HVAC, BMS, EMS thuộc Dự án Nhà máy sản xuất Thuốc vô trùng thể tích nhỏ                                                                          |
| 8   | 16/NQ-HĐQT               | 22/02/2025 | Nghị quyết HĐQT định kỳ Quý I/2025                                                                                                                                                                                                 |
| 9   | 18/QĐ-HĐQT               | 26/02/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Hệ thống nước cho nhà xưởng và khu QC thuộc Dự án Nhà máy thuốc vô trùng thể tích nhỏ                                                                          |
| 10  | 19/NQ-HĐQT               | 27/02/2025 | Nghị quyết về việc ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền                                                                                                                                                                       |
| 11  | 21/QĐ-HĐQT               | 14/03/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu XL8 - Sơn Epoxy thuộc Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ                                                                                       |
| 12  | 23/QĐ-HĐQT               | 22/03/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu XL6 - Hệ thống trung, hạ thế thuộc Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ                                                                          |
| 13  | 30/QĐ-HĐQT               | 02/04/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu XL9 - Thiết kế, thi công, thẩm duyệt Hệ thống PCCC Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ                                                          |
| 14  | 31/QĐ-HĐQT               | 02/04/2025 | Quyết định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hệ thống điện mặt trời tại Nhà máy thuốc ung thư Nhơn Hội                                                                                                                     |
| 15  | 32/QĐ-HĐQT               | 02/04/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu XL11 - Cung cấp, lắp đặt, đánh giá, chuyển giao hệ thống tạo và phân phối hơi công nghiệp thuộc Dự án Nhà máy thuốc vô trùng thể tích nhỏ                      |
| 16  | 33/QĐ-HĐQT               | 02/04/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu XL3 - Thi công xây dựng các hạng mục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật thuộc Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ                                      |
| 17  | 34/QĐ-HĐQT               | 02/04/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu XL7 - Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, đánh giá, chuyển giao Panel, Pass-box, Hệ thống kiểm soát truy cập thuộc Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ |
| 18  | 47/NQ-HĐQT               | 03/04/2025 | Nghị quyết về việc thông qua Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025                                                                                                                                                                   |
| 19  | 49/QĐ-HĐQT               | 11/04/2025 | Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư, mua sắm năm 2025                                                                                                                                                                     |
| 20  | 51/QĐ-HĐQT               | 12/04/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu XL7.1 - Mua sắm thiết bị phòng sạch Laminar và Downflow booth thuộc Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ                                         |

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT/<br>QUYẾT ĐỊNH | NGÀY       | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 21  | 54/NQ-HĐQT                   | 25/04/2025 | Nghị quyết HĐQT cho cuộc họp ngày 26/04/2025                                                                                                                                                                                                          |
| 22  | 57/QĐ-HĐQT                   | 28/04/2025 | Quyết định miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban KTNB                                                                                                                                                                                                       |
| 23  | 58/QĐ-HĐQT                   | 28/04/2025 | Quyết định phân công kiêm nhiệm chức danh Trưởng ban KTNB                                                                                                                                                                                             |
| 24  | 59c/NQ-HĐQT                  | 05/05/2025 | Nghị quyết vay vốn, bảo lãnh, mở LC, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại BIDV                                                                                                                                                                   |
| 25  | 59d/NQ-HĐQT                  | 05/05/2025 | Nghị quyết vay vốn tại Ngân hàng Vietcombank                                                                                                                                                                                                          |
| 26  | 60/QĐ-HĐQT                   | 06/05/2025 | Quyết định về việc phân phối quỹ thù lao HĐQT năm 2024                                                                                                                                                                                                |
| 27  | 65/QĐ-HĐQT                   | 12/05/2025 | Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bàn phòng thí nghiệm, tủ hút, nội thất và dụng cụ phòng thí nghiệm thuộc Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ                                                                   |
| 28  | 66/QĐ-HĐQT                   | 12/05/2025 | Quyết định phê duyệt Dãi lương của vị trí Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị và điều chỉnh lương của nhân sự đảm nhận                                                                                                                       |
| 29  | 68/QĐ-HĐQT                   | 13/05/2025 | Quyết định miễn nhiệm chức vụ Phó Ban KTNB                                                                                                                                                                                                            |
| 30  | 75/QĐ-HĐQT                   | 27/05/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XL5 - Thiết kế, cung cấp thiết bị, lắp đặt, đánh giá, chuyển giao hệ thống Điện động lực - Điện chiếu sáng thuộc Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ                   |
| 31  | 79/QĐ-HĐQT                   | 30/05/2025 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự Ban KTNB                                                                                                                                                                                                                  |
| 32  | 80/QĐ-HĐQT                   | 30/05/2025 | Quyết định về việc phê duyệt Dãi lương của các vị trí thuộc Ban KTNB và sắp xếp, điều chỉnh lương của nhân sự Ban KTNB                                                                                                                                |
| 33  | 81/QĐ-HĐQT                   | 30/05/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Hệ thống phần mềm quản lý Nhân sự Tiền lương                                                                                                                                          |
| 34  | 81b/QĐ-HĐQT                  | 30/05/2025 | Quyết định về việc phê duyệt dự án Tòa nhà văn phòng Bidiphar                                                                                                                                                                                         |
| 35  | 83/NQ-HĐQT                   | 04/06/2025 | Nghị quyết HĐQT định kỳ Quý II/2025                                                                                                                                                                                                                   |
| 36  | 84/QĐ-HĐQT                   | 04/06/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư, mua sắm bổ sung năm 2025                                                                                                                                                                                |
| 37  | 85/QĐ-HĐQT                   | 04/06/2025 | Quyết định thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động                                                                                                                                            |
| 38  | 86/QĐ-HĐQT                   | 04/06/2025 | Quyết định ban hành Quy chế ESOP                                                                                                                                                                                                                      |
| 39  | 87/QĐ-HĐQT                   | 04/06/2025 | Quyết định thông qua danh sách NLD được phân phối quyền mua ESOP                                                                                                                                                                                      |
| 40  | 89/QĐ-HĐQT                   | 10/06/2025 | Quyết định về việc điều chỉnh thông tin Nhà đầu tư và tiến độ thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ tại Lô A3.03, KCN Nhơn Hội (Khu A), Khu kinh tế Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam |
| 41  | 91/NQ-HĐQT                   | 10/06/2025 | Nghị quyết về việc vay vốn Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định                                                                                                                                                                                       |
| 42  | 92/NQ-HĐQT                   | 13/06/2025 | Nghị quyết về việc thông qua trả cổ tức năm 2024 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu                                                                                                                                                                       |
| 43  | 94/QĐ-HĐQT                   | 16/06/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Thiết bị kiểm nghiệm Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 thuộc Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ (Lần phê duyệt thứ 2)                                                    |
| 44  | 96/QĐ-HĐQT                   | 27/06/2025 | Quyết định v/v phân phối số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi phân phối cổ phiếu cho người lao động theo Chương trình ESOP năm 2025                                                                                                   |

| STT | SỐ NGHỊ<br>QUYẾT/QUYẾT<br>ĐỊNH | NGÀY       | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|--------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 45  | 98/NQ-HĐQT                     | 03/07/2025 | Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025                                                                                                                                                                                |
| 46  | 99/BC-DBD                      | 21/07/2025 | Báo cáo quản trị (6 tháng)                                                                                                                                                                                                                             |
| 47  | 101/QĐ-HĐQT                    | 21/07/2025 | Quyết định về việc đề xuất hình thức tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026                                                                                                                                                                                    |
| 48  | 102/QĐ-HĐQT                    | 31/07/2025 | Quyết định V/v Thủ tục đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Dược – Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)                                                                     |
| 49  | 104/QĐ-HĐQT                    | 04/08/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu XL15 – Thang máy tải khách thuộc Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ                                                                                                |
| 50  | 106/BB-HĐQT                    | 04/08/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Thiết bị kiểm nghiệm Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 thuộc Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ (Lần phê duyệt thứ 3)                                                     |
| 51  | 108/QĐ-HĐQT                    | 19/08/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ tổ chức ĐHĐCĐ                                                                                                                                                                       |
| 52  | 110/QĐ-HĐQT                    | 20/08/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu XL13 - Thiết kế, chế tạo, cung cấp, lắp đặt, chuyển giao hệ thống tạo và phân phối khí (khí nén, khí nito, khí hóa lỏng) thuộc Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ. |
| 53  | 112/NQ-HĐQT                    | 22/08/2025 | Nghị quyết HĐQT định kỳ Quý III/2025                                                                                                                                                                                                                   |
| 54  | 114/QĐ-HĐQT                    | 27/08/2025 | Quyết định V/v Thông qua kết quả phân phối cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)                                                                         |
| 55  | 116/QĐ-HĐQT                    | 09/09/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu XL14-Thi công, lắp đặt hệ thống điện nhẹ và hệ thống đồng hồ đồng bộ thời gian Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ.                                                 |
| 56  | 118/QĐ-HĐQT                    | 23/09/2025 | Quyết định về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư, mua sắm 2025                                                                                                                                                                                     |
| 57  | 121/QĐ-HĐQT                    | 13/10/2025 | Quyết định về việc phê duyệt chủ trương lựa chọn nhân sự kế thừa cho vị trí Phó Tổng Giám đốc                                                                                                                                                          |
| 58  | 123/QĐ-HĐQT                    | 28/11/2025 | Quyết định về việc bổ nhiệm nhân sự Ban KTNB                                                                                                                                                                                                           |
| 59  | 124/QĐ-HĐQT                    | 28/11/2025 | Quyết định về việc bổ nhiệm lại nhân sự Ban KTNB                                                                                                                                                                                                       |
| 60  | 126/NQ-HĐQT                    | 03/12/2025 | Nghị quyết HĐQT định kỳ Quý 4 năm 2025                                                                                                                                                                                                                 |
| 61  | 128/NQ-HĐQT                    | 08/12/2025 | Nghị quyết vv phê duyệt TMDT dự án, vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm để thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Bình Định                |
| 62  | 130/NQ-HĐQT                    | 19/12/2025 | Quyết định về việc phê duyệt phê duyệt đầu tư dây chuyền đóng can dịch thận 10 lít tại Phân xưởng sản xuất dịch thận - 498 Nguyễn Thái Học.                                                                                                            |
| 63  | 133/QĐ-HĐQT                    | 25/12/2025 | Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cải tạo hệ thống HVAC phòng kiểm nghiệm vi sinh, thay mới FCU nước sang Gas Phân xưởng tiêm bột betalactam 2, lắp đặt AHU cho Isolator Chi nhánh Nhơn Hội.                             |
| 64  | 134/QĐ-HĐQT                    | 25/12/2025 | Quyết định về việc phê duyệt chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Đồng Tháp và chuyển đổi mô hình hoạt động của Chi nhánh Đồng Tháp thành địa điểm kinh doanh trực thuộc Chi nhánh Cần Thơ.                                                                |
| 65  | 135/QĐ-HĐQT                    | 25/12/2025 | Quyết định về phê duyệt chủ trương nâng cấp, mở rộng hệ thống phần mềm SAP ERP                                                                                                                                                                         |
| 66  | 137/QĐ-HĐQT                    | 27/12/2025 | Quyết định về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư, mua sắm 2026                                                                                                                                                                                     |

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

### DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Tại ngày báo cáo, cơ cấu thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) có 02 thành viên độc lập (chiếm 28% số lượng thành viên HĐQT), phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.

Danh sách thành viên độc lập HĐQT như sau:

- Ông Tạ Nam Bình: Chủ tịch HĐQT.
- Bà Nguyễn Thị Minh Giang: Thành viên HĐQT – Chủ tịch Ủy ban kiểm toán (“UBKT”).

### BÁO CÁO CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT – TẠ NAM BÌNH

#### 1. Kết quả giám sát chung về tình hình hoạt động Công ty

• Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 1-2 năm gần đây có dấu hiệu chuyển lại sau giai đoạn tăng trưởng mạnh, chủ yếu do việc triển khai và thực hiện một số mục tiêu chiến lược của Công ty trong giai đoạn 2022–2026 chưa đạt như kỳ vọng.

• Trong giai đoạn tiếp theo, HĐQT và Ban điều hành (“BDH”) cần tập trung thực hiện quyết liệt hơn các nhóm nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2026-2030 nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững. Trên cơ sở định hướng chiến lược, Công ty tập trung triển khai các nhóm mục tiêu chủ yếu sau:

+ Tiếp tục đầu tư và hoàn thiện các điều kiện để đáp ứng tiêu chuẩn GMP-EU đối với Nhà máy sản xuất thuốc

#### 2. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro

• Rủi ro về nguồn nhân sự được xác định là một trong những rủi ro trọng yếu của Công ty. Trên thực tế, rủi ro này đã và đang có tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty trong bối cảnh Công ty đang đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, cả từ các yếu tố bên

vô trùng thể tích nhỏ, qua đó nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường.

+ Thực hiện đa dạng hóa danh mục sản phẩm phân phối, ưu tiên các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong từng giai đoạn.

+ Tiếp tục đa dạng hóa và phát triển các kênh phân phối, mở rộng độ bao phủ thị trường, nâng cao hiệu quả phân phối và giảm thiểu rủi ro từ việc phụ thuộc vào một kênh phân phối nhất định.

ngoài. HĐQT đã chỉ đạo BDH đẩy mạnh công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời xây dựng và triển khai kế hoạch quy hoạch đội ngũ nhân sự kế cận nhằm bảo đảm tính ổn định và phát triển bền vững của Công ty.

• Hoạt động kiểm soát nội bộ của Công ty vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện, đặc biệt tại Khối Kinh doanh và Khối Hỗ trợ. HĐQT đã định hướng việc xây dựng bộ phận chuyên trách về Pháp chế, Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro nhằm tăng cường công tác kiểm tra giám sát trong quá trình hoạt động. Ngoài ra, trong giai đoạn chưa xây dựng được bộ phận chuyên trách, BDH cần thường xuyên thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá hoạt động kiểm soát nội bộ của

#### 3. Kết quả giám sát đối với HĐQT và BDH

• Các thành viên HĐQT cần dành nhiều thời gian hơn trong việc nghiên cứu, xem xét và kịp thời tham gia đóng góp ý kiến đối với các vấn đề mang tính chiến lược, có tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong cả ngắn hạn và dài hạn. Hiện nay, mức độ tham gia ý kiến đối với một số nội dung chưa thật sự đồng đều giữa các thành viên.

### BÁO CÁO CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT TRONG UBKT NGUYỄN THỊ MINH GIANG

#### 1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT và từng thành viên UBKT

• Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT và từng thành viên UBKT tuân thủ đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Công ty nhằm rà soát, hạn chế các rủi ro trong quá trình sản xuất, vận hành, kinh doanh.

• HĐQT vẫn đang tiếp tục thực hiện hoạt động hậu kiểm thông qua UBKT và Ban KTNB. Trong năm 2025, HĐQT đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của BDH và các bộ phận về quan điểm đánh giá rủi ro và quản trị rủi ro nhằm làm cơ sở nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban KTNB trong năm 2026.

• Ban điều hành cần tiếp tục nâng cao vai trò tham mưu, chủ động và kịp thời cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của HĐQT, nhằm bảo đảm cơ sở đầy đủ cho việc xem xét và ra quyết định của HĐQT. Hiện nay, trong một số trường hợp, thông tin cung cấp vẫn chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời theo yêu cầu.

#### 2. Các cuộc họp của UBKT và kết luận, kiến nghị của UBKT

##### Các cuộc họp của UBKT:

• Với vai trò trực tiếp quản lý Ban KTNB, UBKT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý (trong năm 2025 đã tổ chức 04 cuộc họp) để định hướng, giám sát hoạt động của Ban KTNB.

Các kết luận và kiến nghị của Ban KTNB đã được UBKT xem xét, đánh giá và thống nhất trước khi gửi tới HĐQT và BDH để triển khai thực hiện.

##### Các cuộc họp của UBKT:

• BDH cần thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống các văn bản nội bộ, quy trình hoạt động của các bộ phận nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả

hoạt động kiểm soát nội bộ.

• BDH cần xây dựng cơ chế giám sát việc thực hiện các khuyến nghị KTNB để đảm bảo các nội dung đã được thống nhất thực thi một cách hiệu quả trên thực tế.

• BDH tiếp tục nâng cao chất lượng các báo cáo và chủ động/minh bạch hơn về thông tin để hỗ trợ cho quá trình ra quyết định của HĐQT.

### 3. Kết quả giám sát đối với Báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính

- Báo cáo tài chính trong năm 2025 được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành; được ban hành hợp lệ, đúng thẩm quyền và tuân thủ chế độ công bố thông tin đối với công ty niêm yết; và phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính của Công ty.
- Công ty kiểm toán được lựa chọn năm 2025 (Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam) đảm bảo độ tin cậy, trung thực,

tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.

- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán, qua đó cung cấp cơ sở đảm bảo độc lập về tính chính xác và độ tin cậy của thông tin tài chính được công bố.

### 4. Giao dịch giữa người nội bộ Bidiphar, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Bidiphar nắm quyền kiểm soát:

- Bidiphar đã tuân thủ quy định có liên quan về thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và thuyết minh Giao dịch giữa người nội bộ Bidiphar, người có liên quan của người

nội bộ với Bidiphar, công ty con, công ty do Bidiphar nắm quyền kiểm soát. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

### 5. Kết quả đánh giá đối với hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro

- Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro được thiết lập tốt ở Khối sản xuất (theo tiêu chuẩn ngành), tuy nhiên có nhiều điểm cần cải thiện đối với Khối kinh doanh và Khối hỗ trợ.
- BĐH đã từng bước rà soát các quá trình

hoạt động của phòng ban chuyên môn; sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản, bao gồm các quy định, quy trình liên quan tới hoạt động vận hành, nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

### 6. Kết quả giám sát đối với HĐQT và Ban điều hành

#### Hoạt động của HĐQT:

- Hoạt động của HĐQT trong năm 2025 tuân thủ quy định pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với quy định và tuân thủ hoạt động công bố thông tin.
- Các thành viên HĐQT tuân thủ đầy đủ quy định trong việc tham gia các cuộc họp HĐQT; thảo luận, biểu quyết độc lập, khách quan nhằm đảm bảo cao nhất lợi ích của Công ty.
- HĐQT đã đề xuất giải pháp hiệu quả, kịp thời để hỗ trợ BĐH trong quá trình vận hành công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
- HĐQT đã thực hiện giám sát BĐH và các cán bộ quản lý trong việc: tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ; triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; công tác điều hành hoạt động sản xuất

kinh doanh đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động của Ban điều hành trong điều hành hoạt động kinh doanh thường xuyên.

#### Hoạt động của BĐH:

- BĐH đã thực hiện đầy đủ và kịp thời các quyết định, nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- BĐH phát huy tốt tính chủ động chủ động trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thành viên HĐQT giữ chức danh trong BĐH thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của BĐH. Các quyết định quan trọng của BĐH đều được phân tích, phản biện và tham vấn từ HĐQT nhằm bảo đảm lợi ích của Công ty.

### 7. Kết quả đánh giá sự phối hợp giữa UBKT với HĐQT Tổng Giám đốc và các cổ đông

- UBKT chủ động phối hợp với HĐQT, TGD trong việc thực hiện các nhiệm vụ,

tuân thủ theo quy định tại Quy chế hoạt động của UBKT đã được ban hành.

# ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## ỦY BAN KIỂM TOÁN

### THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN

| STT | Thành viên Ủy ban Kiểm toán | Chức vụ    | Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban kiểm toán | Ngày không còn là thành viên Ủy ban kiểm toán | Trình độ chuyên môn           |
|-----|-----------------------------|------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Minh Giang       | Chủ tịch   | 27/04/2024                                  | N/A                                           | Kỹ sư CNTT, Thạc sĩ Tài chính |
| 2   | Phan Tấn Thư                | Thành viên | 27/04/2024                                  | N/A                                           | Cử nhân Kinh tế               |

## BÁO CÁO ỦY BAN KIỂM TOÁN

### Hoạt động chung của Ủy ban kiểm toán:

- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban điều hành, giám sát các hoạt động của công ty tuân thủ pháp luật, điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty.
- Đánh giá và kiến nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2025 và chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ giám sát việc thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của kiểm toán độc lập.
- Chỉ đạo Ban kiểm toán nội bộ thực hiện việc kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty.
- Chỉ đạo Thư ký Công ty rà soát và đánh giá các giao dịch liên quan, hoàn thiện các quy định về giám sát, soát xét các giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan.
- Chỉ đạo và đánh giá hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ thực hiện các hoạt động trong năm 2025.

### CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM TOÁN

| STT | Thành viên Ủy ban Kiểm toán | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Minh Giang       | 4/4                 | 100%              | 100%             | N/A                     |
| 2   | Phan Tấn Thư                | 4/4                 | 100%              | 100%             | N/A                     |

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Giám sát nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật và các quy định quản lý nội bộ của Công ty.

Giám sát hoạt động rà soát các giao dịch của Công ty với người nội bộ và người có liên quan, có các khuyến nghị Ban điều hành ban hành các quy định để tăng tính kiểm soát và tuân thủ các quy định và quy chế của Công ty.

Giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Kiến nghị Ban điều hành thực hiện các hành động hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.

Theo dõi việc thực thi kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2025 của Tổng Giám đốc và Ban điều hành.

## SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Ủy ban Kiểm toán nhận được sự hỗ trợ từ Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Phối hợp với Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện chương trình hành động để nâng cao hiệu quả về kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và quản trị công ty năm 2025.

Chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025. Ủy ban Kiểm toán tổ chức họp định kỳ hằng quý để trao đổi với Ban điều hành về kết quả hoạt động Kiểm toán nội bộ.

## TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC

Được thành lập theo Quyết định số 1066/QĐ-HĐQT ngày 27/06/2024, Tiểu ban Chiến lược có các chức năng và nhiệm vụ sau:

### CHỨC NĂNG

Xây dựng và giám sát việc thực hiện các Chiến lược ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty.

### NHIỆM VỤ

- Chủ trì xây dựng chiến lược phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các chiến lược về nhân sự, tiền lương; số hóa; chuẩn hóa hệ thống quản trị; phát triển thị trường,...
- Tổ chức rà soát định kỳ mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch hành động trong Chiến lược và điều chỉnh nếu cần thiết.
- Giám sát việc thực hiện mục tiêu cấp chiến lược của Công ty.

Trong năm 2025, Tiểu ban Chiến lược đã phát huy vai trò theo dõi, giám sát và định hướng chiến lược đối với các hoạt động trọng tâm của Công ty. Theo đó, Tiểu ban thường xuyên theo dõi, đánh giá và kịp thời đưa ra các chỉ đạo đối với hoạt động triển khai các Dự án GMP-EU, qua đó hỗ trợ Ban Điều hành trong việc kiểm soát tiến độ và định hướng các nội dung triển khai phù hợp với mục tiêu đã đề ra. Bên cạnh đó, Tiểu ban Chiến lược đã chỉ đạo Ban Điều hành triển khai nhiều nội dung quan trọng, bao gồm công tác xây dựng và đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa; đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu và đăng ký thuốc; xây dựng Kế hoạch sắp xếp lại hệ thống chi nhánh sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính. Trong đó, đối

với hoạt động đào tạo nhân sự kế thừa, Công ty đã hoàn thành việc rà soát và xác định danh sách nhân sự kế thừa; trên cơ sở đó, kế hoạch đào tạo chi tiết và chương trình đào tạo sẽ được xây dựng và triển khai trong năm 2026.

Ngoài ra, Tiểu ban Chiến lược cũng đã chỉ đạo triển khai hoạt động luân chuyển cán bộ nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ quản lý và nhân sự tiềm năng được rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, góp phần nâng cao năng lực quản trị và bảo đảm tính kế thừa, ổn định trong bộ máy tổ chức. Đồng thời, Tiểu ban luôn theo sát tình hình sản xuất – kinh doanh của Công ty và kịp thời đưa ra các chỉ đạo cần thiết, hỗ trợ Ban Điều hành chủ động ứng phó với các biến động và hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

## TIỂU BAN QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR)

Được thành lập theo Quyết định số 1067/QĐ-HĐQT ngày 27/06/2024, Tiểu ban quan hệ nhà đầu tư có các chức năng và nhiệm vụ sau:

### CHỨC NĂNG

Quan hệ nhà đầu tư mục tiêu để cổ đông, nhà đầu tư tương lai và các bên có liên quan như công ty chứng khoán, phương tiện thông tin, chuyên gia, nhà phân tích hiểu đúng, chính xác giá trị của công ty, bao gồm cả lợi ích hiện tại và tiềm năng của công ty, giúp thuận lợi hơn trong huy động vốn cũng như gia tăng tính thanh khoản của cổ phần Công ty.

### NHIỆM VỤ

- Thay đổi nhận thức của các nhà đầu tư và các bên liên quan về giá trị hiện tại, tiềm năng phát triển của Công ty.
- Tăng mức khuyến nghị từ nhà phân tích, tăng sự đa dạng về cơ cấu cổ đông.
- Giảm mức biến động tiêu cực giá cổ phiếu.
- Quản lý các nhà đầu tư hiện có.
- Hỗ trợ cung cấp thông tin một cách nhất quán, chính xác, phù hợp, dễ hiểu, hấp dẫn và đúng nhu cầu mong muốn đến nhà đầu tư các đối tượng khác nhau.
- Kiểm soát được thông tin truyền tải không chỉ trong nội bộ công ty mà còn ra bên ngoài.
- Tổ chức các cuộc hội thảo để Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc dành thời gian đối thoại, chia sẻ thông tin về tình hình hoạt động của công ty trực tiếp với các cổ đông, nhà đầu tư tiềm năng, ngoài hỏi đáp trong các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2025, Tiểu ban Quan hệ Nhà đầu tư (IR) đã triển khai đồng bộ các hoạt động truyền thông và kết nối với cổ đông, nhà đầu tư nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả công tác IR của Bidiphar. Công ty duy trì việc cung cấp thông tin định kỳ thông qua các bản tin IR, hoạt động trả lời câu hỏi của nhà đầu tư theo quý, đồng thời cập nhật kịp thời các thông tin về kết quả kinh doanh, hoạt động sản xuất – kinh doanh và các sự kiện nổi bật thông qua nhiều kênh như email trực tiếp, website Công ty và các nền tảng truyền thông chính thức. Bên cạnh đó, Tiểu ban IR đã chủ động tổ chức và tham gia các buổi làm việc, hội thảo, gặp gỡ trực tiếp và tham quan nhà máy với nhiều quỹ đầu tư, tổ chức tài chính trong và ngoài nước, qua đó tăng cường trao đổi thông tin và củng cố mối quan hệ với cộng đồng nhà đầu tư. Thông qua quá trình tiếp xúc và trao đổi, Tiểu ban IR

ghi nhận sự quan tâm của nhà đầu tư đối với các nội dung trọng tâm như kết quả kinh doanh, tiến độ đầu tư nhà máy, kế hoạch cấp chứng nhận GMP-EU, chính sách cổ tức, cơ cấu và tăng trưởng doanh thu, cũng như diễn biến của ngành và thị trường. Đồng thời, Tiểu ban IR đã phối hợp triển khai trao đổi thông tin với các nhà đầu tư chiến lược tiềm năng trên cơ sở ký kết thỏa thuận bảo mật (NDA), tập trung thảo luận các cơ hội hợp tác chiến lược trong trung và dài hạn. Trên cơ sở các ý kiến góp ý của nhà đầu tư, Tiểu ban IR tiếp tục hoàn thiện công tác truyền thông theo hướng tăng cường tần suất và chất lượng tương tác. Những nỗ lực này đã góp phần tích cực vào việc duy trì sự quan tâm của nhà đầu tư, hỗ trợ ổn định giao dịch cổ phiếu và thể hiện qua các chỉ tiêu về vốn hóa thị trường, thanh khoản cổ phiếu và tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2025.

# THÔNG TIN THÙ LAO, LƯƠNG THƯỞNG & GIAO DỊCH NỘI BỘ

## THÔNG TIN THÙ LAO VÀ LƯƠNG THƯỞNG

Thù lao của các thành viên HĐQT, Ban TGD và Ủy ban Kiểm toán được công bố công khai nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin từ cổ đông và các bên liên quan.

- Tổng thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định. Mức thù lao thực chi trả cho từng thành viên do Chủ tịch HĐQT đề xuất cho HĐQT xét duyệt dựa trên vai trò, nhiệm vụ, kết quả hoạt động của từng cá nhân và của công ty trong năm, và tạo động lực để HĐQT lãnh đạo công ty đạt được cả mục tiêu ngắn hạn và dài hạn.
- Tổng thu nhập của Ban điều hành từ lương, thưởng và thù lao được phân phối theo tổng quỹ thưởng Ban điều hành do ĐHĐCĐ quyết định.

Thù lao chi trả trong năm 2025: Chi tiết thù lao của các thành viên HĐQT, Ban TGD và Ủy ban Kiểm toán của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được công bố như sau:

| STT | Thành viên HĐQT       | Chức vụ                                   | Thu nhập năm 2024<br>(ĐVT: đồng) | Thu nhập năm 2025<br>(ĐVT: đồng) | Ghi chú                                                                             |
|-----|-----------------------|-------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tạ Nam Bình           | Chủ tịch HĐQT/<br>Thành viên HĐQT độc lập | 650.000.000                      | 968.000.000                      | -                                                                                   |
| 2   | Phạm Thị Thanh Hương  | Thành viên HĐQT/TGD                       | 3.872.050.000                    | 8.334.958.642                    | Năm 2025 Ban điều hành nhận chi thưởng Ban điều hành của các năm 2022, 2023 và 2024 |
| 3   | Nguyễn Ngọc Dũng      | Thành viên HĐQT/<br>Phó TGD               | 3.146.191.596                    | 5.038.977.580                    | Năm 2025 Ban điều hành nhận chi thưởng Ban điều hành của các năm 2022, 2023 và 2024 |
| 4   | Nguyễn Tiến Hải       | Thành viên HĐQT<br>không điều hành        | 750.000.000                      | 667.000.000                      | -                                                                                   |
| 5   | Trương Thanh Liêm     | Thành viên HĐQT<br>không điều hành        | 1.383.165.000                    | 1.144.406.667                    | -                                                                                   |
| 6   | Nguyễn Thị Minh Giang | Thành viên HĐQT<br>độc lập                | 0                                | 817.000.000                      | -                                                                                   |
| 7   | Phan Tấn Thư          | Thành viên HĐQT<br>không điều hành        | 30.000.000                       | 767.000.000                      | -                                                                                   |

| STT | Thành viên Ban TGD   | Chức vụ                               | Thu nhập năm 2024<br>(ĐVT: đồng) | Thu nhập năm 2025<br>(ĐVT: đồng) | Ghi chú                                                                             |
|-----|----------------------|---------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Phạm Thị Thanh Hương | Tổng Giám đốc                         | Như trên                         | Như trên                         | -                                                                                   |
| 2   | Nguyễn Ngọc Dũng     | Phó Tổng Giám đốc                     | Như trên                         | Như trên                         | -                                                                                   |
| 3   | Huỳnh Ngọc Oanh      | Phó Tổng Giám đốc<br>(đến 31/12/2024) | 2.842.700.000                    | 1.745.500.000                    | Năm 2025 Ban điều hành nhận chi thưởng Ban điều hành của các năm 2022, 2023 và 2024 |
| 4   | Bành Thị Ngọc Quỳnh  | Phó Tổng Giám đốc                     | 2.270.030.000                    | 3.441.175.397                    | Năm 2025 Ban điều hành nhận chi thưởng Ban điều hành của các năm 2022, 2023 và 2024 |

| STT | Thành viên UBKT       | Chức vụ    | Thu nhập năm 2024<br>(ĐVT: đồng) | Thu nhập năm 2025<br>(ĐVT: đồng) | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------|----------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1   | Nguyễn Thị Minh Giang | Chủ tịch   | Như trên                         | Như trên                         | -       |
| 2   | Phan Tấn Thư          | Thành viên | Như trên                         | Như trên                         | -       |

THÔNG TIN  
THÙ LAO, LƯƠNG THƯỞNG  
& GIAO DỊCH NỘI BỘ

THÔNG TIN GIAO DỊCH NỘI BỘ

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan  
đối với cổ phiếu của công ty

| STT | Người thực hiện<br>giao dịch               | Quan hệ với<br>người nội bộ                               | Số cổ phiếu sở hữu<br>đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ |       | Lý do tăng,<br>giảm (mua,<br>bán, chuyển<br>đổi, thưởng...) |
|-----|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------|-------|-------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------|
|     |                                            |                                                           | Số cổ<br>phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ<br>phiếu                | Tỷ lệ |                                                             |
| 1   | Nguyễn Thị Thùy Linh                       | Em dâu ông<br>Trương Thanh Liêm<br>– TV HĐQT              | 195.000                      | 0,21% | 205.000                       | 0,22% | Mua                                                         |
| 2   | Trương Công Minh                           | Em ruột ông<br>Trương Thanh Liêm<br>– TV HĐQT             | 1.081.249                    | 1,16% | 1.006.249                     | 1,06% | Bán                                                         |
| 3   | Công ty cổ phần<br>chứng khoán Bảo<br>Minh | Tổ chức có liên quan<br>của ông Phan Tấn Thư<br>– TV HĐQT | 2.814.500                    | 3,01% | 0                             | 0,00% | Bán                                                         |

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty;  
hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ,  
người có liên quan của người nội bộ

| STT | Tên tổ<br>chức/cá<br>nhân                              | Mối quan<br>hệ liên<br>quan với<br>công ty                     | Số Giấy NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp                                           | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ           | Thời điểm<br>giao dịch<br>với công ty       | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br>của ĐHĐCĐ/<br>HĐQT... thông<br>qua (nếu có,<br>nêu rõ ngày<br>ban hành)                             | Nội dung, số<br>lượng, tổng giá<br>trị giao dịch                               | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | Công ty<br>TNHH MTV<br>Thương<br>mại<br>Bidiphar       | Công ty<br>con/Người<br>có liên<br>quan của<br>người nội<br>bộ | Số GCN:4101538232<br>Ngày cấp: 22/02/2019<br>Nơi cấp: Sở KH&ĐT<br>Bình Định  | Số 365 Trần<br>Hưng Đạo,<br>phường Quy<br>Nhơn, Gia Lai  | Từ ngày<br>01/01/2025<br>đến<br>31/12//2025 | Nghị quyết<br>HĐQT số 1455/<br>NQ-HĐQT ngày<br>30/08/2024 về<br>việc chấp thuận<br>hợp đồng, giao<br>dịch với Người<br>có liên quan | Bán hàng:<br>105.338.885.908<br>đồng<br><br>Mua hàng:<br>54.321.126 đồng       | N/A        |
| 2   | Công ty<br>TNHH MTV<br>Dược liệu<br>hữu cơ<br>Bidiphar | Công ty<br>con/Người<br>có liên<br>quan của<br>người nội<br>bộ | Số GCN: 4101619107<br>Ngày cấp: 19/08/2022<br>Nơi cấp: Sở KH&ĐT<br>Bình Định | Thôn 3, xã<br>An Toàn,<br>Gia Lai                        | Từ ngày<br>01/01/2025<br>đến<br>31/12//2025 | Nghị quyết<br>HĐQT số 1455/<br>NQ-HĐQT ngày<br>30/08/2024 về<br>việc chấp thuận<br>hợp đồng, giao<br>dịch với Người<br>có liên quan | Mua hàng:<br>657.127.099 đồng                                                  | N/A        |
| 3   | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>tỉnh Bình<br>Định          | Cổ đông<br>lớn                                                 | Số GCN: 1086 QĐ/UB<br>Ngày cấp:08/05/1997                                    | Số 181<br>Lê Hồng Phong,<br>P. Quy Nhơn,<br>Tỉnh Gia Lai | Từ ngày<br>01/01/2025<br>đến<br>31/12//2025 | Nghị quyết<br>HĐQT số 1455/<br>NQ-HĐQT ngày<br>30/08/2024 về<br>việc chấp thuận<br>hợp đồng, giao<br>dịch với Người<br>có liên quan | Trả nợ gốc:<br>16.000.000.000<br>đồng<br>Trả lãi vay:<br>3.931.722.000<br>đồng | N/A        |

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)  
VÀ CÁC CÔNG TY CON

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025)

## NỘI DUNG

- THÔNG TIN CHUNG
- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

# THÔNG TIN CHUNG

## CÔNG TY

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)** (“Công ty”) tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) lần đầu số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang mô hình công ty cổ phần theo GCNĐKDN số 4100259564 điều chỉnh lần 2 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 3 năm 2014, và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 14 do Phòng Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể thuộc Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp ngày 11 tháng 9 năm 2025.

**Cổ phiếu của Công ty** được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch cổ phiếu là DBD theo Giấy phép số 185/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 24 tháng 5 năm 2018.

**Hoạt động chính trong năm hiện tại** của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế.

**Công ty có trụ sở chính đăng ký** tại 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có mười bảy (17) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh, thành phố khác tại Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:*

|                                 |                                          |
|---------------------------------|------------------------------------------|
| <b>Ông Tạ Nam Bình</b>          | Chủ tịch Thành viên / Thành viên độc lập |
| <b>Ông Nguyễn Tiến Hải</b>      | Thành viên                               |
| <b>Bà Phạm Thị Thanh Hương</b>  | Thành viên                               |
| <b>Ông Nguyễn Ngọc Dũng</b>     | Thành viên                               |
| <b>Ông Trương Thanh Liêm</b>    | Thành viên                               |
| <b>Ông Phan Tấn Thư</b>         | Thành viên                               |
| <b>Bà Nguyễn Thị Minh Giang</b> | Thành viên độc lập                       |

## ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:*

|                                 |            |
|---------------------------------|------------|
| <b>Bà Nguyễn Thị Minh Giang</b> | Chủ tịch   |
| <b>Ông Phan Tấn Thư</b>         | Thành viên |

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

*Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:*

|                                |                   |
|--------------------------------|-------------------|
| <b>Bà Phạm Thị Thanh Hương</b> | Tổng Giám đốc     |
| <b>Ông Nguyễn Ngọc Dũng</b>    | Phó Tổng Giám đốc |
| <b>Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh</b>  | Phó Tổng Giám đốc |

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là **Bà Phạm Thị Thanh Hương**.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

*Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang Thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.*

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Thị Thanh Hương  
**Tổng Giám đốc**

*Tỉnh Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 3 năm 2026*

Số tham chiếu: 12315209/68628197-HN

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

## Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trunVg thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

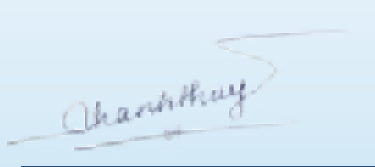
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2266-2023-004-1

*Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 3 năm 2026*



Trần Thanh Thúy  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3076-2024-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

| MÃ SỐ | TÀI SẢN                                    | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM       | SỐ ĐẦU NĂM        |
|-------|--------------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| 100   | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN                        |             | 1.480.040.155.611 | 1.476.280.617.777 |
| 110   | I.Tiền và các khoản tương đương tiền       | 4           | 202.783.644.602   | 314.198.731.825   |
| 111   | 1. Tiền                                    |             | 54.783.644.602    | 56.698.731.825    |
| 112   | 2. Các khoản tương đương tiền              |             | 148.000.000.000   | 257.500.000.000   |
| 120   | II.Đầu tư tài chính ngắn hạn               |             | 409.201.393.300   | 124.421.158.600   |
| 121   | 1. Chứng khoán kinh doanh                  |             | 1.393.300         | 1.393.300         |
| 123   | 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn         | 5           | 409.200.000.000   | 124.419.765.300   |
| 130   | III.Các khoản phải thu ngắn hạn            |             | 481.814.409.349   | 520.222.627.983   |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng        | 6.1         | 495.347.003.230   | 504.877.324.434   |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn        | 6.2         | 40.788.245.884    | 76.498.728.383    |
| 136   | 3. Phải thu ngắn hạn khác                  | 7           | 8.933.170.440     | 6.918.534.026     |
| 137   | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi      | 8           | (63.254.010.205)  | (68.071.958.860)  |
| 140   | IV.Hàng tồn kho                            | 9           | 366.109.634.763   | 505.380.962.218   |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                            |             | 397.619.665.024   | 532.336.906.627   |
| 149   | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho          |             | (31.510.030.261)  | (26.955.944.409)  |
| 150   | V.Tài sản ngắn hạn khác                    |             | 20.131.073.597    | 12.057.137.151    |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn              | 10          | 8.972.511.923     | 8.653.554.344     |
| 152   | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                 |             | 10.800.145.333    | 1.895.670.328     |
| 153   | 3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 16          | 358.416.341       | 1.507.912.479     |
| 200   | B. TÀI SẢN DÀI HẠN                         |             | 1.116.173.559.655 | 787.925.914.939   |
| 220   | I.Tài sản cố định                          |             | 354.226.404.219   | 337.549.679.184   |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                | 11          | 271.987.287.244   | 280.725.745.444   |
| 222   | Nguyên giá                                 |             | 849.656.422.084   | 810.661.849.768   |
| 223   | Giá trị khấu hao lũy kế                    |             | (577.669.134.840) | (529.936.104.324) |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                 | 12          | 82.239.116.975    | 56.823.933.740    |
| 228   | Nguyên giá                                 |             | 103.210.817.688   | 76.110.993.392    |
| 229   | Giá trị hao mòn lũy kế                     |             | (20.971.700.713)  | (19.287.059.652)  |
| 240   | II.Tài sản dở dang dài hạn                 |             | 540.162.602.121   | 233.459.463.621   |
| 242   | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang         | 13          | 540.162.602.121   | 233.459.463.621   |
| 250   | III.Đầu tư tài chính dài hạn               | 14          | 163.965.069.911   | 164.241.726.585   |
| 252   | 1. Đầu tư vào công ty liên kết             |             | 162.451.534.940   | 162.728.191.614   |
| 253   | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác          |             | 3.513.534.971     | 3.513.534.971     |
| 254   | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn       |             | (2.000.000.000)   | (2.000.000.000)   |
| 260   | IV.Tài sản dài hạn khác                    |             | 57.819.483.404    | 52.675.045.549    |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn               | 10          | 42.059.071.473    | 39.382.942.604    |
| 262   | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại          | 29.3        | 15.760.411.931    | 13.292.102.945    |
| 270   | TỔNG CỘNG TÀI SẢN                          |             | 2.596.213.715.266 | 2.264.206.532.716 |

VND

| MÃ SỐ | NGUỒN VỐN                                                     | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM       | SỐ ĐẦU NĂM        |
|-------|---------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| 300   | C. NỢ PHẢI TRẢ                                                |             | 860.234.784.589   | 603.065.716.999   |
| 310   | I.Nợ ngắn hạn                                                 |             | 587.673.892.225   | 460.154.613.654   |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 15.1        | 217.824.029.248   | 160.802.900.081   |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          | 15.2        | 15.454.643.486    | 15.976.752.341    |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 16          | 53.527.734.518    | 27.372.531.041    |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                                    |             | 93.472.143.498    | 78.337.451.082    |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 17          | 26.188.049.685    | 19.823.557.873    |
| 319   | 6. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 18          | 9.881.257.721     | 8.681.086.654     |
| 320   | 7. Vay ngắn hạn                                               | 19          | 43.214.775.628    | 35.913.500.637    |
| 322   | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                  | 20          | 128.111.258.441   | 113.246.833.945   |
| 330   | II.Nợ dài hạn                                                 |             | 272.560.892.364   | 142.911.103.345   |
| 314   | 1. Vay dài hạn                                                | 17          | 132.000.000.000   | 28.000.000.000    |
| 315   | 2. Dự phòng phải trả dài hạn                                  | 18          | 7.790.562.288     | 7.267.083.725     |
| 319   | 3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ                       | 19          | 132.770.330.076   | 107.644.019.620   |
| 400   | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU                                             |             | 1.735.978.930.677 | 1.661.140.815.717 |
| 410   | I.Vốn chủ sở hữu                                              | 22.1        | 1.733.736.746.936 | 1.658.732.981.612 |
| 411   | 1. Vốn cổ phần                                                |             | 945.293.470.000   | 935.938.470.000   |
| 411a  | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      |             | 945.293.470.000   | 935.938.470.000   |
| 412   | 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       |             | 20.921.442.000    | 20.921.442.000    |
| 415   | 3. Cổ phiếu quỹ                                               |             | (1.952.796.558)   | (1.952.796.558)   |
| 417   | 4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                 |             | 8.804.077.510     | 4.790.551.103     |
| 418   | 5. Quỹ đầu tư phát triển                                      |             | 230.880.981.458   | 201.686.964.998   |
| 421   | 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          |             | 529.789.572.526   | 497.348.350.069   |
| 421a  | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |             | 307.961.246.104   | 288.210.068.687   |
| 421b  | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm                 |             | 221.828.326.422   | 209.138.281.382   |
| 430   | II.Nguồn kinh phí và quỹ khác                                 | 23          | 2.242.183.741     | 2.407.834.105     |
| 431   | 1.Nguồn kinh phí                                              |             | 719.369.206       | 38.936.237        |
| 432   | 2.Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định                |             | 1.522.814.535     | 2.368.897.868     |
| 440   | TỔNG CỘNG TÀI SẢN                                             |             | 2.596.213.715.266 | 2.264.206.532.716 |

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 3 năm 2026



Lê Thị Kiều My  
Người lập



Đỗ Huy Phương  
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hương  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| VND   |                                                   |             |                   |                   |
|-------|---------------------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| MÃ SỐ | CHỈ TIÊU                                          | THUYẾT MINH | NĂM NAY           | NĂM TRƯỚC         |
| 01    | 1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 24.1        | 1.946.612.659.958 | 1.817.259.164.083 |
| 02    | 2.Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 24.1        | (81.233.070.327)  | (89.710.776.512)  |
| 10    | 3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24.1        | 1.865.379.589.631 | 1.727.548.387.571 |
| 11    | 4.Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp            | 25          | (981.000.795.265) | (894.975.138.716) |
| 20    | 5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 884.378.794.366   | 832.573.248.855   |
| 21    | 6.Doanh thu hoạt động tài chính                   | 24.2        | 25.189.164.182    | 13.359.148.358    |
| 22    | 7.Chi phí tài chính                               | 27          | (14.617.224.889)  | (16.928.510.396)  |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                         |             | (3.846.557.387)   | (4.058.137.920)   |
| 24    | 8.Phần lãi trong công ty liên kết                 | 14.1        | 12.280.174.884    | 27.063.089.931    |
| 25    | 9.Chi phí bán hàng                                | 26          | (418.308.462.079) | (404.195.096.035) |
| 26    | 10.Chi phí quản lý doanh nghiệp                   | 26          | (139.794.488.425) | (122.785.668.843) |
| 30    | 11.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        |             | 349.127.958.039   | 329.086.211.870   |
| 31    | 12.Thu nhập khác                                  |             | 767.103.104       | 1.077.222.036     |
| 32    | 13.Chi phí khác                                   |             | (3.813.024.763)   | (5.027.909.575)   |
| 40    | 14.Lỗ khác                                        |             | (3.045.921.659)   | (3.950.687.539)   |
| 50    | 15.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | 346.082.036.380   | 325.135.524.331   |
| 51    | 16.Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 29.1        | (56.610.180.760)  | (55.276.507.052)  |
| 52    | 17.Thu nhập thuế TNDN hoãn lại                    | 29.3        | 2.468.308.986     | 5.322.931.908     |
| 60    | 18.Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN                  |             | 291.940.164.606   | 275.181.949.187   |

| VND   |                                              |             |                 |                 |
|-------|----------------------------------------------|-------------|-----------------|-----------------|
| MÃ SỐ | CHỈ TIÊU                                     | THUYẾT MINH | NĂM NAY         | NĂM TRƯỚC       |
| 61    | 19.Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ |             | 291.940.164.606 | 275.181.949.187 |
| 70    | 20.Lãi cơ bản trên cổ phiếu                  | 22.5        | 2.674           | 2.530           |
| 71    | 21.Lãi suy giảm trên cổ phiếu                | 22.5        | 2.674           | 2.530           |

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 3 năm 2025  
6

Lê Thị Kiều My  
Người lập

Đỗ Huy Phương  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Hương  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

| MÃ SỐ | CHỈ TIÊU                                                                             | THUYẾT MINH | NĂM NAY                  | NĂM TRƯỚC               |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|-------------------------|
|       | <b>I.LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                     |             |                          |                         |
| 01    | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                                             |             | <b>346.082.036.380</b>   | <b>325.135.524.331</b>  |
|       | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>                                                     |             |                          |                         |
| 02    | Khấu hao và hao mòn tài sản cố định                                                  |             | 51.021.340.822           | 48.112.079.145          |
| 03    | Dự phòng                                                                             |             | 259.615.760              | 17.753.867.873          |
| 04    | Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ |             | 103.878.871              | 245.498.185             |
| 05    | Lãi từ hoạt động đầu tư                                                              |             | (32.316.019.304)         | (38.668.096.477)        |
| 06    | Chi phí lãi vay                                                                      | 27          | 3.846.557.387            | 4.058.137.920           |
| 07    | Điều chỉnh khác                                                                      |             | 27.920.976.714           | 23.237.816.553          |
| 08    | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                 |             | <b>396.918.386.630</b>   | <b>379.874.827.530</b>  |
| 09    | Giảm (tăng) các khoản phải thu                                                       |             | 407.602.289              | (16.554.126.145)        |
| 10    | Giảm (tăng) hàng tồn kho                                                             |             | 134.717.241.603          | (33.973.935.685)        |
| 11    | Tăng các khoản phải trả                                                              |             | 133.042.465.086          | 11.570.263.662          |
| 12    | Tăng chi phí trả trước                                                               |             | (2.995.086.448)          | (1.835.431.205)         |
| 14    | Tiền lãi vay đã trả                                                                  |             | (3.706.362.387)          | (4.190.082.920)         |
| 15    | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                    | 16          | (24.728.641.081)         | (63.607.032.235)        |
| 16    | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                |             | 2.870.749.417            | 2.474.736.062           |
| 17    | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                               |             | (21.339.003.042)         | (9.028.940.537)         |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                 |             | <b>615.187.352.067</b>   | <b>264.730.278.527</b>  |
|       | <b>II.LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                        |             |                          |                         |
| 21    | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định                                        |             | (408.573.235.412)        | (148.745.141.676)       |
| 23    | Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng                                                         |             | (333.700.000.000)        | (109.956.292.800)       |
| 24    | Thu tiền gửi có kỳ hạn                                                               |             | 48.919.765.300           | 224.593.126.650         |
| 27    | Lãi tiền gửi và cổ tức đã nhận                                                       |             | 31.729.947.759           | 11.124.335.085          |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>                            |             | <b>(661.623.522.353)</b> | <b>(22.983.972.741)</b> |

VND

| MÃ SỐ | CHỈ TIÊU                                                     | THUYẾT MINH | NĂM NAY                  | NĂM TRƯỚC               |
|-------|--------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|-------------------------|
|       | <b>III.LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>            |             |                          |                         |
| 31    | Nhận góp vốn của chủ sở hữu                                  | 22.2        | 9.355.000.000            | -                       |
| 33    | Tiền thu từ đi vay                                           | 19          | 259.894.808.772          | 60.379.701.637          |
| 34    | Tiền trả nợ gốc vay                                          | 19          | (148.593.533.781)        | (75.733.320.497)        |
| 36    | Cổ tức đã trả                                                | 22.2        | (185.628.543.075)        | (9.933.200)             |
| 40    | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b> |             | <b>(64.972.268.084)</b>  | <b>(15.363.552.060)</b> |
| 50    | <b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>   |             | <b>(111.408.438.370)</b> | <b>226.382.753.726</b>  |
| 60    | <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                      |             | <b>314.198.731.825</b>   | <b>87.837.172.191</b>   |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ      |             | (6.648.853)              | (21.194.092)            |
| 70    | <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                     | <b>4</b>    | <b>202.783.644.602</b>   | <b>314.198.731.825</b>  |

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Lê Thị Kiều My  
Người lập

Đỗ Huy Phương  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Hương  
Tổng Giám đốc

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) (“Công ty”) tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) lần đầu số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ công trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang mô hình công ty cổ phần theo GCNĐKDN số 4100259564 điều chỉnh lần 2 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 3 năm 2014, và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 14 do Phòng Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể thuộc Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp ngày 11 tháng 9 năm 2025

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch cổ phiếu là DBD theo Giấy phép số 185/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 24 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có mười bảy (17) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh, thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.375 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.368 người).

### Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cơ cấu tổ chức của Nhóm Công ty bao gồm hai (2) công ty con và một (1) công ty liên kết. Chi tiết trình bày như sau:

| Tên công ty                                    | Trụ sở chính | Ngành nghề kinh doanh                                     | Số đầu năm và số cuối năm |                      |
|------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------|
|                                                |              |                                                           | Tỷ lệ sở hữu (%)          | Tỷ lệ biểu quyết (%) |
| Công ty con                                    |              |                                                           |                           |                      |
| (1) Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar       | Tỉnh Gia Lai | Bán buôn và bán lẻ thuốc tân dược, dược liệu, vật tư y tế | 100,00                    | 100,00               |
| (2) Công ty TNHH MTV Dược liệu Hữu cơ Bidiphar | Tỉnh Gia Lai | Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu                     | 100,00                    | 100,00               |
| Công ty liên kết                               |              |                                                           |                           |                      |
| (1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar            | Tỉnh Gia Lai | Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su        | 33,58                     | 33,58                |

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính. Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

|                                                    |                                                                            |
|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu; công cụ, dụng cụ và hàng hóa.     | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.                        |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm. | - Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa và hàng tồn kho khác dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (“TSCĐ”) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được ghi tăng nguyên giá của TSCĐ hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới TSCĐ vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu hao theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu hao.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao TSCĐ hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                           |            |
|---------------------------|------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc  | 4 - 43 năm |
| Máy móc, thiết bị         | 4 - 12 năm |
| Phương tiện vận tải       | 4 - 10 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 4 - 10 năm |
| Quyền sử dụng đất         | 50 năm     |
| Phần mềm máy tính         | 4 - 10 năm |

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

#### 3.13 Các khoản đầu tư

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

#### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.16 Vốn cổ phần

*Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

*Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

*Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này ghi nhận quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho nhân viên và quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty, và được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên. Quỹ này được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

#### 3.17 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Doanh thu từ tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 3.20 Thuế

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.22 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh được phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh được phẩm và các dụng cụ y tế trong một khu vực địa lý. Do đó, không có yêu cầu trình bày thêm thông tin bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                  | VND                    |                        |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Tiền mặt                         | 1.545.696.148          | 1.496.871.788          |
| Tiền gửi ngân hàng               | 53.237.948.454         | 55.201.860.037         |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng | 148.000.000.000        | 257.500.000.000        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                 | <b>202.783.644.602</b> | <b>314.198.731.825</b> |

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được hưởng lãi suất áp dụng theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                                              | VND                    |                        |
|--------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                              | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam             | 45.131.856.249         | 45.131.856.249         |
| Khác                                                         | 450.215.146.981        | 459.745.468.185        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                             | <b>495.347.003.230</b> | <b>504.877.324.434</b> |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 8) | (59.624.672.966)       | (64.418.817.801)       |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                         | <b>435.722.330.264</b> | <b>440.458.506.633</b> |

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                                                              | VND                   |                       |
|--------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                              | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Việt Sơn                            | 4.434.147.686         | -                     |
| Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Đông Á                          | 3.531.236.442         | 267.979.046           |
| Công ty TNHH Đông Nam                                        | 1.091.279.592         | 1.091.279.592         |
| Truking Technology Limited                                   | 584.887.448           | 12.995.306.236        |
| Tofflon Science and Technology Group Company Limited         | -                     | 36.272.301.000        |
| Khác                                                         | 31.146.694.716        | 25.871.862.509        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                             | <b>40.788.245.884</b> | <b>76.498.728.383</b> |
| Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 8) | (1.347.475.772)       | (1.371.279.592)       |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                         | <b>39.440.770.112</b> | <b>75.127.448.791</b> |

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

|                                                                     | VND                  |                      |
|---------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                                     | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| Lãi tiền gửi dự thu                                                 | 5.065.236.988        | 2.468.562.327        |
| Tạm ứng nhân viên                                                   | 349.414.190          | 932.928.777          |
| Khác                                                                | 3.518.519.262        | 3.517.042.922        |
|                                                                     |                      |                      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                    | <b>8.933.170.440</b> | <b>6.918.534.026</b> |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng <i>(Thuyết minh số 8)</i> | (2.281.861.467)      | (2.281.861.467)      |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                                | <b>6.651.308.973</b> | <b>4.636.672.559</b> |

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

8.1 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

|                                    | VND                     |                         |
|------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                                    | Năm nay                 | Năm trước               |
| Số đầu năm                         | (68.071.958.860)        | (69.378.783.874)        |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | -                       | (4.571.999.735)         |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm  | 4.817.948.655           | 5.878.824.749           |
|                                    |                         |                         |
| <b>Số cuối năm</b>                 | <b>(63.254.010.205)</b> | <b>(68.071.958.860)</b> |

8.2 Nợ quá hạn

|                    | VND                                              |                       |                 |                  |
|--------------------|--------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|------------------|
|                    | Đối tượng                                        |                       |                 |                  |
|                    | Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đồng Nam | Công ty TNHH Kiến Tạo | Khách hàng khác | Tổng cộng        |
| <b>Số cuối năm</b> |                                                  |                       |                 |                  |
| Giá gốc            | 45.895.444.249                                   | 11.560.756.445        | 8.247.865.628   | 65.704.066.322   |
| Dự phòng           | (45.895.444.249)                                 | (11.560.756.445)      | (5.797.809.511) | (63.254.010.205) |
| Giá trị thuần      | -                                                | -                     | 2.450.056.117   | 2.450.056.117    |
| <b>Số đầu năm</b>  |                                                  |                       |                 |                  |
| Giá gốc            | 46.986.723.841                                   | 12.339.449.445        | 13.983.805.762  | 73.309.979.048   |
| Dự phòng           | (46.986.723.841)                                 | (12.339.449.445)      | (8.745.785.574) | (68.071.958.860) |
| Giá trị thuần      | -                                                | -                     | 5.238.020.188   | 5.238.020.188    |

9. HÀNG TỒN KHO

|                                     | Số cuối năm            |                         | Số đầu năm             |                         |
|-------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
|                                     | Giá gốc                | Dự phòng                | Giá gốc                | Dự phòng                |
| Nguyên liệu, vật liệu               | 232.926.577.547        | (30.381.868.122)        | 269.060.649.045        | (21.907.801.829)        |
| Thành phẩm                          | 110.681.721.156        | (949.155.812)           | 184.478.440.062        | (3.124.185.961)         |
| Hàng mua đang đi đường              | 21.005.148.055         | -                       | 40.395.223.790         | -                       |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 27.386.165.637         | -                       | 28.947.218.521         | -                       |
| Hàng hóa                            | 4.149.981.524          | (179.006.327)           | 7.777.021.040          | (1.923.956.619)         |
| Công cụ, dụng cụ                    | 1.470.071.105          | -                       | 1.678.354.169          | -                       |
|                                     |                        |                         |                        |                         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>397.619.665.024</b> | <b>(31.510.030.261)</b> | <b>532.336.906.627</b> | <b>(26.955.944.409)</b> |

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

|                                    | VND                     |                         |
|------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                                    | Năm nay                 | Năm trước               |
| Số đầu năm                         | (26.955.944.409)        | (10.510.115.148)        |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | (10.097.046.128)        | (20.564.518.416)        |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm  | 5.542.960.276           | 4.118.689.155           |
|                                    |                         |                         |
| <b>Số cuối năm</b>                 | <b>(31.510.030.261)</b> | <b>(26.955.944.409)</b> |

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|                             | VND                   |                       |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                             | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| <b>Ngắn hạn</b>             | <b>8.972.511.923</b>  | <b>8.653.554.344</b>  |
| Công cụ, dụng cụ            | 3.175.150.107         | 2.538.609.158         |
| Chi phí bảo trì và sửa chữa | 3.050.224.733         | 4.016.797.362         |
| Chi phí thuê                | 401.900.000           | 240.000.000           |
| Khác                        | 2.345.237.083         | 1.858.147.824         |
| <b>Dài hạn</b>              | <b>42.059.071.473</b> | <b>39.382.942.604</b> |
| Chi phí thuê đất (*)        | 29.374.180.800        | 30.248.346.672        |
| Chi phí bảo trì và sửa chữa | 7.681.864.023         | 5.034.904.647         |
| Công cụ, dụng cụ            | 2.758.811.094         | 3.222.178.615         |
| Khác                        | 2.244.215.556         | 877.512.670           |
|                             |                       |                       |
| <b>TỔNG CỘNG</b>            | <b>51.031.583.396</b> | <b>48.036.496.948</b> |

(\*) Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả trước theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn – Nhơn Hội với thời hạn thuê đến ngày 17 tháng 6 năm 2066 và đến ngày 31 tháng 7 năm 2069.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                                                                 | Nhà xưởng,<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>và thiết bị | Phương tiện<br>vận tải | Thiết bị<br>dụng cụ quản lý | VND<br>Tổng cộng |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------|------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                                               |                             |                        |                        |                             |                  |
| Số đầu năm                                                      | 232.539.286.649             | 507.610.407.434        | 51.052.125.034         | 19.460.030.651              | 810.661.849.768  |
| Mua mới trong năm                                               | 609.279.361                 | 18.023.925.466         | 1.046.296.296          | 3.906.936.552               | 23.586.437.675   |
| Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành                              | 1.533.316.342               | 19.119.237.135         | -                      | -                           | 20.652.553.477   |
| Thanh lý                                                        | (175.880.909)               | (4.846.363.381)        | -                      | (222.174.546)               | (5.244.418.836)  |
| Số cuối năm                                                     | 234.506.001.443             | 539.907.206.654        | 52.098.421.330         | 23.144.792.657              | 849.656.422.084  |
| Trong đó:<br>Đã khấu hao hết                                    | 116.451.677.119             | 264.282.357.907        | 34.840.772.444         | 16.306.411.633              | 431.881.219.103  |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>                                  |                             |                        |                        |                             |                  |
| Số đầu năm                                                      | 138.824.082.950             | 334.276.711.399        | 39.948.689.928         | 16.886.620.047              | 529.936.104.324  |
| Khấu hao trong năm                                              | 15.674.812.552              | 33.773.406.419         | 2.169.185.673          | 1.360.044.708               | 52.977.449.352   |
| Thanh lý                                                        | (175.880.909)               | (4.846.363.381)        | -                      | (222.174.546)               | (5.244.418.836)  |
| Số cuối năm                                                     | 154.323.014.593             | 363.203.754.437        | 42.117.875.601         | 18.024.490.209              | 577.669.134.840  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                                          |                             |                        |                        |                             |                  |
| Số đầu năm                                                      | 93.715.203.699              | 173.333.696.035        | 11.103.435.106         | 2.573.410.604               | 280.725.745.444  |
| Số cuối năm                                                     | 80.182.986.850              | 176.703.452.217        | 9.980.545.729          | 5.120.302.448               | 271.987.287.244  |
| Trong đó:<br>Tài sản sử dụng để thế chấp<br>(Thuyết minh số 19) | 53.244.561.754              | 102.934.979.155        | 460.246.202            | 3.728.681.157               | 160.368.468.268  |

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

|                                    | Quyền sử dụng đất (*) | Phần mềm máy tính | VND<br>Tổng cộng |
|------------------------------------|-----------------------|-------------------|------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                  |                       |                   |                  |
| Số đầu năm                         | 56.767.881.650        | 19.343.111.742    | 76.110.993.392   |
| Mua mới trong năm                  | -                     | 1.524.113.000     | 1.524.113.000    |
| Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành | 25.575.711.296        | -                 | 25.575.711.296   |
| Số cuối năm                        | 82.343.592.946        | 20.867.224.742    | 103.210.817.688  |
| Trong đó:                          |                       |                   |                  |
| Đã hao mòn hết                     | -                     | 14.092.811.300    | 14.092.811.300   |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>     |                       |                   |                  |
| Số đầu năm                         | 2.930.983.237         | 16.356.076.415    | 19.287.059.652   |
| Hao mòn trong năm                  | 228.189.055           | 1.456.452.006     | 1.684.641.061    |
| Số cuối năm                        | 3.159.172.292         | 17.812.528.421    | 20.971.700.713   |
| <b>Giá trị còn lại</b>             |                       |                   |                  |
| Số đầu năm                         | 53.836.898.413        | 2.987.035.327     | 56.823.933.740   |
| Số cuối năm                        | 79.184.420.654        | 3.054.696.321     | 82.239.116.975   |

(\*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất của văn phòng tại các chi nhánh.

13. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

|                                          | Số cuối năm            | VND<br>Số đầu năm      |
|------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao | 503.589.550.775        | 158.721.743.664        |
| Dây chuyền thuốc tiêm bột                | 23.496.972.309         | 28.689.372.308         |
| Dự án trồng cây dược liệu                | 1.034.280.829          | 675.840.234            |
| Văn phòng Chi nhánh Hồ Chí Minh          | -                      | 24.924.000.000         |
| Khác                                     | 12.041.798.208         | 20.448.507.415         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                         | <b>540.162.602.121</b> | <b>233.459.463.621</b> |

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

|                                                         | Số cuối năm            | VND<br>Số đầu năm      |
|---------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh (“TM” số 14.1) | 162.451.534.940        | 162.728.191.614        |
| Đầu tư vào các đơn vị khác (TM số 14.2)                 | 3.513.534.971          | 3.513.534.971          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                        | <b>165.965.069.911</b> | <b>166.241.726.585</b> |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn                       | (2.000.000.000)        | (2.000.000.000)        |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                    | <b>163.965.069.911</b> | <b>164.241.726.585</b> |

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết

| Tên công ty liên kết            | Lĩnh vực kinh doanh           | Số đầu năm và số cuối năm            |                      |
|---------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|----------------------|
|                                 |                               | Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%) | Giá gốc đầu tư (VND) |
| Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar | Khai thác, chế biến mủ cao su | 33,58                                | 92.868.048.000       |

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào kết quả hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

|                                                            | VND<br>Số tiền   |
|------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>Giá gốc đầu tư:</b>                                     |                  |
| Số đầu năm và số cuối năm                                  | 92.868.048.000   |
| <b>Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:</b> |                  |
| Số đầu năm                                                 | 69.860.143.614   |
| Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm               | 12.280.174.884   |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                            | (2.279.579.965)  |
| Cổ tức nhận được                                           | (14.290.778.000) |
| Chênh lệch tỷ giá                                          | 4.013.526.407    |
| Số cuối năm                                                | 69.583.486.940   |
| <b>Giá trị còn lại:</b>                                    |                  |
| Số đầu năm                                                 | 162.728.191.614  |
| Số cuối năm                                                | 162.451.534.940  |

14.2 Đầu tư vào đơn vị khác

| Tên công ty                              | Lĩnh vực kinh doanh                     | Tình trạng     | Số đầu năm và số cuối năm |                      |
|------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|---------------------------|----------------------|
|                                          |                                         |                | % sở hữu                  | Giá gốc đầu tư (VND) |
| Công ty TNHH Thiên Phúc                  | Cung cấp thiết bị và hệ thống chống sét | Đang hoạt động | 10,00                     | 2.000.000.000        |
| Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An | Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu   | Đang hoạt động | 3,40                      | 1.513.534.971        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                         |                                         |                |                           | <b>3.513.534.971</b> |
| Dự phòng đầu tư vào đơn vị khác          |                                         |                |                           | (2.000.000.000)      |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                     |                                         |                |                           | <b>1.513.534.971</b> |

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

|                                           |                        |                        |
|-------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| VND                                       |                        |                        |
|                                           | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Tofflon Science                           | 33.458.881.599         | 3.020.202.000          |
| Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa | 19.264.779.810         | -                      |
| Truking Technology Limited                | 13.001.682.260         | 3.113.579.550          |
| Công ty TNHH Công nghệ Trung Sơn          | 1.195.608.000          | 459.428.000            |
| Aristopharma Ltd.                         | -                      | 13.793.220.000         |
| Công ty Cổ phần Minh Hưng M&C             | -                      | 8.718.730.960          |
| Khác                                      | 150.903.077.579        | 131.697.739.571        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          | <b>217.824.029.248</b> | <b>160.802.900.081</b> |

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|                                |                       |                       |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| VND                            |                       |                       |
|                                | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| Công ty Cổ phần Dược VP-Pharma | 5.940.546.470         | 1.396.512.100         |
| Công ty Cổ phần Thiết bị T&T   | 2.425.500.000         | -                     |
| Công ty Cổ phần Sundial Pharma | 1.457.124.271         | 3.444.824.049         |
| Rexton JSC                     | 1.381.288.200         | 1.626.195.000         |
| Công ty TNHH Dược phẩm HQ      | -                     | 4.945.269.650         |
| Khác                           | 4.250.184.545         | 4.563.951.542         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>15.454.643.486</b> | <b>15.976.752.341</b> |

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

|                                |                       |                        |                          |                       |
|--------------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|
| VND                            |                       |                        |                          |                       |
|                                | Số đầu năm            | Tăng trong năm         | Giảm trong năm           | Số cuối năm           |
| Thuế TNDN                      | 19.564.487.839        | 56.610.180.760         | (24.728.641.081)         | 51.446.027.518        |
| Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) | 976.543.064           | 18.632.635.503         | (19.203.532.224)         | 405.646.343           |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu       | (1.350.975.545)       | 31.871.603.227         | (30.817.762.197)         | (297.134.515)         |
| Thuế thu nhập cá nhân (“TNCN”) | 2.952.306.911         | 27.018.339.075         | (28.797.487.293)         | 1.173.158.693         |
| TNDN phải thu                  | (3.296.478)           | (45.074.279)           | -                        | (48.370.757)          |
| Thuế nhập khẩu                 | -                     | 467.677.048            | (467.677.048)            | -                     |
| Khác                           | 3.725.552.771         | 7.067.844.255          | (10.303.406.131)         | 489.990.895           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>25.864.618.562</b> | <b>141.623.205.589</b> | <b>(114.318.505.974)</b> | <b>53.169.318.177</b> |
| <b>Trong đó:</b>               |                       |                        |                          |                       |
| Phải thu                       | 1.507.912.479         |                        |                          | 358.416.341           |
| Phải trả                       | 27.372.531.041        |                        |                          | 53.527.734.518        |

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

|                            |                       |                       |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| VND                        |                       |                       |
|                            | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| Chi phí hoạt động bán hàng | 24.773.459.652        | 19.371.213.021        |
| Chi phí khác               | 1.414.590.033         | 452.344.852           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>26.188.049.685</b> | <b>19.823.557.873</b> |

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

|                                  |                      |                      |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| VND                              |                      |                      |
|                                  | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| Thù lao HĐQT và Ủy Ban Kiểm toán | 6.407.417.951        | 6.498.614.659        |
| Cổ tức                           | 1.600.459.750        | 121.478.825          |
| Quỹ từ thiện Thiên Phúc          | 1.028.022.166        | 1.750.718.610        |
| Khác                             | 845.357.854          | 310.274.560          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                 | <b>9.881.257.721</b> | <b>8.681.086.654</b> |

19. VAY

|                                      | Số đầu năm            | Tăng trong năm         | Giảm trong năm           | Phân loại lại           | VND<br>Số cuối năm     |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------|
| <b>Vay ngắn hạn</b>                  | <b>35.913.500.637</b> | <b>139.894.808.772</b> | <b>(148.593.533.781)</b> | <b>16.000.000.000</b>   | <b>43.214.775.628</b>  |
| Vay ngân hàng (TM số 19.1)           | 19.913.500.637        | 139.894.808.772        | (132.593.533.781)        |                         | 27.214.775.628         |
| Vay dài hạn đến hạn trả (TM số 19.2) | 16.000.000.000        | -                      | (16.000.000.000)         | 16.000.000.000          | 16.000.000.000         |
| <b>Vay dài hạn</b>                   | <b>28.000.000.000</b> | <b>120.000.000.000</b> | <b>-</b>                 | <b>(16.000.000.000)</b> | <b>132.000.000.000</b> |
| Vay bên liên quan (TM số 19.3)       | 28.000.000.000        | 120.000.000.000        | -                        | (16.000.000.000)        | 132.000.000.000        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                     | <b>63.913.500.637</b> | <b>259.894.808.772</b> | <b>(148.593.533.781)</b> | <b>-</b>                | <b>175.214.775.628</b> |

19.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

| Ngân hàng                                                          | Số cuối năm (VND)     | Ngày đến hạn             | Lãi suất<br>(%/năm) | Mục đích             | Tài sản đảm bảo |
|--------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------|---------------------|----------------------|-----------------|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định | 14.268.551.500        | Ngày 13 tháng 2 năm 2026 | 4,7                 | Bổ sung vốn lưu động | Tín chấp        |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn          | 12.946.224.128        | Ngày 8 tháng 3 năm 2026  | 6,6                 | Bổ sung vốn lưu động | Tín chấp        |
|                                                                    | <b>27.214.775.628</b> |                          |                     |                      |                 |

19.2 Vay dài hạn

| Bên cho vay                                                                                       | Số cuối năm (VND) | Ngày đến hạn                                          | Lãi suất<br>(%/năm) | Mục đích                                                                  | Tài sản đảm bảo                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quỹ Đầu tư phát triển Tỉnh Gia Lai (trước đây là Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định) (TM số 30) | 148.000.000.000   | Ngày 31 tháng 3 năm 2026 đến ngày 20 tháng 8 năm 2032 | 5,5 - 7,0           | Tài trợ cho dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội | Toàn bộ tài sản trong tương lai dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm Bidiphar Công nghệ cao Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư (TM số 11) |
| Trong đó:                                                                                         |                   |                                                       |                     |                                                                           |                                                                                                                                            |
| Vay dài hạn đến hạn trả                                                                           | 16.000.000.000    |                                                       |                     |                                                                           |                                                                                                                                            |
| Vay dài hạn                                                                                       | 132.000.000.000   |                                                       |                     |                                                                           |                                                                                                                                            |

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

|                                              | VND             |                 |                          |                  |
|----------------------------------------------|-----------------|-----------------|--------------------------|------------------|
|                                              | Quỹ khen thưởng | Quỹ phúc lợi    | Quỹ thưởng ban điều hành | Tổng cộng        |
| Số đầu năm                                   | 35.444.876.372  | 61.744.636.563  | 16.057.321.010           | 113.246.833.945  |
| Trích lập từ lợi nhuận sau thuế (TM số 22.1) | 14.597.008.230  | 14.597.008.230  | 5.838.803.292            | 35.032.819.752   |
| Tăng khác                                    | 14.040.000      | 6.600.000       | -                        | 20.640.000       |
| Kết chuyển                                   | 158.700.000     | (158.700.000)   | -                        | -                |
| Sử dụng quỹ                                  | (1.196.700.000) | (2.959.135.256) | (16.033.200.000)         | (20.189.035.256) |
| Số cuối năm                                  | 49.017.924.602  | 73.230.409.537  | 5.862.924.302            | 128.111.258.441  |

21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

|                           | VND                               |                                                      |                  |
|---------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------|------------------|
|                           | Quỹ phát triển khoa học công nghệ | Quỹ phát triển khoa học công nghệ đã hình thành TSCĐ | Tổng cộng        |
| Số đầu năm                | 88.177.085.243                    | 19.466.934.377                                       | 107.644.019.620  |
| Trích quỹ (TM số 26)      | 50.000.000.000                    | -                                                    | 50.000.000.000   |
| Khấu hao TSCĐ trừ vào quỹ | -                                 | (2.794.666.258)                                      | (2.794.666.258)  |
| (Giảm) tăng khác          | (22.228.023.286)                  | 149.000.000                                          | (22.079.023.286) |
| Số cuối năm               | 115.949.061.957                   | 16.821.268.119                                       | 132.770.330.076  |

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

|                                                                                             |                 |                      |                 |                   |                       |                                   | VND               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------|-----------------|-------------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------|
| Năm trước                                                                                   | Vốn cổ phần     | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ    | Chênh lệch tỷ giá | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng         |
| Số đầu năm                                                                                  | 748.835.590.000 | 20.921.442.000       | (1.952.796.558) | 8.195.890.640     | 174.168.770.079       | 478.393.492.175                   | 1.428.562.388.336 |
| Lợi nhuận thuần trong năm                                                                   | -               | -                    | -               | -                 | -                     | 275.181.949.187                   | 275.181.949.187   |
| Trích quỹ đầu tư phát triển                                                                 | -               | -                    | -               | -                 | 27.518.194.919        | (27.518.194.919)                  | -                 |
| Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi                                                           | -               | -                    | -               | -                 | -                     | (33.021.833.902)                  | (33.021.833.902)  |
| Cổ tức bằng cổ phiếu                                                                        | 187.102.880.000 | -                    | -               | -                 | -                     | (187.102.880.000)                 | -                 |
| Thù lao Hội đồng Quản trị                                                                   | -               | -                    | -               | -                 | -                     | (5.503.638.984)                   | (5.503.638.984)   |
| Khác                                                                                        | -               | -                    | -               | (3.405.339.537)   | -                     | (3.080.543.488)                   | (6.485.883.025)   |
| Số cuối năm                                                                                 | 935.938.470.000 | 20.921.442.000       | (1.952.796.558) | 4.790.551.103     | 201.686.964.998       | 497.348.350.069                   | 1.658.732.981.612 |
|                                                                                             |                 |                      |                 |                   |                       |                                   |                   |
| Năm nay                                                                                     |                 |                      |                 |                   |                       |                                   |                   |
| Số đầu năm                                                                                  | 935.938.470.000 | 20.921.442.000       | (1.952.796.558) | 4.790.551.103     | 201.686.964.998       | 497.348.350.069                   | 1.658.732.981.612 |
| Lợi nhuận thuần trong năm                                                                   | -               | -                    | -               | -                 | -                     | 291.940.164.606                   | 291.940.164.606   |
| Phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (TM số 22.2) | 9.355.000.000   | -                    | -               | -                 | -                     | -                                 | 9.355.000.000     |
| Trích quỹ đầu tư phát triển                                                                 | -               | -                    | -               | -                 | 29.194.016.460        | (29.194.016.460)                  | -                 |
| Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (TM số 22.5)                                              | -               | -                    | -               | -                 | -                     | (35.079.018.432)                  | (35.079.018.432)  |
| Công bố cổ tức                                                                              |                 | -                    | -               | -                 | -                     | (187.107.524.000)                 | (187.107.524.000) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị (TM số 22.5)                                                      | -               | -                    | -               | -                 | -                     | (5.838.803.292)                   | (5.838.803.292)   |
| Khác (TM số 14.1)                                                                           | -               | -                    | -               | 4.013.526.407     | -                     | (2.279.579.965)                   | 1.733.946.442     |
| Số cuối năm                                                                                 | 945.293.470.000 | 20.921.442.000       | (1.952.796.558) | 8.804.077.510     | 230.880.981.458       | 529.789.572.526                   | 1.733.736.746.936 |

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

|                                                                                    | VND             |                 |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
|                                                                                    | Năm nay         | Năm trước       |
| Vốn đã góp                                                                         |                 |                 |
| Số đầu năm                                                                         | 935.938.470.000 | 748.835.590.000 |
| Phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (i) | 9.355.000.000   | -               |
| Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức                                                  | -               | 187.102.880.000 |
| Số cuối năm                                                                        | 945.293.470.000 | 935.938.470.000 |
| Cổ tức                                                                             |                 |                 |
| Cổ tức đã công bố (ii)                                                             | 187.107.524.000 | 187.102.880.000 |
| Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu                                                        | -               | 187.102.880.000 |
| Cổ tức đã trả bằng tiền (ii)                                                       | 185.628.543.075 | 9.933.200       |

(i) Vào ngày 27 tháng 8 năm 2025, Công ty công bố đã hoàn thành việc phát hành 935.500 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên của Công ty theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Việc phát hành cổ phiếu này đã được chấp thuận bởi các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 749/NQ-ĐHĐCD ngày 27 tháng 4 năm 2024, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 56/NQ-ĐHĐCD 2025 ngày 26 tháng 4 năm 2025 và các Quyết định Hội đồng Quản trị số 85/QĐ-HĐQT ngày 4 tháng 6 năm 2025, số 86/QĐ-HĐQT ngày 4 tháng 6 năm 2025, số 87/QĐ-HĐQT ngày 4 tháng 6 năm 2025 và số 96/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2025. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty được tăng từ 935.938.470.000 VND lên 945.293.470.000 VND. Theo Công văn số 4861/UBCK-QLCB ngày 29 tháng 8 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành của Nhóm Công ty về việc phát hành 935.500 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên của Công ty theo chương trình lựa chọn cho người lao động nói trên. Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 14 ngày 11 tháng 9 năm 2025 do Phòng Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể thuộc Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai phê duyệt về việc điều chỉnh theo số vốn mới.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 56/NQ-ĐHĐCĐ 2025 ngày 26 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt là 20% trên mệnh giá cổ phần.

22.3 Cổ phiếu phổ thông

|                                         | Số lượng cổ phiếu |            |
|-----------------------------------------|-------------------|------------|
|                                         | Số cuối năm       | Số đầu năm |
| Cổ phiếu được phép phát hành            | 94.529.347        | 93.593.847 |
| Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ |                   |            |
| Cổ phiếu phổ thông                      | 94.529.347        | 93.593.847 |
| Cổ phiếu quỹ                            |                   |            |
| Cổ phiếu phổ thông                      | (40.085)          | (40.085)   |
| Cổ phiếu đang lưu hành                  |                   |            |
| Cổ phiếu phổ thông                      | 94.489.262        | 93.553.762 |

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

|                                      | Số cuối năm     |                | Số đầu năm      |                |
|--------------------------------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|
|                                      | Giá trị VND     | Tỷ lệ sở hữu % | Giá trị VND     | Tỷ lệ sở hữu % |
| Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định | 124.856.060.000 | 13,21          | 124.856.060.000 | 13,34          |
| KWE Beteiligungen AG                 | 100.535.500.000 | 10,64          | 93.685.500.000  | 10,01          |
| Các cổ đông khác                     | 719.501.060.000 | 76,11          | 716.996.060.000 | 76,61          |
| Cổ phiếu quỹ                         | 400.850.000     | 0,04           | 400.850.000     | 0,04           |
| TỔNG CỘNG                            | 945.293.470.000 | 100,00         | 935.938.470.000 | 100,00         |

22.5 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

|                                                                                       | VND              |                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
|                                                                                       | Năm nay          | Năm trước        |
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN                                                         | 291.940.164.606  | 275.181.949.187  |
| Trừ:                                                                                  |                  |                  |
| - Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)                                                        | (35.079.018.432) | (33.021.833.902) |
| - Thù lao Hội đồng Quản trị (*)                                                       | (5.838.803.292)  | (5.503.638.984)  |
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ | 251.022.342.882  | 236.656.476.301  |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân                                        | 93.876.702       | 93.553.762       |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)                                           | 2.674            | 2.530            |
| Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)                                         | 2.674            | 2.530            |

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2025 được điều chỉnh giảm cho khoản tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại mức 12% và thù lao Hội đồng Quản trị tại mức 2% từ lợi nhuận của năm 2025 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025.

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

23. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

Nguồn kinh phí và quỹ khác thể hiện khoản kinh phí được cấp bởi Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Bình Định (“SKHCNTBD”) liên quan tới các hợp đồng “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư tại Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định”, hợp đồng “Nghiên cứu phát triển dạng bào chế và đánh giá tác động của bài thuốc điều trị chấn thương trong võ cổ truyền Bình Định” và các hợp đồng nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng quy trình nhân giống, trồng và chế biến một số loại cây dược liệu.

24. DOANH THU

| 24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ |                   |                   | VND |
|------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-----|
|                                                      | Năm nay           | Năm trước         |     |
| Tổng doanh thu                                       | 1.946.612.659.958 | 1.817.259.164.083 |     |
| Trong đó:                                            |                   |                   |     |
| Doanh thu bán dược phẩm sản xuất                     | 1.879.187.145.157 | 1.752.251.384.321 |     |
| Doanh thu bán dược phẩm mua ngoài                    | 39.826.575.402    | 35.696.823.885    |     |
| Doanh thu bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ   | 13.348.581.085    | 18.586.867.418    |     |
| Doanh thu bán vật tư y tế                            | 4.779.241.533     | 8.381.818.232     |     |
| Khác                                                 | 9.471.116.781     | 2.342.270.227     |     |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                         | (81.233.070.327)  | (89.710.776.512)  |     |
| Chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán           | (74.727.922.982)  | (86.135.200.447)  |     |
| Hàng bán trả lại                                     | (6.505.147.345)   | (3.575.576.065)   |     |
| DOANH THU THUẦN                                      | 1.865.379.589.631 | 1.727.548.387.571 |     |

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

|                                | Năm nay        | Năm trước      | VND |
|--------------------------------|----------------|----------------|-----|
| Lãi tiền gửi                   | 20.035.844.420 | 11.399.296.546 |     |
| Cổ tức được chia               | -              | 205.710.000    |     |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 5.153.319.762  | 1.754.141.812  |     |
| TỔNG CỘNG                      | 25.189.164.182 | 13.359.148.358 |     |

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

|                                                  | Năm nay         | Năm trước       | VND |
|--------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----|
| Giá vốn bán dược phẩm sản xuất                   | 913.524.858.580 | 818.509.961.544 |     |
| Giá vốn bán dược phẩm mua ngoài                  | 38.026.742.404  | 34.057.609.049  |     |
| Giá vốn bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ | 18.819.258.291  | 33.123.410.276  |     |
| Giá vốn bán vật tư y tế                          | 3.372.062.008   | 8.149.559.493   |     |
| Khác                                             | 7.257.873.982   | 1.134.598.354   |     |
| TỔNG CỘNG                                        | 981.000.795.265 | 894.975.138.716 |     |

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

|                                                    | Năm nay         | Năm trước       | VND |
|----------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----|
| Chi phí bán hàng                                   | 418.308.462.079 | 404.195.096.035 |     |
| Chi phí nhân viên                                  | 193.488.387.126 | 199.626.047.458 |     |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                          | 55.616.037.417  | 59.112.834.846  |     |
| Chi phí khấu hao                                   | 3.088.266.715   | 3.213.450.544   |     |
| Khác                                               | 166.115.770.821 | 142.242.763.187 |     |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 139.794.488.425 | 122.785.668.843 |     |
| Chi phí trích quỹ khoa học và công nghệ (TM số 21) | 50.000.000.000  | 23.000.000.000  |     |
| Chi phí nhân viên                                  | 48.957.811.306  | 47.180.257.016  |     |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                          | 17.143.169.758  | 12.088.764. 524 |     |
| Chi phí khấu hao và hao mòn                        | 8.782.404.230   | 9.952.145.490   |     |
| Hoàn nhập dự phòng                                 | (4.817.948.655) | (330.125.014)   |     |
| Khác                                               | 19.729.051.786  | 30.894.626.827  |     |
| TỔNG CỘNG                                          | 558.102.950.504 | 526.980.764.878 |     |

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|                                   | Năm nay        | Năm trước      | VND |
|-----------------------------------|----------------|----------------|-----|
| Chiết khấu thanh toán             | 8.261.754.499  | 8.168.738.992  |     |
| Chi phí lãi vay                   | 3.846.557.387  | 4.058.137.920  |     |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái     | 2.508.913.003  | 2.701.633.484  |     |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | -              | 2.000.000.000  |     |
| TỔNG CỘNG                         | 14.617.224.889 | 16.928.510.396 |     |

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

|                               | Năm nay           | Năm trước         | VND |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|-----|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 626.361.730.399   | 669.140.873.557   |     |
| Chi phí nhân viên             | 342.578.095.607   | 337.380.955.381   |     |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài     | 146.603.455.366   | 145.543.018.230   |     |
| Chi phí khấu hao và hao mòn   | 51.021.340.822    | 48.112.079.145    |     |
| (Hoàn nhập) chi phí dự phòng  | (263.862.803)     | 16.115.704.247    |     |
| Chi phí khác                  | 239.193.345.090   | 198.989.623.120   |     |
| TỔNG CỘNG                     | 1.405.494.104.481 | 1.415.282.253.680 |     |

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là:
- Theo thuế suất thuế TNDN thông thường 20% trên thu nhập chịu thuế thu được từ hoạt động sản xuất từ nhà máy Nguyễn Thái Học, và
  - Miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo trên thu nhập chịu thuế thu được từ nhà máy Nhơn Hội.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% thu nhập chịu thuế. Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

|                                                        | VND                   |                       |
|--------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                        | Năm nay               | Năm trước             |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                            | 56.582.178.164        | 54.074.436.040        |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích bổ sung cho những năm trước | 28.002.596            | 1.202.071.012         |
|                                                        | 56.610.180.760        | 55.276.507.052        |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại                            | (2.468.308.986)       | (5.322.931.908)       |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                       | <b>54.141.871.774</b> | <b>49.953.575.144</b> |

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

|                                                        | VND                    |                        |
|--------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                        | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>               | <b>346.082.036.380</b> | <b>325.135.524.331</b> |
| Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng                       | 69.216.407.276         | 65.027.104.866         |
| <i>Các khoản điều chỉnh:</i>                           |                        |                        |
| Thu nhập miễn thuế                                     | (13.747.723.205)       | (12.755.358.591)       |
| Chi phí không được trừ                                 | 1.117.119.264          | 2.154.351.022          |
| Lãi từ công ty liên kết                                | (2.456.034.977)        | (5.412.617.986)        |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích bổ sung cho những năm trước | 28.002.596             | 1.202.071.012          |
| Khác                                                   | (15.899.180)           | (261.975.179)          |
| <b>Chi phí thuế TNDN</b>                               | <b>54.141.871.774</b>  | <b>49.953.575.144</b>  |

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

|                                    | Bảng cân đối kế toán hợp nhất |                       | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh |                      |
|------------------------------------|-------------------------------|-----------------------|--------------------------------------|----------------------|
|                                    | Số cuối năm                   | Số đầu năm            | Năm nay                              | Năm trước            |
| Khấu hao                           | 7.394.572.128                 | 5.872.120.082         | 1.522.452.046                        | 1.528.802.863        |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho     | 6.302.006.052                 | 5.391.188.882         | 910.817.170                          | 3.289.165.853        |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc         | 1.558.112.458                 | 1.453.416.745         | 104.695.713                          | 122.972.725          |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn  | 400.000.000                   | 400.000.000           | -                                    | 400.000.000          |
| Lợi nhuận chưa thực hiện           | 105.721.293                   | 175.377.236           | (69.655.943)                         | (18.009.533)         |
| <b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>  | <b>15.760.411.931</b>         | <b>13.292.102.945</b> |                                      |                      |
| <b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b> |                               |                       | <b>2.468.308.986</b>                 | <b>5.322.931.908</b> |

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

| Bên liên quan                                                                             | Mối quan hệ      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai<br>(trước đây là Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định) | Cổ đông lớn      |
| KWE Beteiligungen AG                                                                      | Cổ đông lớn      |
| Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar                                                           | Công ty liên kết |

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

| Bên liên quan                      | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay         | VND<br>Năm trước |
|------------------------------------|--------------------|-----------------|------------------|
| Quỹ Đầu tư phát triển Tỉnh Gia Lai | Vay                | 120.000.000.000 | -                |
|                                    | Trả nợ vay         | 16.000.000.000  | 16.000.000.000   |
|                                    | Chi phí lãi vay    | 3.831.229.000   | 3.811.068.000    |
|                                    | Lãi vay phải trả   | 240.688.000     | -                |
|                                    | Cổ tức đã trả      | 18.737.100.000  | 24.971.210.000   |
| Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar    | Nhận cổ tức        | 14.290.778.000  | 17.863.472.500   |

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan                                    | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm     | VND<br>Số đầu năm |
|--------------------------------------------------|--------------------|-----------------|-------------------|
| <b>Vay</b><br>Quỹ Đầu tư phát triển Tỉnh Gia Lai | Vay                | 148.000.000.000 | 44.000.000.000    |

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT trong năm như sau:

| Tên                      | Chức vụ                                                                       | Năm nay        | Năm trước      |
|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Bà Phạm Thị Thanh Hương  | Tổng Giám đốc/<br>Thành viên HĐQT                                             | 8.334.958.642  | 3.872.050.000  |
| Ông Nguyễn Ngọc Dũng     | Phó Tổng Giám đốc/ Thành<br>viên HĐQT                                         | 5.038.977.580  | 3.146.191.596  |
| Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh   | Phó Tổng Giám đốc                                                             | 3.441.175.397  | 2.270.030.000  |
| Ông Huỳnh Ngọc Oanh      | Phó Tổng Giám đốc (đến<br>ngày 1 tháng 1 năm 2025)                            | 1.665.500.000  | 2.842.700.000  |
| Ông Trương Thanh Liêm    | Thành viên HĐQT                                                               | 1.144.406.667  | 1.383.165.000  |
| Ông Tạ Nam Bình          | Chủ tịch HĐQT/ Thành viên<br>độc lập HĐQT                                     | 968.000.000    | 650.000.000    |
| Bà Nguyễn Thị Minh Giang | Thành viên HĐQT/<br>Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán                                 | 817.000.000    | -              |
| Ông Nguyễn Tiến Hải      | Thành viên HĐQT                                                               | 667.000.000    | 750.000.000    |
| Ông Phan Tấn Thư         | Thành viên HĐQT/<br>Thành viên UBKT                                           | 767.000.000    | 30.000.000     |
| Ông Hoàng Văn Thắng      | Thành viên độc lập HĐQT/<br>Thành viên UBKT (đến<br>ngày 27 tháng 4 năm 2024) | -              | 580.000.000    |
| Ông Đậu Minh Lâm         | Thành viên HĐQT (đến<br>ngày 27 tháng 4 năm 2024)                             | -              | 550.000.000    |
| TỔNG CỘNG                |                                                                               | 22.844.018.286 | 16.074.136.596 |

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

|                | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------|-------------|------------|
| Ngoại tệ       |             |            |
| Đô la Mỹ (USD) | 60.745,43   | 2.596,70   |
| Euro (EUR)     | 128,61      | 145,82     |

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty đang thuê nhà kho và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

|              |               |               |
|--------------|---------------|---------------|
|              | VND           |               |
|              | Số cuối năm   | Số đầu năm    |
| Đến 1 năm    | 659.330.000   | 1.633.874.832 |
| Từ 1 – 5 năm | 366.000.000   | 822.000.000   |
| TỔNG CỘNG    | 1.025.330.000 | 2.455.874.832 |

Cam kết đầu tư

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty có các cam kết hợp đồng cho việc xây nhà máy như sau:

|                                                   |                          |                        |                            |
|---------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|----------------------------|
|                                                   | VND                      |                        |                            |
| Bên liên quan                                     | Giá trị theo<br>hợp đồng | Giá trị đã<br>ghi nhận | Giá trị<br>cam kết còn lại |
| Nhà máy sản xuất Dược phẩm Bidiphar Công nghệ cao | 714.222.612.487          | 503.589.550.775        | 210.633.061.712            |
| Dây chuyền thuốc tiêm bột                         | 24.091.972.569           | 23.496.972.309         | 595.000.260                |
| TỔNG CỘNG                                         | 738.314.585.056          | 527.086.523.084        | 211.228.061.972            |

33. NỢ TIỀM TÀNG

Theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, nhà sản xuất, nhập khẩu một số loại sản phẩm và bao bì sẽ có trách nhiệm tái chế các sản phẩm, bao bì đó theo tỷ lệ tái chế bắt buộc theo lộ trình quy định, bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2024.

Nhóm Công ty hiện có hoạt động sản xuất bao bì thương phẩm của hàng hóa là thuốc theo quy định của pháp luật về dược, theo đó, Nhóm Công ty được xác định thuộc đối tượng phải thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý bao bì của sản phẩm, thực hiện đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam theo tỷ lệ, quy cách tái chế bắt buộc quy định tại Chương VI, Mục 1, Điều 77 đến điều 82 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đang trong quá trình ước tính giá trị nghĩa vụ tái chế bao bì có thể phát sinh. Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, khoản nghĩa vụ tái chế bao bì có thể phát sinh là không trọng yếu đối với báo cáo tài chính hợp nhất này.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 3 năm 2026



Lê Thị Kiều My  
Người lập



Đỗ Huy Phương  
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hương  
Tổng Giám đốc



 <https://bidiphar.com>

 [info@bidiphar.com](mailto:info@bidiphar.com)

 +84 (256) 3846500

 498 Nguyễn Thái Học,  
Phường Quy Nhơn Nam, Gia Lai

